



 15 Trường Chinh, Thành phố Pleiku,
Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

 (+84) 269 222 2249

 (+84) 269 222 2247

 www.hagl.com.vn

ÁNH BÌNH MINH

Báo cáo thường niên 2016





ÁNH BÌNH MINH

Kiên trì, bền bỉ vượt qua những khó khăn chung của thị trường, nỗ lực chuyển đổi mô hình kinh doanh, tái cơ cấu nợ, tổ chức lại công tác quản trị... Tất cả đều bắt đầu mang lại kết quả tích cực, khả quan. “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, Hoàng Anh Gia Lai quyết tâm hướng đến những mục tiêu phát triển dài hạn và cam kết lợi ích lâu dài cho nhà đầu tư, đối tác, khách hàng và cộng đồng xã hội.

MỤC LỤC

Tầm nhìn, Sứ mệnh	01	TẠO DỰNG TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG		CHIA SẺ GIÁ TRỊ RỘNG KHẮP	
Thông điệp Chủ tịch	02	Thông tin Hội đồng Quản trị	28	Quản trị công ty	
Hội đồng Quản trị		Thông tin Ban Tổng Giám đốc	30	• Hoạt động của Hội đồng Quản trị	44
Thông tin tài chính cơ bản	04	Thông tin Ban Kiểm soát	31	• Báo cáo Ban Kiểm soát	46
TÍCH LŨY GIÁ TRỊ THEO THỜI GIAN		Tổ chức nhân sự	32	• Quan hệ nhà đầu tư	48
Thông tin chung	08	Báo cáo tình hình hoạt động năm 2016	34	• Quản lý rủi ro	48
Các cột mốc phát triển quan trọng	10	Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Quản trị	36	• Cơ cấu cổ đông	50
Mô hình quản trị	12	Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	38	• Định hướng phát triển	52
Bộ máy quản lý	14			CHUNG TAY PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	
Lĩnh vực kinh doanh	16			Báo cáo phát triển bền vững	60
Sản phẩm & dịch vụ	18			CAM KẾT GIÁ TRỊ BỀN VỮNG	
Các công ty có liên quan	24			Báo cáo tài chính	70



TẦM NHÌN

Trở thành Tập đoàn hàng đầu Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực nông nghiệp.



SỨ MỆNH

Không ngừng sáng tạo, phấn đấu tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao với giá cạnh tranh. Thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng về vật chất và tinh thần nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên tạo ra nhiều giá trị mới cho khách hàng, cổ đông và toàn xã hội.

THÔNG DIỆP CHỦ TỊCH HĐQT



Kính thưa Quý Cổ đông và Nhà đầu tư,

Năm 2016, kết quả kinh doanh của Công ty chưa đạt được theo kế hoạch đề ra, với khoản lỗ trên báo cáo tài chính hợp nhất là 1.503 tỷ đồng. Nguyên nhân gây ra khoản lỗ là do chi phí tài chính vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí, biên lợi nhuận của ngành bò đã giảm và trong năm 2016 Công ty đã tiến hành thanh lý một số dự án bất động sản và đánh giá lại giá trị một số tài sản.

Bên cạnh đó, giá cao su mặc dù có dấu hiệu phục hồi từ mức 1.100 USD/tấn trong năm 2015 lên đến 2.200 USD/tấn, nhưng việc tăng giá chỉ diễn ra vào các tháng cuối năm 2016, vì vậy trong niên vụ 2016 (bắt đầu từ tháng 05) Công ty vẫn đang hạn chế mở rộng diện tích cạo mủ. Do sản lượng mủ thu hoạch chưa nhiều nên doanh thu từ cao su trong năm vẫn ở mức khiêm tốn. Với giá bán mủ cao su cuối năm 2016 được ghi nhận cao gấp đôi đầu năm 2016, Công ty dự kiến sẽ đẩy mạnh diện tích thu hoạch mủ từ tháng 05 năm 2017.

Mặc dù Công ty chưa đạt được chỉ tiêu về kế hoạch lợi nhuận hợp nhất năm 2016 nhưng nhìn nhận ở một khía cạnh tích cực thì đây vẫn là năm HAGL đạt được nhiều kết quả khả quan khác. Cụ thể, Công ty đã thực hiện cơ cấu lại các khoản nợ để phù hợp với dòng tiền thu được từ các dự án. Công ty đã hoàn thành việc tái cơ cấu các khoản nợ vay và trái phiếu

“

Dự kiến trong năm 2017 Công ty sẽ có được nguồn thu khả quan từ thanh long, chuối và chanh dây.

”



Trong năm, Công ty cũng rà soát và quyết định sử dụng quỹ đất còn dôi dư để trồng một số loại cây ăn quả có giá trị cao hơn và thời gian đưa vào thu hoạch ngắn hơn. Chúng tôi tin tưởng rằng, đây là quyết sách hợp lý trong bối cảnh HAGL cần có một hướng đi đột phá và mang tính chiến lược để vượt qua khó khăn và bảo đảm khả năng cạnh tranh trong dài hạn.



với các tổ chức tín dụng. Việc tái cơ cấu bao gồm việc gia hạn thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu từ 4 - 10 năm; gia hạn thời gian trả nợ lãi thêm từ 1 đến 3 năm; và giảm lãi suất, lãi phạt. Từ trạng thái tài chính dễ dàng đổ vỡ do mất khả năng thanh khoản do số tiền lãi và gốc đến hạn quá lớn, khả năng thanh khoản đã dần được cải thiện, rủi ro tài chính được kiểm soát chặt chẽ hơn. Việc xin gia hạn thành công các khoản nợ vay đã không những giúp cho Công ty giảm bớt được gánh nặng về dòng tiền trả nợ, mà còn giúp cho Công ty có quỹ thời gian tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý khối tài sản to lớn để tăng doanh thu, mang lại dòng tiền.

Ngoài tái cơ cấu nợ, HAGL đã triển khai đề án tái cấu trúc tổng thể Công ty giai đoạn 2016 - 2026. Chi tiết về đề án tái cấu trúc đã được trình bày trong Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 của Công ty. Phạm vi tái cấu trúc tổng thể từ việc hoạch định chiến lược đến tái cấu trúc về công tác tổ chức, công tác quản trị và tài chính, trong đó có việc chuyển nhượng và thanh lý tài sản để giảm nợ vay. Trong năm 2016, HAGL bắt đầu tiến hành các công việc để chuyển nhượng dự án mía đường, dự án thủy điện Nậm Kông 2. Việc chuyển nhượng này sẽ làm giảm nợ vay của HAGL. Bên cạnh đó HAGL cũng đang tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng dự án Khu phức hợp HAGL Myanmar và dự án thủy điện Nậm Kông 3 để giảm thêm nợ vay.

Trong năm, Công ty cũng rà soát và quyết định sử dụng quỹ đất còn dôi dư để trồng một số loại cây ăn quả có giá trị cao hơn và thời gian đưa vào thu hoạch ngắn hơn. Chúng tôi tin tưởng rằng đây là quyết sách hợp lý trong bối cảnh HAGL cần có một hướng đi đột phá và mang tính chiến lược để vượt qua khó khăn và bảo đảm khả năng cạnh tranh trong dài hạn.

Định hướng năm 2017, ban lãnh đạo HAGL sẽ cố gắng nâng cao năng lực tư duy, quản lý và lãnh đạo để tiếp tục đưa Công ty vượt qua được giai đoạn khó khăn. Công ty vẫn tiếp tục thực hiện đề án tái cấu trúc tổng thể trên cơ sở đề cao sự an toàn trong hoạt động đầu tư và kinh doanh. Về hoạt động kinh doanh, Công ty vẫn sẽ tập trung vào các ngành nghề cốt lõi như chăn nuôi bò, thu hoạch cao su và cọ dầu. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục tận dụng những lợi thế về đất

đai và hạ tầng cho nông nghiệp để trồng cây ăn quả. Công ty tiếp tục tham gia chuỗi cung ứng trái cây có nguồn gốc từ Việt Nam, Lào, và Campuchia để xuất khẩu. Dự kiến trong năm 2017 Công ty cũng sẽ có được nguồn thu khả quan từ thanh long, chuối và chanh dây.

Chúng tôi tin tưởng rằng kể từ năm 2017 khả năng tạo ra dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của ngành Nông nghiệp sẽ được cải thiện tốt hơn so với các năm trước. Có lý do để tin tưởng triển vọng này, bởi vì HAGL đã vượt qua giai đoạn khó khăn và thách thức nhất, khi mà thị trường hàng hóa nói chung và cao su nói riêng suy giảm và duy trì ở mức giá thấp trong thời gian rất dài.

Đối với ngành Bất động sản, Công ty sẽ tiếp tục duy trì tốt hoạt động cho thuê Trung tâm thương mại của giai đoạn 1, hiện đã lấp đầy diện tích cho thuê; phần đầu nâng diện tích cho thuê văn phòng lên 80% và công suất cho thuê phòng khách sạn lên 70%. Công ty sẽ xây dựng giai đoạn 2 linh hoạt, phù hợp với nguồn tiền thu từ giai đoạn 1 và khả năng huy động vốn tài trợ cho giai đoạn 2. Các phương án huy động vốn có thể là tín dụng tài trợ dự án hoặc vốn góp mua cổ phần từ các đối tác chiến lược.

Chúng tôi muốn gửi lời cảm ơn đến các ngân hàng, các đối tác kinh doanh đã đồng hành hỗ trợ Công ty chúng tôi. Cảm ơn đội ngũ cán bộ công nhân viên đã cống hiến và đồng hành cùng HAGL vượt qua khó khăn, thách thức trong năm vừa qua.

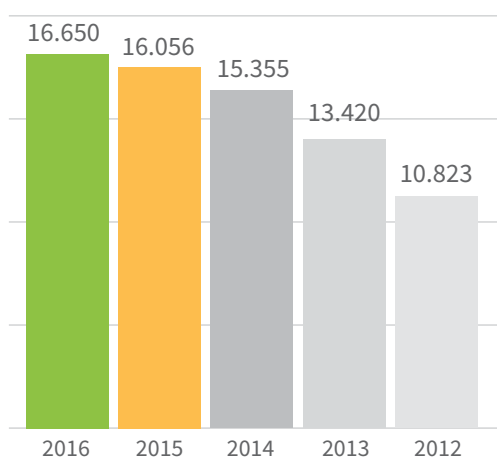
Chúng tôi cũng kỳ vọng lớn rằng sự kiên nhẫn của Quý cổ đông sẽ sớm được đền đáp một cách xứng đáng.

Trân trọng,

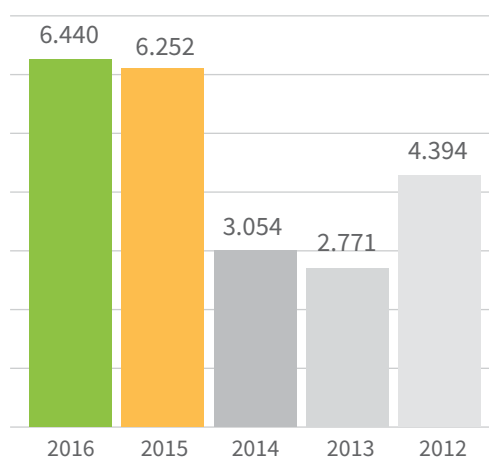
Chủ tịch HĐQT
Đoàn Nguyên Đức

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

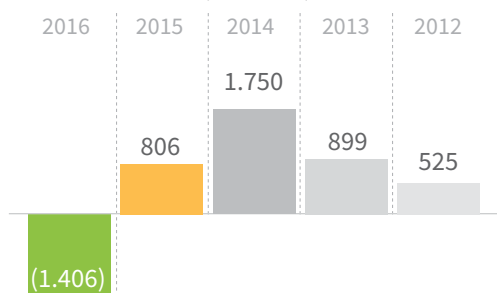
VỐN CHỦ SỞ HỮU
(TỶ VNĐ)



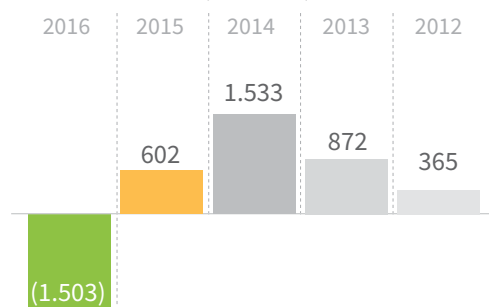
DOANH THU THUẦN
(TỶ VNĐ)



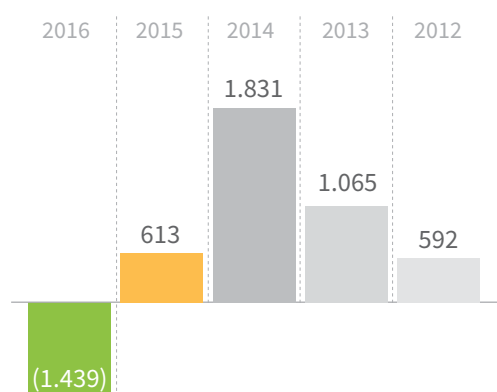
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(TỶ VNĐ)



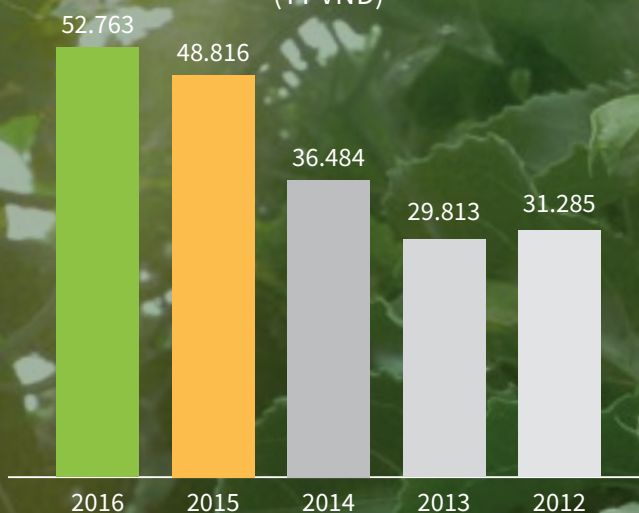
LỢI NHUẬN SAU THUẾ
(TỶ VNĐ)



LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU
(VNĐ)

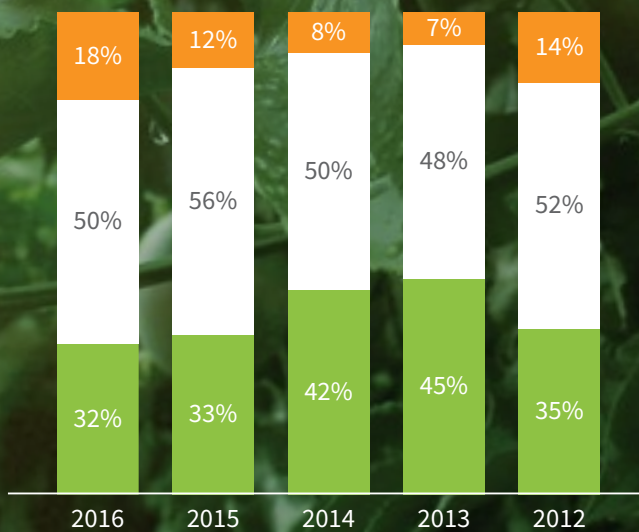


TỔNG TÀI SẢN (TỶ VNĐ)



CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

● Nợ phải trả khác ● Vay và nợ ● Vốn chủ sở hữu





A young plant with green leaves and small, fuzzy, light-green buds is growing out of a dark, textured rock. The background is a soft, out-of-focus green, suggesting a lush environment. The text "TÍCH LŨY GIÁ TRỊ THEO THỜI GIAN" is centered in the upper half of the image in a white, serif font.

TÍCH LŨY GIÁ TRỊ THEO THỜI GIAN

THÔNG TIN CHUNG

TÊN GIAO DỊCH

Tên công ty bằng tiếng Việt:
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

Tên giao dịch:
HOÀNG ANH GIA LAI

Tên công ty bằng tiếng Anh:
HOANG ANH GIA LAI JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt:
HAGL

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Mã số doanh nghiệp
5900377720

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
Số 3903000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh
Gia Lai cấp ngày 01/06/2006 (đăng ký lần đầu).

Đăng ký kinh doanh lần đầu
Ngày 01/06/2006

Đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 17/06/2016

VỐN ĐIỀU LỆ



7.899.679.470.000 VNĐ

MÃ CỔ PHIẾU



HAG

MỆNH GIÁ CỔ PHẦN



10.000 VNĐ

TỔNG SỐ CỔ PHẦN



789.967.947

HỘI SỞ



15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai



(+84) 269 222 5888



(+84) 269 222 2335



www.hagl.com.vn



CÁC CỘT MỐC PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG

1990 - 1993

GIAI ĐOẠN KHỞI NGHIỆP

Doanh nghiệp tư nhân: Sản xuất đồ gỗ

1990 Một phân xưởng nhỏ sản xuất đồ gỗ

1993 Xây dựng nhà máy chế biến gỗ đầu tiên;
Thành lập Xí nghiệp Tư doanh Hoàng
Anh Gia Lai



2002 - 2008

GIAI ĐOẠN ĐẠI CHỨNG HÓA

Công ty đại chúng: Bất động sản là ngành chủ lực
trong khi chiến lược đa dạng hóa được triển khai

2002 Đầu tư vào CLB Bóng đá Hoàng Anh
Gia Lai nhằm quảng bá thương hiệu
Hoàng Anh Gia Lai trong và ngoài nước

2006 Chuyển đổi sang mô hình công ty
Cổ phần

2008 Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch
Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

2013 - 2016

Tái cấu trúc Tập đoàn theo hướng tập trung vào
năng lực cốt lõi

GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tập trung phát triển hai ngành chính: Nông nghiệp và Bất động sản.

NÔNG NGHIỆP: bao gồm cao su, cọ dầu, chăn nuôi bò thịt và cây ăn quả.

- **CAO SU:** Tổng diện tích cây trồng hiện tại là 48.793 ha, tiêu thụ được 3.692 tấn.
- **CỌ DẦU:** Tổng diện tích đã trồng được là 29.307 ha.
- **CHĂN NUÔI BÒ:** Chọn giống bò Brahman của Úc làm sản phẩm chính.

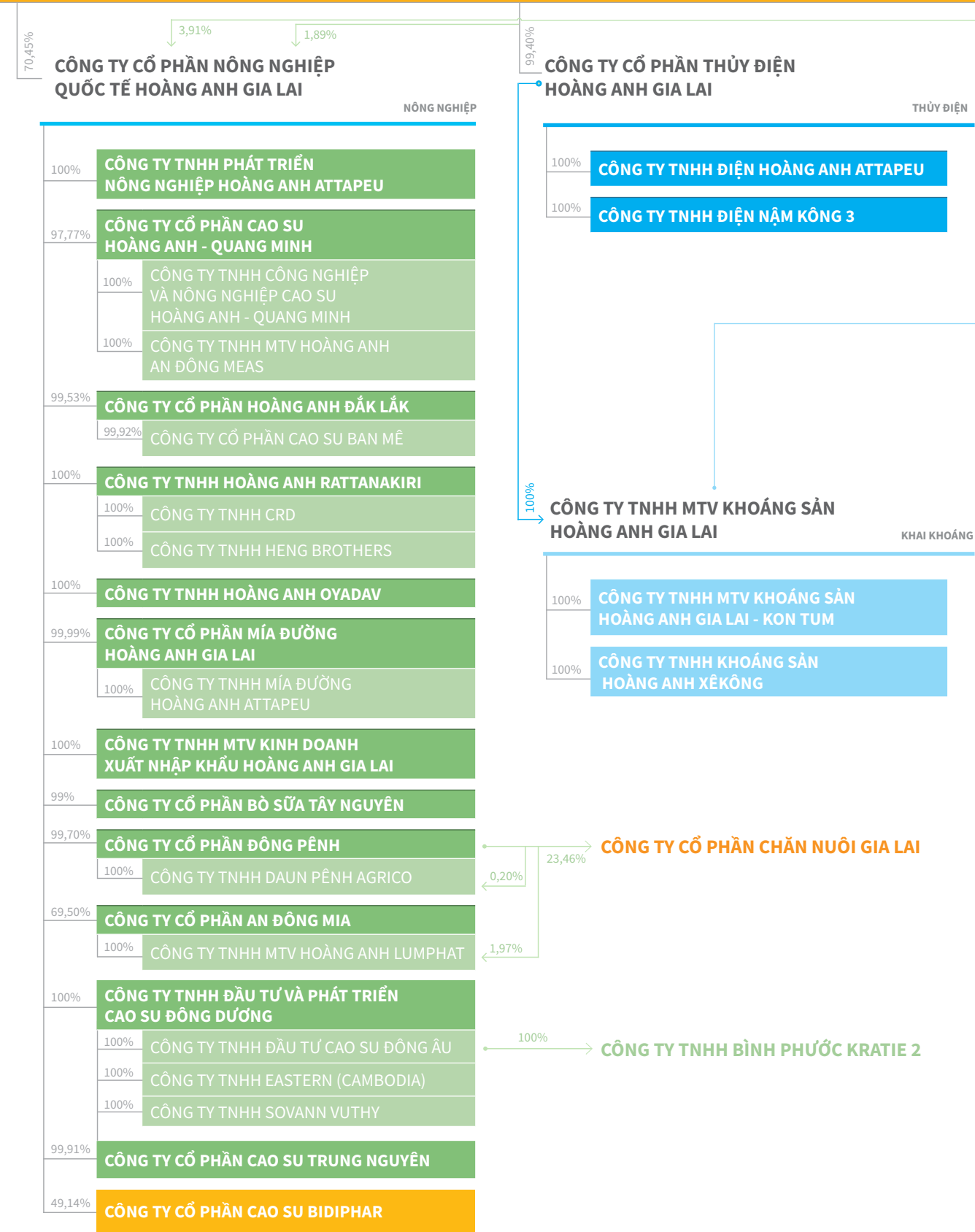
Với chiến lược chi phí thấp nhất bằng cách “Công nghiệp hóa - Cơ giới hóa” và khép kín quy trình nguồn thức ăn bằng cách tận dụng tối đa các phụ phẩm Nông nghiệp.

- **TRỒNG CÂY ĂN QUẢ:** Công ty hiện đang triển khai trồng các loại cây ăn quả có nhiều chất dinh dưỡng, khoáng chất có lợi cho sức khỏe và hiệu quả kinh tế cao như: chanh dây, thanh long, chuối, bơ, bưởi, cam, sầu riêng, chôm chôm, dừa, nhãn, măng cụt, quýt và xoài.

BẤT ĐỘNG SẢN: Ưu tiên đầu tư và khai thác dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar Center.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



58,90%

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HOÀNG ANH

BẤT ĐỘNG SẢN

47%

CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH GIA LAI - BANGKOK

100%

CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH GIA LAI MYANMAR

9,50%

51%

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO HOÀNG ANH GIA LAI

9,50%

99%

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN HOÀNG ANH GIA LAI

80%

CÔNG TY TNHH V&H CORPORATION (LÀO)

100%

CÔNG TY TNHH V&H CORPORATION

100%

CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH GIA LAI VIENTIANE

94,50%

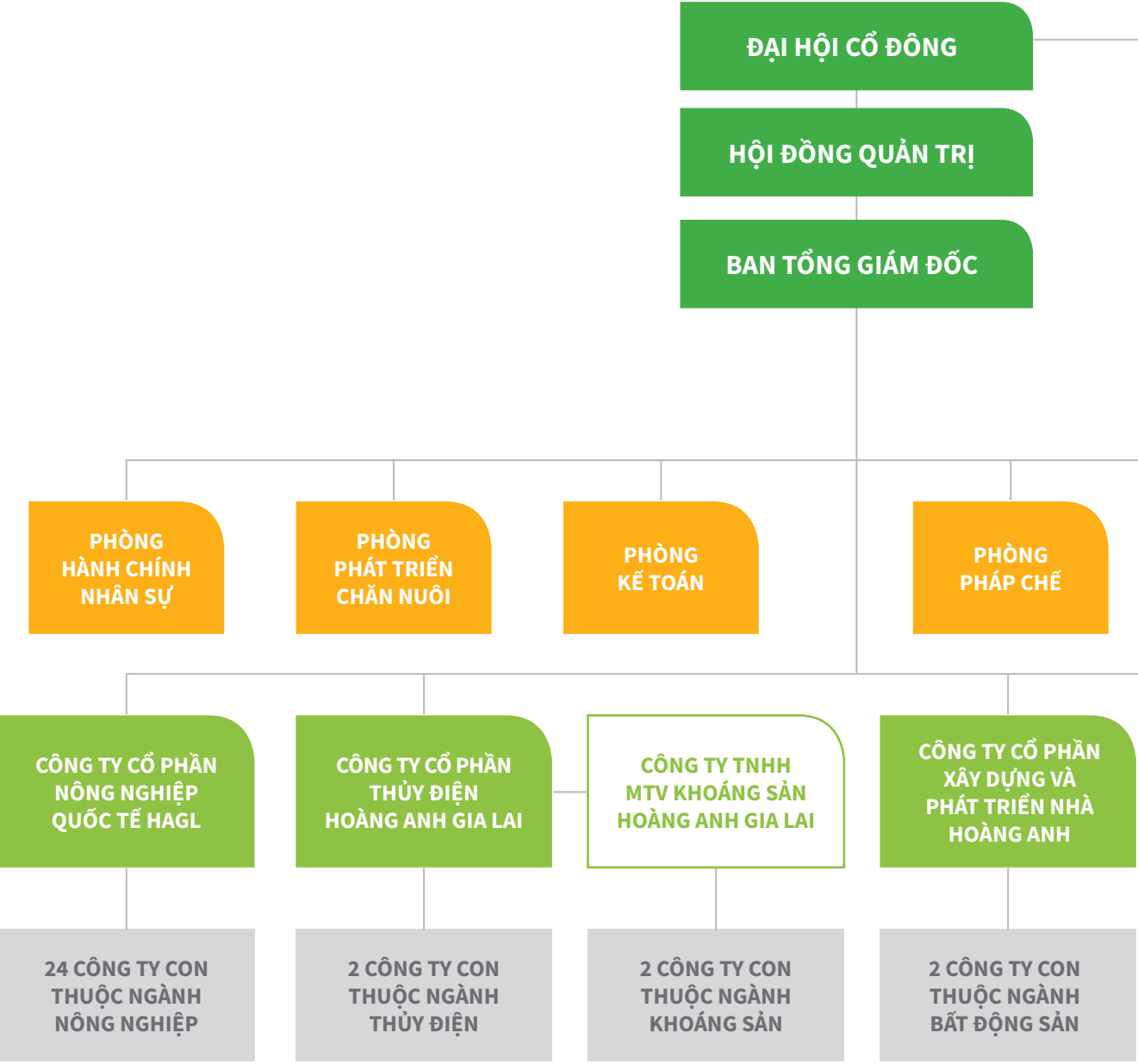
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN VÀ KHÁCH SẠN HOÀNG ANH GIA LAI

25%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG Á ĐÔNG

BỘ MÁY QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng Quản trị của Công ty có 07 thành viên, mỗi nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu ra.



BAN KIỂM SOÁT

**PHÒNG KIỂM TOÁN
NỘI BỘ**

**PHÒNG
KẾ HOẠCH
- TÀI CHÍNH**

**PHÒNG
KINH DOANH**

**PHÒNG
CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN**

**PHÒNG
QUAN HỆ
CÔNG CHÚNG**

LĨNH VỰC KHÁC

**1 CÔNG TY CON
THUỘC NGÀNH
Y TẾ**

**1 CÔNG TY CON
THUỘC NGÀNH
THỂ THAO**

**4 CÔNG TY CON
THUỘC LĨNH VỰC
KINH DOANH KHÁC**

LĨNH VỰC KINH DOANH



29.307 ha
Diện tích trồng

CỌ DẦU

Công ty hiện đang duy trì và chăm sóc 29.307 ha cọ dầu, trong đó tại Tỉnh Attapeu, Lào là 6.861 ha và tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia là 22.446 ha.



6.000 ha
Diện tích trồng

MÍA ĐƯỜNG

Bao gồm cụm công nghiệp mía đường với vùng mía nguyên liệu 6.000 ha và nhà máy công suất 7.000 tấn mía cây/ngày tại Huyện Samakhixay và Phouvong, Tỉnh Attapeu. Công ty đang tiến hành thủ tục để chuyển nhượng cho đối tác.

CAO SU

Tính đến 31/12/2016, tổng diện tích cao su của Công ty là 48.793 ha trong đó 20.361 ha tại Lào, 4.844 ha tại Việt Nam, và 23.588 ha tại Campuchia.



48.793 ha
Diện tích trồng

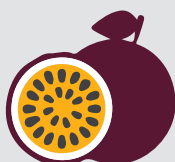
CHĂN NUÔI BÒ

Công ty bắt đầu hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi bò thịt từ giữa năm 2014 và chọn giống bò Brahman Úc làm sản phẩm chính của Công ty.



122.740 con

Tổng số bò xuất bán trong năm 2016



CHANH DÂY & CÂY ĂN QUẢ KHÁC

Công ty tham gia vào dự án trồng chanh dây từ đầu năm 2016. Ngoài ra, Công ty còn tận dụng quỹ đất dôi dư tại Lào và Campuchia để trồng các loại cây ăn quả khác.



BẤT ĐỘNG SẢN

Ngành kinh doanh chủ lực của Tập đoàn cho đến năm 2012. Hiện nay, HAGL đang tập trung đầu tư xây dựng khu phức hợp tại Yangon, Myanmar.

Giai đoạn 1 của dự án Myanmar đã hoàn thành và chính thức đưa vào hoạt động từ cuối năm 2015. HAGL đang tiếp tục xây dựng giai đoạn 2 của dự án bao gồm các hạng mục: Trung tâm thương mại - văn phòng gắn kết liên hoàn với 2 tòa tháp văn phòng, 2 tòa tháp căn hộ dịch vụ và 3 tòa tháp căn hộ dân cư.

SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ



TRỒNG VÀ CHẾ BIẾN MỦ CAO SU



HAGL tham gia lĩnh vực nông nghiệp từ năm 2007 tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sê Kông, Lào. Đến nay, HAGL có 42 nông trường cao su tại Việt Nam, Lào và Campuchia. Tổng diện tích cao su của công ty là 48.793 ha trong đó 20.361 ha tại Lào, 4.844 ha tại Việt Nam, và 23.588 ha tại Campuchia. Năm 2014 đã khai thác mủ được 6.072 ha và dự kiến đến năm 2022, toàn bộ diện tích cao su sẽ được khai thác mủ.

Diện tích tăng thêm là do trong tháng 02/2016 Công ty đã phát hành thêm 59 triệu cổ phiếu để mua lại 100% vốn góp vào Công ty THHH Đầu tư và Phát Triển Cao su Đông Dương từ Công ty THHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh.

Công ty hiện đang vận hành một Nhà máy chế biến mủ cao su có công suất 25.000 tấn mủ tươi/năm tại Lào. Hai sản phẩm chính là mủ SVR 3L và SVR10. Trong năm 2016, Công ty đã tiêu thụ được 3.692 tấn, mang lại doanh thu 114 tỷ đồng; Kế hoạch khai thác trong năm 2017 là 18.000 tấn.



3.692 TẤN

Sản lượng mủ cao su
trong năm 2016

114 TỶ ĐỒNG

Doanh thu mang lại
trong năm 2016



KẾ HOẠCH NĂM 2017

Sản lượng mủ cao su **18.000 tấn** với
doanh thu dự kiến đạt **745 tỷ đồng**
(giá 1.800 USD/tấn)



MÍA ĐƯỜNG VÀ NHIỆT ĐIỆN

Bao gồm vùng nguyên liệu mía 6.000 ha để phục vụ cho nhà máy đường công suất ép mía 7.000 tấn/ngày.

Trong năm 2016, công ty đã thu hoạch được 36.918 tấn mang lại doanh thu 469 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty còn tận dụng bã mía để làm nguồn nhiên liệu cung cấp cho nhà máy nhiệt điện 30MW, tạo ra nguồn điện phục vụ cho nhu cầu sản xuất. Bã mía sau khi đốt sẽ được chế biến làm phân hữu cơ vi sinh, cung cấp phân bón cho các hoạt động trồng trọt.

Hiện nay, Công ty đang tiến hành thủ tục để chuyển nhượng vốn góp vào Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai.



36.918 TẤN

Sản lượng đường tiêu thụ
trong năm 2016

469 TỶ ĐỒNG

Doanh thu mang lại
trong năm 2016



SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ (tiếp theo)



TRỒNG VÀ CHẾ BIẾN CỌ DẦU



Cây cọ dầu là loại cây cho sản lượng dầu cao nhất trong các loại cây có dầu, thành phần dầu phong phú, giá trị dinh dưỡng cao. Các sản phẩm thu được từ buồng quả cọ dầu rất đa dạng, bao gồm:

SẢN PHẨM CHÍNH

Dầu cọ thô: chế biến từ thịt quả cọ, chiếm tỉ lệ 22,5% trọng lượng buồng quả.

Dầu nhân cọ: chế biến từ hạt, chiếm tỉ lệ 2,5% trọng lượng buồng quả.

Dầu cọ thô và nhân cọ là các nguyên liệu sau khi tinh chế sẽ cung cấp cho ngành thực phẩm, mỹ phẩm và một phần cho ngành công nghiệp khác.



HAGL đang sở hữu **29.307** ha cọ dầu

6.861 ha
tại Tỉnh Attapeu, Lào

22.446 ha
tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia



SẢN PHẨM PHỤ

Buồng quả rỗng và xơ sau khi ép hết dầu: dùng làm nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện hoặc ủ làm phân bón cho vườn cây.

Bã nhân cọ: làm thức ăn chăn nuôi.

Vỏ sọ của nhân cọ: dùng làm nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện, sản xuất than hoạt tính hoặc sử dụng làm vỏ bầu cây con trong vườn ươm.



CHĂN NUÔI BÒ THỊT

Công ty HAGL bắt đầu hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi bò thịt từ giữa năm 2014, và chọn giống bò Brahman của Úc làm sản phẩm chính cho Công ty.

Để có vị thế cạnh tranh với thịt nhập khẩu ngay trên thị trường nội địa, HAGL áp dụng chiến lược giảm chi phí bằng “Công nghiệp hóa - Cơ giới hóa” lĩnh vực chăn nuôi bò thịt, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả chăn nuôi. Đặc biệt với lợi thế quỹ đất lớn, Công ty đã tiến hành trồng cỏ voi Pakchong 1, đáp ứng nguồn thức ăn chứa nhiều chất xơ cho đàn bò.



KẾ HOẠCH NĂM 2017

Số lượng bò bán ra **40.000 con**
với doanh thu dự kiến **1.240 tỷ đồng**



122.740 CON

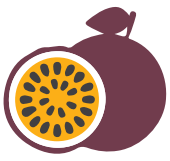
Số lượng bò bán trong năm 2016

3.465 TỶ ĐỒNG

Doanh thu mang lại trong năm 2016



SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ (tiếp theo)



CHANH DÂY VÀ CÂY ĂN QUẢ KHÁC

Công ty tham gia vào dự án trồng chanh dây và chuối giá trị xuất khẩu quả chanh dây có nguồn gốc từ Lào và Việt Nam từ đầu năm 2016.

Các vườn chanh dây được trồng và thu hoạch theo tiêu chuẩn Global GAP nhằm hướng tới mục tiêu bền vững, chất lượng cao, có thể đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu ra thị trường Quốc tế.

Các dự án đều sử dụng giống chanh dây Đài Nông 1, được chiết ghép từ nguồn cây giống đầu dòng đạt năng suất cao và chất lượng tốt nhất.

Sản phẩm chính là quả chanh dây tươi xuất khẩu và ruột chanh dây dùng làm nguyên liệu để cung cấp cho các công ty sản xuất nước giải khát.

Ngoài ra, Công ty còn tận dụng được quỹ đất trống tại Việt Nam, Lào và Campuchia để trồng thanh long, chuối, bơ và hơn 10 loại cây ăn quả khác.

KẾ HOẠCH NĂM 2017

Sản lượng chanh dây

- dự kiến **56.250 tấn**
- với doanh thu **1.050 tỷ đồng**

Sản lượng thanh long

- dự kiến **17.000 tấn**
- với doanh thu **680 tỷ đồng**

Sản lượng chuối

- dự kiến **50.000 tấn**
- với doanh thu **843 tỷ đồng**





BẤT ĐỘNG SẢN

Sau khi tiến hành tái cấu trúc, Tập đoàn dành toàn bộ ưu tiên vào dự án Hoàng Anh Gia Lai Myanmar Center.

Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar Center với tổng mức đầu tư 440 triệu USD tọa lạc ở vị trí đắc địa của thành phố Yangon, 2 mặt tiền đường lớn, trong đó một mặt nhìn ra hồ Inya, mặt còn lại nhìn về phía chùa Vàng có lịch sử 2.500 năm - một di tích nổi tiếng và linh thiêng của Myanmar.

Là doanh nghiệp tiên phong đầu tư vào thị trường Myanmar, HAGL có rất nhiều lợi thế cạnh tranh do được cấp đất sớm với giá rẻ (khoảng 740 USD/m² cho thời gian 70 năm) cùng với kinh nghiệm quản lý chi phí xây dựng tốt, quy trình xây dựng khép kín bao gồm các công ty xây dựng, nguồn gỗ, đá tự sản xuất với giá thành hợp lý, dự án được đánh giá sẽ mang lại nguồn thu lớn cho Tập đoàn trong thời gian tới.



CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

STT	TÊN CÔNG TY CON	ĐỊA CHỈ	TỶ LỆ (%)
BẤT ĐỘNG SẢN			
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	783 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	68,90
2	Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	192 Kaba Aye Pagoda, Quận Bahan, Yangon, Myanmar	68,90
3	Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Soi Sua Yai Uthit, Đường Ratchada Phisek, Bangkok, Thái Lan	32,38
NĂNG LƯỢNG			
4	Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	99,40
5	Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Bản Phái, Huyện Saysettha, Vientiane, Lào	99,40
6	Công ty TNHH Điện Nậm Kống 3	Bản Vatluong, Huyện Samackhixay, Tỉnh Attapeu, Lào	99,40
TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP			
7	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	75,02
8	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	859 Trường Chinh, Phường Chi Lăng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	75,02
9	Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	75,01
10	Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Bản Nasuak, Huyện Phouvong, Tỉnh Attapeu, Lào	75,01
11	Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	73,35
12	Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Đường 18B, Bản Khanmaccong, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào	73,35
13	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	40 Hùng Vương, Phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	74,67
14	Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	40 Hùng Vương, Phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	74,61
15	Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Km 30, Đường 18B, Bản Hatxan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào	75,02
16	Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	73,35
17	Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Bản số 3, Đường 78, Phường Labanseak, Tp. Banlung, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia	75,02
18	Công ty TNHH Heng Brothers	Số 8 Đường 99, Phường Boeung Trabek, Quận Chamkarmorn, Phnom Penh, Campuchia	75,02
19	Công ty TNHH CRD	Số 1 đường 291, Phường Boeung Kak 1, Quận Khan Toul Kork, Phnom Penh, Campuchia	75,02
20	Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Bản số 3, Đường 78, Phường Labanseak, Tp. Banlung, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia	75,02

STT	TÊN CÔNG TY CON	ĐỊA CHỈ	TỶ LỆ (%)
21	Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	74,27
22	Công ty Cổ phần An Đông Mía	20 Phan Bội Châu, Phường Hội Thương, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	53,60
23	Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Bản số 3, Đường 78, Phường Labanseak, Tp. Banlung, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia	53,60
24	Công ty Cổ phần Đông Pênh	859 Trường Chinh, Phường Chi Lăng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt nam	74,80
25	Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Xã Chey Odom, Huyện Lumphat, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia	74,80
26	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	11D Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	75,02
27	Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	L14-08B, Lầu 14 Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	75,02
28	Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Huyện Snoul, Tỉnh Kratie, Campuchia	75,02
29	Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Huyện Snoul, Tỉnh Kratie, Campuchia	75,02
30	Công ty TNHH Sovann Vuthy	Huyện Snoul, Tỉnh Kratie, Campuchia	75,02
31	Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Tầng 5, 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	74,96
KHAI KHOÁNG			
32	Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	99,40
33	Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kontum	394 Trần Phú, Phường Quang Trung, Tp. Kontum, Tỉnh Kontum, Việt Nam	99,40
34	Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Bản Khanmakong, Huyện Samackhixay, Tỉnh Attapeu, Lào	99,40
XÂY DỰNG, KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ			
35	Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	01 Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	69,85
36	Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Đường Lê Duẩn, Phường Trà Bá, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	99
37	Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Bản Vatnacnhay, Huyện Sisattanak, Vientiane, Lào	80
38	Công ty TNHH V&H Corporation	Bản Vatnacnhay, Huyện Sisattanak, Vientiane, Lào	100
39	Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Bản Vatchan, Huyện Chanthabouly, Vientiane, Lào	100
40	Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	01 Nguyễn Văn Linh, Phường Nam Dương, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	94,50

The background of the page is a scenic landscape. The lower half shows a range of mountains, with the foreground peaks covered in dense green forest. The sky above is a clear, bright blue, transitioning to a lighter, hazy blue near the horizon. Several large, glowing lens flares are visible in the upper left quadrant, adding a dreamy, ethereal quality to the scene.

TẠO DỰNG TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG



THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC**

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1963

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1992 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai



Ông **VÕ TRƯỜNG SƠN**

Thành Viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ tài chính, bằng CFA, Cử nhân Luật, Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (ACCA), Hội viên Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA).

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ tháng 08/1996 đến tháng 11/2003: Công tác tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn A&C
- Từ tháng 11/2003 đến tháng 10/2008: Chủ nhiệm kiểm toán cao cấp tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Từ tháng 10/2008 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai



Bà **VÕ THỊ HUYỀN LAN**

Thành Viên HĐQT

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh Tế Tp.HCM, MBA Thương Mại Cao cấp HEC-Pháp, Thạc sĩ Tài chính Đại học Dauphine - Pháp.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1996 đến năm 1998: Kế toán trưởng Công ty Prezioso
- Từ năm 1998 đến năm 2002: Kế toán trưởng Công ty Escape Bourbon An Lạc
- Từ năm 2002 đến năm 2006: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính hệ thống Siêu thị Big C Việt Nam
- Từ năm 2006 đến năm 2013: Thành Viên HĐQT Công ty Cổ phần Điện Quang
- Từ năm 2013 đến nay: Tổng Giám đốc Jaccar Holdings

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên HĐQT

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Tổng Giám đốc Jaccar Holdings
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Long Hậu
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Âu Việt
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai



Ông **ĐOÀN NGUYỄN THU**

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế Tp.HCM, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Fullerton, Hoa Kỳ.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1999 đến năm 2000: Công tác tại Công ty TNHH Hoàng Anh Sài Gòn
- Từ năm 2003 đến năm 2004: Công tác tại Công ty TNHH Việt May
- Từ năm 2004 đến năm 2006: Công tác tại Xí nghiệp tư doanh Hoàng Anh Gia Lai
- Từ năm 2006 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng Quản trị của Công ty có 07 thành viên, mỗi nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do HĐQT bầu ra.

1	Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT
3	Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT
4	Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT
6	Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT
7	Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên HĐQT



Ông **NGUYỄN VĂN MINH**

Thành Viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1959

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1981 đến năm 1989: Công tác tại Phòng Nông nghiệp Huyện Đắk Tô, Tỉnh Kon Tum
- Từ năm 1989 đến năm 1992: Công tác tại Công ty Cà phê Tỉnh Gia Lai, Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai
- Từ năm 1992 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh



Ông **PHAN THANH THỦ**

Thành Viên HĐQT

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Nghệ thuật âm nhạc Huế.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1984 đến năm 1992: Công tác tại Đoàn nghệ thuật Đạm San
- Từ năm 1993 đến năm 2003: Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh
- Từ năm 2003 đến tháng 05/2016: Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên HĐQT

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai



Ông **NGUYỄN XUÂN THẮNG**

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngành Tài chính doanh nghiệp.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1999 đến năm 2000: Công tác tại Công ty Cà phê 15 - Bình Đoàn 15
- Từ năm 2000 đến năm 2003: Công tác tại Công ty TNHH Hưng Bình
- Từ năm 2003 đến năm 2004: Công tác tại Công ty TNHH Trung Hiếu
- Từ năm 2004 đến năm 2005: Công tác tại Tổng công ty viễn thông quân đội
- Từ năm 2005 đến năm 2007: Công tác tại Trường trung học lâm nghiệp Tây Nguyên
- Từ năm 2007 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1	Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
2	Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc



Ông **VÕ TRƯỜNG SƠN**
Tổng Giám đốc

(Xem thông tin HĐQT - Trang 28)



Ông **ĐOÀN NGUYỄN THU**
Phó Tổng Giám đốc

(Xem thông tin HĐQT - Trang 28)



Ông **NGUYỄN VĂN MINH**
Phó Tổng Giám đốc

(Xem thông tin HĐQT - Trang 29)



Ông **NGUYỄN XUÂN THẮNG**
Phó Tổng Giám đốc

(Xem thông tin HĐQT - Trang 28)



Bà **HỒ THỊ KIM CHI**
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1998 đến năm 2006: Công tác tại Xí nghiệp Tư Doanh Hoàng Anh Gia Lai
- Từ năm 2006 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:
Phó Tổng Giám đốc

THÔNG TIN BAN KIỂM SOÁT

- | | |
|-----------------------|--------------------------|
| 1 Ông Lâm Hoàng Hải | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2 Ông Nguyễn Tấn Anh | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 3 Bà Nguyễn Thị Huyền | Thành viên Ban Kiểm soát |



Ông **LÂM HOÀNG HẢI**

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1981

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 2000 đến năm 2008: Công tác tại Công ty kiểm toán và tư vấn A&C
- Từ năm 2008 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:

Trưởng Ban Kiểm soát



Ông **NGUYỄN TẤN ANH**

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1995 đến 2005: Phóng viên Báo Thanh niên
- Từ năm 2005 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên Ban Kiểm soát



Bà **NGUYỄN THỊ HUYỀN**

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1996 đến 1998: Công tác tại Xí nghiệp tư doanh Hoàng Anh Gia Lai
- Từ năm 1998 đến 2001: Công tác tại Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn
- Từ năm 2001 đến 2007: Công tác tại Văn phòng đại diện CTCP Hoàng Anh Gia Lai tại Singapore
- Từ năm 2007 đến 2008: Công tác tại Resort Hoàng Anh Quy Nhơn - Trợ lý Giám đốc
- Từ năm 2008 đến 2013: Công tác tại CTCP XD&PT Nhà Hoàng Nguyên
- Từ năm 2013 đến nay: Công tác tại Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên Ban Kiểm soát

TỔ CHỨC NHÂN SỰ



ÁNH BÌNH MINH

Ngay từ khi thành lập, HAGL luôn xác định “Con người là chìa khóa của thành công”, là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong suốt hành trình 23 năm qua, HAGL đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn cao, kinh nghiệm và lực lượng nhân viên giàu nhiệt huyết, được đào tạo bài bản, đây chính là động lực đưa HAGL tiến bước vững chắc trên chặng đường phía trước.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

Tập đoàn HAGL được tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con bao gồm: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế HAGL, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh, Công ty Cổ phần Thủy điện HAGL và các công ty khác thuộc lĩnh vực xây dựng, y tế, thể thao...

Trong giai đoạn 2013 - 2016, HAGL đã thực hiện tái cấu trúc, loại bỏ những danh mục đầu tư không hiệu quả, tập trung phát triển dựa trên 02 ngành chính là Nông nghiệp và Bất động sản nhưng lực lượng lao động không có biến động lớn. Tổng số lao động năm 2016 là 15.058 người trong đó lao động nông nghiệp là 12.365 người, các ngành khác 2.693 người; số lao động gián tiếp là 3.588 người và công nhân trực tiếp là 11.470 người.

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

Tại Tập đoàn HAGL, tùy theo từng vị trí cụ thể sẽ có những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các cán bộ công nhân viên trong Tập đoàn đều đáp ứng yêu cầu: có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần kỷ luật cao. Công ty luôn ghi nhận, đánh giá hiệu quả làm việc và năng lực của cán bộ, nhân viên nhằm phát huy

15.058 NGƯỜI

Tổng số lao động năm 2016

12.365 NGƯỜI

Số lao động nông nghiệp

2.693 NGƯỜI

Số lao động các ngành khác



“

3.588 NGƯỜI

Tổng số lao động gián tiếp

11.470 NGƯỜI

Công nhân trực tiếp

”

năng lực sáng tạo và tính cạnh tranh lành mạnh. Chính sách nhân sự luôn được coi trọng và cải tiến thường xuyên nhằm tạo ra môi trường làm việc tích cực, thân thiện và gắn kết.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO

HAGL luôn chú trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc phù hợp nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình.

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo quy trình chặt chẽ nhằm tuyển chọn nhân sự theo đúng yêu cầu đưa ra, đảm bảo lực lượng lao động ổn định, chất lượng cao và đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Bên cạnh đó, HAGL cũng ưu tiên tuyển chọn những cá nhân tài năng, những chuyên gia đầu ngành giàu kinh nghiệm trong và ngoài nước. HAGL tự hào có được đội ngũ nhân viên có đạo đức, trình độ chuyên môn, luôn đoàn kết và đầy nhiệt huyết.

Hàng năm, HAGL tổ chức nhiều khóa đào tạo tay nghề cho công nhân làm trong từng lĩnh vực như trồng trọt, chăn nuôi, bắt động sản tại Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar. HAGL thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ ngắn hạn nhằm triển khai công nghệ, quy trình làm việc mới, nâng cao chuyên môn. Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, Công ty luôn quan tâm đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn và khả năng tiếp cận các phương pháp, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trên thế giới.

Với định hướng đầu tư lâu dài, HAGL đã gửi cán bộ, nhân viên, sinh viên sang các Trường Đại học Quốc gia Lào, Campuchia và Myanmar để học tiếng bản ngữ và chuyên môn, sau khi ra trường sẽ làm việc tại các dự án.

CHẾ ĐỘ LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

HAGL xây dựng chính sách lương, thưởng dựa theo các tiêu chí: năng lực, hiệu quả công việc, mức độ đóng góp phù hợp với giá trị tạo ra của từng vị trí công việc. Các chế độ phúc lợi cho cán bộ, nhân viên như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

HAGL tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ công nhân viên tại Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai với chính sách rất cụ thể: hỗ trợ 50% chi phí khám chữa bệnh định kỳ cho nhân viên, 100% chi phí cho những trường hợp bị tai nạn trong quá trình lao động.

HAGL tổ chức xe đưa đón công nhân, cấp chung cư cho cán bộ, chuyên gia cao cấp công tác xa nhà, xây dựng các khu nhà tập thể, nhà riêng cho hộ gia đình có hai người làm việc cho nông, công trường; lắp đặt, cung cấp các trang thiết bị cần thiết như internet, hệ thống cáp truyền hình... đến tận những nông trường xa xôi hẻo lánh nhằm tạo điều kiện thuận lợi phục vụ cho công việc và giải trí của người lao động.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2016, tổng doanh thu của HAGL đạt mức 6.440 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2015.

CHỈ TIÊU	2016 (TỶ VNĐ)	2015 (TỶ VNĐ)	TĂNG/ GIẢM SO VỚI NĂM 2015 (%)
Doanh thu thuần	6.440	6.252	+3 %
(Lỗ) lợi nhuận trước thuế	(1.406)	806	-274 %
(Lỗ) Lợi nhuận sau thuế	(1.503)	602	-350 %

Những yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của HAGL trong năm 2016 như sau:

Ngành chăn nuôi bò đạt 3.465 tỷ đồng doanh thu, chiếm tỷ trọng 54% tổng doanh thu của Tập đoàn, vượt 3% so với kế hoạch. Đây là ngành kinh doanh đóng góp chính vào nguồn doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn.

Bất động sản đầu tư Tập đoàn bán dự án bất động sản tại Tp. Hồ Chí Minh và đất tại đường Võ Văn Kiệt, Đà Nẵng mang lại khoản doanh thu 483 tỷ đồng.

Sản phẩm, hàng hóa đạt 689 tỷ đồng doanh thu, chủ yếu phục vụ cho nhu cầu ngành trồng trọt và chăn nuôi bò.

Ngành mía đường Từ ngày 31 tháng 08 năm 2016, Tập đoàn đã chuyển giao ngành Mía đường cho bên thứ ba, vì vậy trong tương lai, ngành này sẽ không còn đóng góp trong tổng doanh thu của Tập đoàn.

Dịch vụ cho thuê đạt doanh thu 460 tỷ đồng, chủ yếu đến từ nguồn thu cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại của khu phức hợp Hoàng Anh - Myanmar. Dự kiến đây sẽ là ngành chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu khi giai đoạn 2 của dự án được đưa vào hoạt động.

Dịch vụ cung cấp khác tuy chỉ chiếm tỷ trọng 5% trong tổng doanh thu nhưng là ngành có doanh thu tương đối ổn định, chủ yếu đến từ nguồn thu của Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai và kinh doanh khách sạn.

Căn hộ đã bán hết căn hộ thuộc dự án căn hộ cao cấp Hoàng Anh Bangkok.



6.440 TỶ ĐỒNG

Tổng doanh thu của HAGL
trong năm 2016

TĂNG 3% so với năm 2015



Bắp là loại cây trồng mang tính chất phụ trợ, được sử dụng làm thức ăn cho ngành chăn nuôi bò, nên đóng góp của ngành này là không đáng kể.

Cao su vẫn còn chịu ảnh hưởng giảm giá của giá cao su thế giới và nhu cầu tiêu thụ giảm nên doanh thu ngành này trong năm 2016 không đáng kể.

Ngành xây dựng là ngành mang tính chất không thường xuyên, chủ yếu dựa vào các dự án xây dựng. Trong năm 2016, do Tập đoàn đã hoàn thành xây dựng chuồng trại cho ngành chăn nuôi và giãn tiến độ xây dựng sân bay Nongkhang, Tỉnh Huaphan, Lào, nên doanh thu ngành xây dựng chỉ chiếm tỷ trọng 1% trong tổng doanh thu.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a. Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	2016 (TỶ VNĐ)	2015 (TỶ VNĐ)	TĂNG/ GIẢM (%)
Tổng giá trị tài sản	52.763	48.816	+8 %
Nợ vay ngắn hạn	5.198	8.298	-37 %
Nợ vay dài hạn	21.444	18.801	+14 %
Các khoản nợ phải trả khác	9.471	5.661	+67 %

Tình hình tài sản

Tại ngày 31/12/2016, tổng tài sản được ghi nhận là 52.763 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là tài sản cố định và dài hạn khác tăng 8.974 tỷ đồng, do công ty tiến hành mua Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương cùng các công ty con và Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên, sử dụng cho mục đích mở rộng quy mô cho ngành trồng trọt và chăn nuôi.

Tình hình nợ phải trả

Tại ngày 31/12/2016, tổng các khoản nợ vay phải trả giảm từ 27.099 tỷ đồng xuống 26.642 tỷ đồng, trong đó vay ngắn hạn giảm 3.100 tỷ đồng và vay dài hạn tăng 2.643 tỷ đồng do đã thực hiện tái cơ cấu nợ phù hợp với tình hình đầu tư của công ty. Vay ngắn hạn chủ yếu để tài trợ vốn lưu động trong lĩnh vực chăn nuôi bò và vườn cây ăn quả. Vay dài hạn chủ yếu để đầu tư xây dựng cơ bản tại các đơn vị trong lĩnh vực trồng và chăm sóc cây cao su, cọ dầu và đầu tư dự án HAGL Myanmar. Bên cạnh đó, nợ phải trả tăng lên một phần do khoản mục người mua trả tiền trước tăng 2.018 tỷ đồng, khoản này công ty không phải trả trong tương lai.

b. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

CHỈ TIÊU	2016	2015
Khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,74	1,00
Hệ số thanh toán nhanh	0,60	0,72
Cơ cấu vốn		
Hệ số nợ vay/ Tổng tài sản	0,50	0,56
Hệ số nợ vay/ Vốn chủ sở hữu	1,60	1,69
Khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	-23,3%	9,6%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	-9,0%	3,8%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	-2,8%	1,2%
Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	-5,8%	19,8%

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Ngành cao su: Giá cao su thế giới liên tục phục hồi là đòn bẩy để Công ty đẩy mạnh công tác thu hoạch mủ cao su - là mảng đầu tư chủ lực của Công ty. Dự kiến năm 2017 Công ty sẽ tiến hành khai thác sản lượng 18.000 tấn mủ mang lại doanh thu 745 tỷ đồng.



Ngành chăn nuôi: Vẫn đang là ngành đóng góp chính vào nguồn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Dự kiến trong năm 2017 Công ty sẽ xuất bán 40.000 con mang lại doanh thu 1.240 tỷ đồng.



Ngành bất động sản: Giai đoạn 1 của dự án Myanmar đã đi vào vận hành ổn định, tạo ra lợi nhuận và dòng tiền thặng dư từ hoạt động kinh doanh. Công ty đang triển khai xây móng cho giai đoạn 2 và sẽ ưu tiên xây dựng trước phần Trung tâm thương mại để khai thác nhu cầu rất lớn của mảng này tại Yangon. Công ty cũng đã chuyển nhượng hết các dự án Bất động sản tại Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và không có chủ trương đầu tư vào Bất động sản tại thị trường Việt Nam trong thời gian tới.



Ngành mía đường: Hiện nay, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để chuyển nhượng vốn góp vào Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai.



Ngành chanh dây và cây ăn quả: Tận dụng quỹ đất còn dồi dư tại Việt Nam, Lào và Campuchia để trồng các loại cây ăn quả. Công ty cũng đã tham gia vào dự án trồng chanh dây và chuối giá trị xuất khẩu chanh dây có nguồn gốc từ Lào và Việt Nam.



Về tài chính: Công ty đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, nhờ đó giảm bớt áp lực về dòng tiền trả nợ để có thể tập trung vào đầu tư, chăm sóc và tăng cường quản lý.



Về hệ thống quản trị: Đang tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống quản trị, nâng cao năng lực chuyên môn của bộ máy quản lý và lãnh đạo Công ty, tăng cường quản lý theo ngành nghề kinh doanh và thực hiện quản trị chiến lược bao gồm hoạch định, thực thi, kiểm tra và đánh giá chiến lược.



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty. Thông qua các cuộc họp hàng Quý và khi được yêu cầu, Hội đồng Quản trị đã thẳng thắn trao đổi và chất vấn các hoạt động của Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Yêu cầu Ban Tổng Giám đốc thường xuyên chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh.

Theo đánh giá của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc chưa hoàn thành chỉ tiêu về lợi nhuận được giao trong năm 2016. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc cũng đã thực hiện tái cơ cấu nợ thành công, gia hạn được thời hạn trả nợ vay. Hội đồng Quản trị nhận thấy Ban Tổng Giám đốc cũng đã tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định pháp lý hiện hành. Hội đồng Quản trị nhận xét rằng các thành viên Ban Tổng Giám đốc đều có đủ các phẩm chất và kỹ năng cần thiết để tiếp tục gánh vác các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.

3. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị sẽ chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục thực thi đề án tái cấu trúc như đã trình bày tại Đại hội đồng cổ đông tháng 09 năm 2016. Việc tái cấu trúc giúp cho Công ty cơ cấu lại các hoạt động kinh doanh, tổ chức và nhân sự một cách hợp lý, tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm, cốt lõi nhằm cải thiện được tình hình tài chính và ổn định sản xuất kinh doanh. Đồng thời tạo tiền đề để Công ty đạt được những mục tiêu chiến lược trong tầm nhìn xa hơn.

Công ty cũng sẽ đẩy mạnh công tác thu hoạch mủ cao su và tập trung nguồn lực các dự án ngắn hạn như chăn nuôi bò thịt, chanh dây và cây ăn quả, vì đây là những dự án tạo ra dòng tiền nhanh, giúp Công ty “lấy ngắn nuôi dài”.



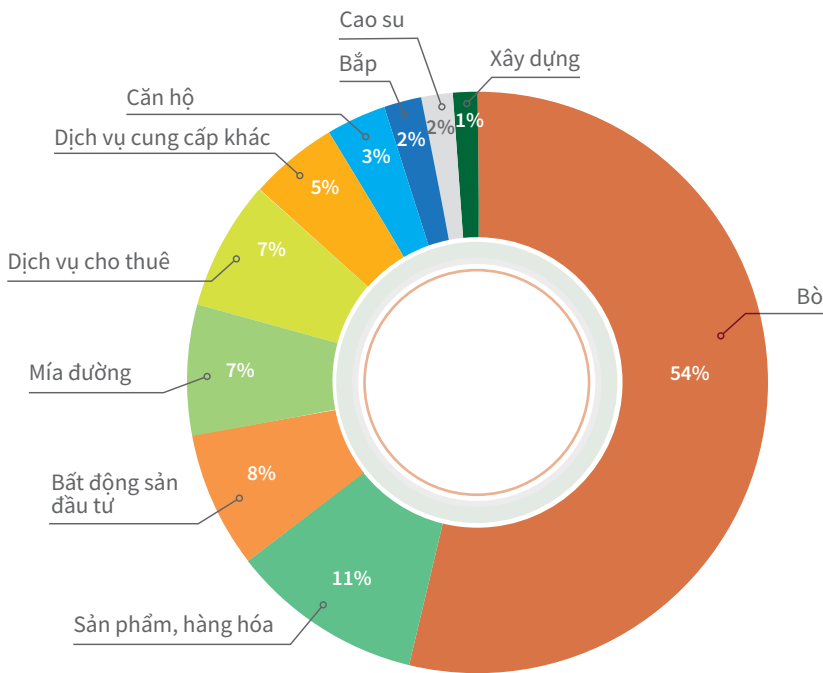
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2016, tổng doanh thu đạt 6.440 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2015, đạt 114% kế hoạch.
Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực ngành nghề như sau:

NGÀNH KINH DOANH	2016		2015		2014	
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
	(Tỷ VNĐ)	(%)	(Tỷ VNĐ)	(%)	(Tỷ VNĐ)	(%)
Bò	3.465	54	2.542	41	-	-
Sản phẩm, hàng hóa	689	11	614	10	309	10
Bất động sản đầu tư	483	8	215	3	-	-
Mía đường	469	7	871	14	1.042	34
Dịch vụ cho thuê	460	7	14	0	-	-
Dịch vụ cung cấp khác	329	5	239	4	224	7
Căn hộ	207	3	198	3	238	8
Bấp	136	2	323	5	205	7
Cao su	114	2	196	3	227	7
Xây dựng	88	1	1.040	17	765	25
Khoáng sản	-	-	-	-	44	2
Tổng doanh thu	6.440		6.252		3.054	

CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2016





TRONG ĐÓ:

Doanh thu bán bò đạt 3.465 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 54%. Số lợi nhuận gộp đạt 440 tỷ đồng và tỷ lệ lợi nhuận gộp đạt 13%. Đây là ngành đóng góp chính vào sự tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận gộp của HAGL trong năm 2016.

Doanh thu sản phẩm, hàng hóa đạt 689 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 11%. Số lợi nhuận gộp đạt 45 tỷ đồng và tỷ lệ lợi nhuận gộp đạt 7%. So với năm 2015, doanh thu sản phẩm, hàng hóa tăng 75 tỷ đồng.

Doanh thu bán bất động sản đầu tư đạt 483 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 8%. Số lợi nhuận gộp đạt 90 tỷ đồng và tỷ lệ lợi nhuận gộp đạt 19%, nguyên nhân là do Công ty thanh lý dự án bất động sản tại Tp. Hồ Chí Minh và bán đất tại đường Võ Văn Kiệt, Đà Nẵng.

Doanh thu ngành mía đường đạt 469 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 7%. Số lợi nhuận gộp đạt 142 tỷ đồng và tỷ lệ lợi nhuận gộp đạt 30%. So với năm 2015, doanh thu ngành mía đường giảm 402 tỷ đồng, nguyên nhân do Công ty đã bàn giao mảng mía đường cho bên thứ ba từ ngày 31 tháng 08 năm 2016.

Doanh thu từ dịch vụ cho thuê đạt 460 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 7%. Số lợi nhuận gộp đạt 309 tỷ đồng và tỷ lệ lợi nhuận gộp đạt 67%. So với năm 2015, doanh thu từ dịch vụ cho thuê tăng 447 tỷ đồng, chủ yếu là do mảng văn phòng cho thuê của khu phức hợp Hoàng Anh - Myanmar đã được đưa vào hoạt động từ Quý II năm 2016.

Doanh thu dịch vụ cung cấp khác đạt 329 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 5%. Số lợi nhuận gộp đạt 18 tỷ đồng và tỷ lệ lợi nhuận gộp đạt 6%. So với năm 2015, doanh thu dịch vụ cung cấp khác tăng 90 tỷ đồng, chủ yếu đến từ dịch vụ y tế của Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai.

Doanh thu bán căn hộ đạt 207 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 3%. Số lợi nhuận gộp đạt 23 tỷ đồng và tỷ lệ lợi nhuận gộp đạt 11%.

Doanh thu bấp đạt 136 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 2%. Số lợi nhuận gộp đạt 69 tỷ đồng và tỷ lệ lợi nhuận gộp đạt 51%.

Doanh thu cao su đạt 114 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 2%. So với năm 2015, doanh thu cao su giảm 82 tỷ đồng, nguyên nhân là do trong năm 2016 giá cao su vẫn đang ở mức thấp nên HAGL hạn chế diện tích khai thác.

Doanh thu xây dựng đạt 88 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 1%. So với năm 2015, doanh thu xây dựng giảm 952 tỷ đồng, chủ yếu là do đã hoàn thành xây dựng chuồng trại cho ngành chăn nuôi và giãn tiến độ xây dựng sân bay Nongkhang, Tỉnh Huaphan, Lào.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2016 tăng 8% so với năm 2015, tương đương với 3.947 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2016	2015	BIẾN ĐỘNG	%
Tài sản ngắn hạn	9.394	13.216	(3.822)	-29%
Tài sản dài hạn	43.369	35.600	7.769	+22%
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.984	19.189	(1.205)	-6%
Tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	25.385	16.411	8.974	+55%
Tổng tài sản	52.763	48.816	3.947	+8%

Tổng tài sản tăng chủ yếu do tài sản dài hạn năm nay tăng khá mạnh, tăng 7.769 tỷ đồng, nguyên nhân là do trong năm 2016 Công ty HAGL mua lại Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương cùng các công ty con. Bên cạnh đó, tài sản ngắn hạn giảm 3.822 tỷ đồng so với năm 2015.

b. Tình hình nợ phải trả

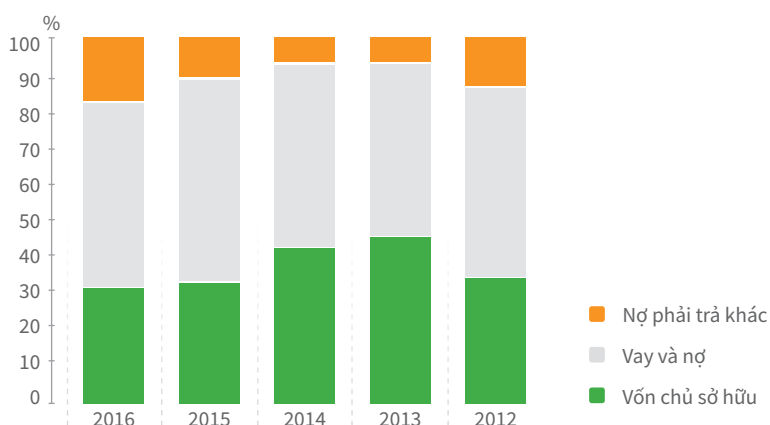
Trong năm 2016, tổng nợ phải trả của HAGL tăng thêm 3.353 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

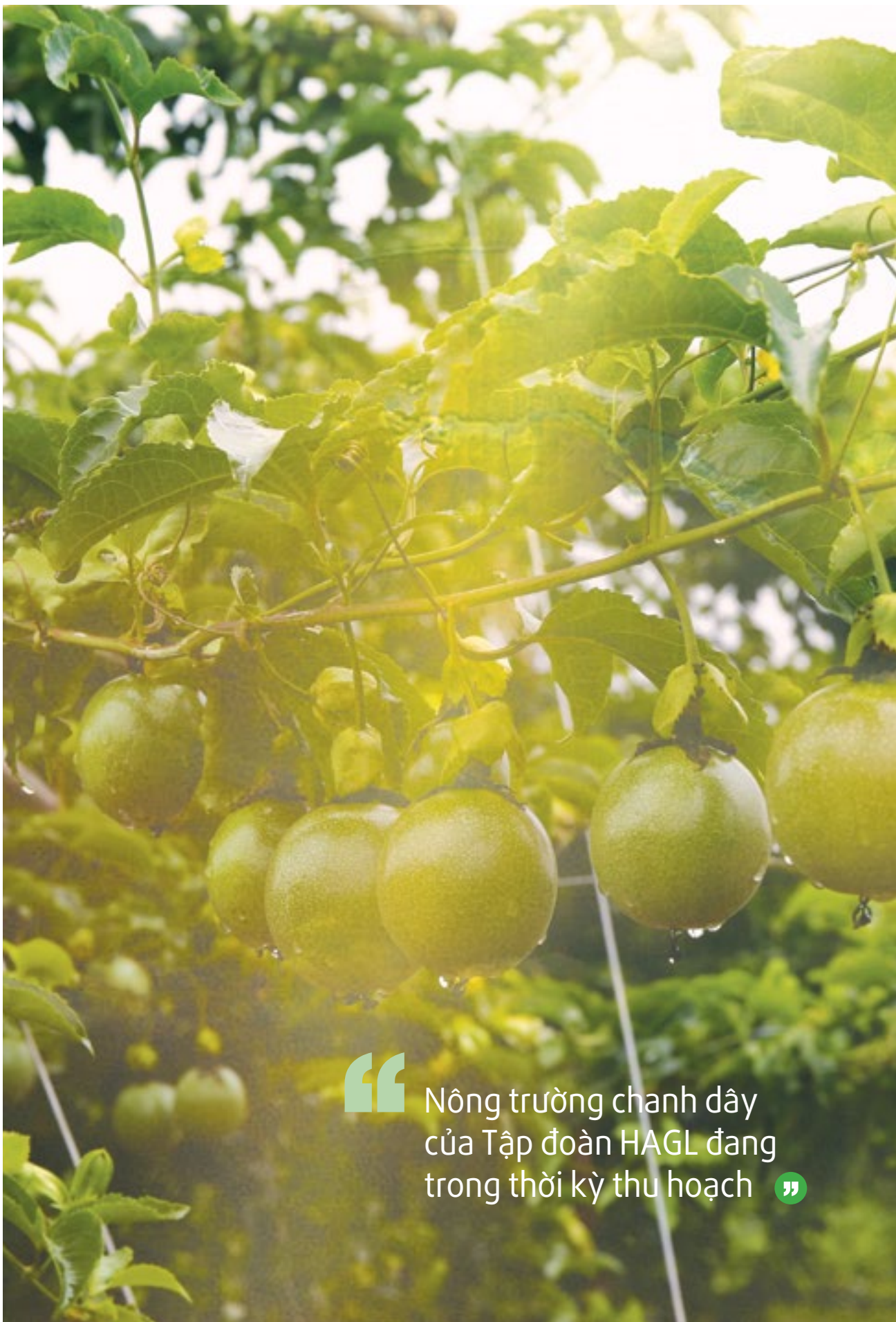
CHỈ TIÊU	2016	2015	BIẾN ĐỘNG	%
Nợ ngắn hạn	12.726	13.213	(487)	-4%
Vay và nợ ngắn hạn	5.198	8.298	(3.100)	-37%
Nợ phải trả ngắn hạn khác	7.528	4.915	2.613	+53%
Nợ dài hạn	23.387	19.547	3.840	+20%
Vay và nợ dài hạn	21.444	18.801	2.643	+14%
Nợ phải trả dài hạn khác	1.943	746	1.197	+160%
Tổng nợ phải trả	36.113	32.760	3.353	+10%

Tổng nợ phải trả chiếm đến 68% tổng nguồn vốn của HAGL trong năm 2016. Chi tiết như sau:

Cơ cấu nợ phải trả và vốn chủ sở hữu (Tỷ VNĐ)



Với hệ số vay trên tổng tài sản giảm từ 0,56 lần vào cuối năm 2015 xuống 0,5 lần vào cuối năm 2016 và hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu giảm từ 1,69 lần vào cuối năm 2015 xuống 1,6 lần vào cuối năm 2016, tuy giảm không nhiều nhưng cho thấy tình hình khả năng thanh toán nợ của Công ty có sự chuyển biến tích cực, khó khăn về mặt tài chính của công ty đang dần được cải thiện.



“

Nông trường chanh dây
của Tập đoàn HAGL đang
trong thời kỳ thu hoạch

”



The background of the page is a soft-focus photograph of a sunset or sunrise. The sky transitions from a pale blue at the top to a warm orange and yellow at the bottom. On the left side, several dandelion seed heads are visible, some in sharp focus and others blurred, with their seeds drifting away. The overall mood is serene and contemplative.

CHIA SẺ GIÁ TRỊ RỘNG KHẮP

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ
1	Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	7	100%
2	Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	7	100%
3	Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	7	100%
4	Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	7	100%
5	Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	7	100%
6	Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên	7	100%
7	Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	7	100%



2. CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2016 Công ty cổ chức 07 cuộc họp Hội đồng Quản trị với các nội dung sau:

- Ngày 15/03/2016: Hội đồng Quản trị thống nhất thông qua các vấn đề về tái cơ cấu tổ chức cho phù hợp mục tiêu, chiến lược hiện nay;
- Ngày 20/06/2016: Hội đồng Quản trị thống nhất thông qua các vấn đề về quản lý Công ty như quản lý dòng tiền; quản lý chi phí đầu tư nhằm nâng cao hơn nữa công tác quản lý của Công ty;
- Ngày 04/07/2016: Hội đồng Quản trị thống nhất thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2016;
- Ngày 06/08/2016: Hội đồng Quản trị thống nhất thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHCD thường niên năm 2016;
- Ngày 19/08/2016: Hội đồng Quản trị thông qua việc cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh và doanh thu 6 tháng đầu năm 2016;
- Ngày 06/09/2016: Hội đồng Quản trị thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty;
- Ngày 23/12/2016: Hội đồng Quản trị thống nhất thông qua việc phát hành Trái phiếu riêng lẻ nhằm cơ cấu lại khoản nợ của Công ty.

3. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 15/09/2016 thành công tốt đẹp;
- Hoàn thiện việc xây dựng đề án Tái cấu trúc của Tập đoàn;
- Chỉ đạo, giám sát công tác quản trị tài chính của Công ty;
- Chỉ đạo, giám sát và đôn đốc Ban Tổng Giám đốc kiện toàn bộ máy nhân sự theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả và chuyên nghiệp;
- Chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch được giao;
- Chỉ đạo, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, đặc biệt là công tác quản lý công ty nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh.



QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

1	Ông Lâm Hoàng Hải	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên Ban Kiểm soát



Ban Kiểm soát đánh giá báo cáo tài chính quý, bán niên và năm được trình bày trung thực và hợp lý, nhất quán và phù hợp với quy định của pháp luật.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trên các khía cạnh: tính hợp lý, trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh được thực hiện theo các nội dung sau:

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị hàng quý và theo yêu cầu, theo đó Ban Kiểm soát nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế, tham gia chất vấn và đóng góp ý kiến với Hội đồng Quản trị trong việc ra quyết định và thực hiện các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- Đánh giá việc quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc theo kế hoạch và chiến lược đề ra phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;
- Đánh giá thông tin trong các báo cáo tài chính quý, sáu tháng và năm của Công ty được trình bày trung thực, hợp lý và phù hợp với quy định hiện hành;
- Thảo luận với kiểm toán độc lập về kết quả kiểm toán năm 2015 và kết quả soát xét báo cáo tài chính bán niên 2016.





KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2016

Trong năm, Công ty đã thực hiện Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

- Hoàn thành việc cơ cấu lại các khoản nợ của Công ty với các tổ chức tín dụng theo Đề án tái cấu trúc Tập đoàn (giai đoạn 2016 - 2026).
- Thực hiện việc điều chỉnh điều khoản và điều kiện của trái phiếu chuyển đổi HAG-CB2011.

Kiểm tra tình hình tài chính năm 2016

Ban Kiểm soát đã thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán, thiết lập các quy trình làm việc với kiểm toán độc lập của Công ty là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (“EY”). Theo đó, Ban Kiểm soát đã tham gia tích cực vào quy trình phát hành báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và năm của Công ty. Ban Kiểm soát rà soát, phân tích sự biến động của các khoản mục trọng yếu trên báo cáo tài chính, thông báo kết quả soát xét đến Hội đồng Quản trị trước khi Công ty phát hành báo cáo tài chính.

Ban Kiểm soát đánh giá báo cáo tài chính quý, bán niên và năm được trình bày trung thực và hợp lý, nhất quán và

phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng trong tổ chức công tác kế toán và lập báo cáo tài chính.

Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị hàng quý và theo yêu cầu, theo đó Ban Kiểm soát nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế, tham gia chất vấn và đóng góp ý kiến với Hội đồng Quản trị trong việc ra quyết định và thực hiện các mục tiêu được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Ban Kiểm soát cũng đã thực hiện việc giám sát điều hành của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc lập kế hoạch, thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty. Từ kết quả của các cuộc kiểm toán, Ban Kiểm soát đã nêu nhiều ý kiến để Ban Tổng Giám đốc hoàn thiện hệ thống quản lý và kiểm soát nội bộ.

Ban Kiểm soát không nhận được yêu cầu kiểm tra hoặc khiếu nại nào từ cổ đông.

Lựa chọn Kiểm toán độc lập

Ban Kiểm soát duy trì phối hợp với EY, các dịch vụ tư vấn khác không làm ảnh hưởng đến tính độc lập và khách quan của kiểm toán viên độc lập trong việc kiểm toán báo cáo tài chính.

Ban Kiểm soát đã thông báo cho Hội đồng Quản trị các thủ tục trình ĐHĐCĐ phê chuẩn chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2017 trong kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Nhằm thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát dự kiến kế hoạch thực hiện như sau:

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Giám sát việc quản lý và điều hành Công ty của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc;
- Kiểm tra, đánh giá các báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và năm;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty;
- Các vấn đề khác.

QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Minh bạch, công khai và thường xuyên cập nhật thông tin đến các cổ đông, nhà đầu tư luôn được lãnh đạo Tập đoàn HAGL chú trọng thông qua hai kênh chính thức:

- Cung cấp thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính thông qua báo cáo thường niên, báo cáo tài chính, thông cáo báo chí, website của Công ty tại địa chỉ: www.hagl.com.vn, website của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các kênh truyền thông khác.
- Lãnh đạo Tập đoàn trao đổi, lắng nghe ý kiến của các cổ đông, nhà đầu tư thông qua các buổi gặp gỡ trực tiếp, tham quan dự án, hội nghị các nhà đầu tư, trao đổi qua điện thoại, roadshow nhằm giúp cho nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện về Tập đoàn, từ đó có thể đưa ra quyết định đúng đắn và kịp thời nhất.

Tổ chức các chuyến đi thực tế các dự án đầu tư của Tập đoàn tại Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar đã trở thành một hoạt động thường xuyên. Mỗi chuyến đi kéo dài từ 2 đến 3 ngày, với sự tham gia của đại diện các tổ chức quỹ đầu tư, các cổ đông chiến lược, các nhà đầu tư tiềm năng; có những chuyến tham quan dành cho nhóm nhỏ các nhà đầu tư từ 5 đến 10 người...

Trong năm qua, Tập đoàn đã 3 lần chậm công bố báo cáo tài chính bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE) nhắc nhở. Cụ thể: HAGL chậm công bố báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2016, chậm báo cáo kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2016, chậm báo cáo thường niên năm 2016 và báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 1/2017. Lãnh đạo Tập đoàn đã gửi công văn giải trình đến các cơ quan chức năng đồng thời cam kết sẽ khắc phục các vấn đề trên trong thời gian tới.

QUẢN LÝ RỦI RO

Hoàng Anh Gia Lai hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, trên nhiều lãnh thổ khác nhau. Vì vậy, có những rủi ro tiềm tàng gắn liền với đặc điểm của từng ngành, từng lãnh thổ và từng điều kiện kinh tế. Tập đoàn xác định các loại rủi ro chính và thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro như sau:

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Bản chất

Giá cả các sản phẩm đầu ra của ngành trồng trọt và chăn nuôi của Tập đoàn như cao su, đường, dầu cọ, bắp, thịt bò... đều liên thông với thị trường thế giới và biến động hàng ngày, hàng giờ. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến mức lợi nhuận, dòng tiền và tiến độ thu hồi vốn đầu tư.

Ngành bất động sản chịu tác động trực tiếp từ những thay đổi của thị trường tài chính và tình hình kinh tế vĩ mô, do đó, những biến động bất lợi của nền kinh tế có thể dẫn đến suy giảm tính thanh khoản của thị trường bất động sản cũng như ảnh hưởng tiêu cực đến giá bán của sản phẩm các dự án.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Bằng chiến lược chi phí thấp áp dụng nhất quán trong tất cả các ngành nghề kinh doanh, Tập đoàn luôn kiểm soát chi phí đầu tư và giá thành ở mức thấp nhất. Vì vậy, biên độ lợi nhuận của các sản phẩm đầu ra đủ lớn để có thể duy trì được mức lợi nhuận tối thiểu cho Tập đoàn trong tình huống giá cả hàng hoá trên thị trường thế giới giảm

mạnh. Ngoài ra, chiến lược đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh cũng giúp cho Tập đoàn lấy lợi nhuận của ngành này bù cho ngành khác khi giá cả một loại hàng hoá nào đó giảm trong khi các loại hàng hoá khác không bị ảnh hưởng. Trong tương lai dài, Tập đoàn cũng sẽ nghiên cứu áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro như hợp đồng mua bán kỳ hạn, hợp đồng mua bán dài hạn ký với các đối tác lớn với giá cố định trước...

RỦI RO TỶ GIÁ

Bản chất

Trong những năm gần đây, tỷ giá đồng Việt Nam và ngoại tệ (đặc biệt là đô la Mỹ) biến động không nhiều, nằm trong tầm kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước, vì vậy, không ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn có quan hệ thanh toán bằng ngoại tệ với các đối tác nước ngoài, đặc biệt là đối với các thương vụ nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên liệu, vật liệu xây dựng... Tuy nhiên, Tập đoàn vẫn luôn coi trọng công tác quản lý rủi ro tỷ giá và có những biện pháp phòng ngừa rủi ro thích hợp, đề phòng các ảnh hưởng xấu khi những biến động lớn về tỷ giá có thể xảy ra trong tương lai.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn bao gồm cả xuất khẩu và nhập khẩu, do đó các biến động tăng hoặc giảm của tỷ giá sẽ được bù trừ lẫn nhau làm giảm ảnh hưởng lên lợi nhuận và dòng tiền. Bên cạnh đó, nguồn thu từ xuất khẩu có thể giúp Tập đoàn chủ động hơn trong giao dịch nhập khẩu cần ngoại tệ.

Kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài đều được Tập đoàn tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất.

RỦI RO LÃI SUẤT

Bản chất

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn có nhu cầu vốn lớn để đầu tư vào các dự án, đặc biệt là dự án bất động sản tại Myanmar. Phần lớn nguồn vốn này được huy động từ ngân hàng và phát hành trái phiếu doanh nghiệp với lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Tập đoàn chủ động xây dựng cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu phù hợp với từng thời kỳ của nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ có mối quan hệ tốt với các ngân hàng thương mại lớn, Tập đoàn có thể đạt được những thỏa thuận vay vốn với chi phí hợp lý.

Bên cạnh việc huy động từ vốn vay và trái phiếu thường, Tập đoàn còn thực hiện huy động vốn từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi với lãi suất thấp từ nhà đầu tư trong và ngoài nước. Chi phí vốn của các khoản này thường ở mức thấp, được xác định trước và không bị ảnh hưởng lớn bởi biến động lãi suất.

RỦI RO TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Bản chất

Tập đoàn có những ngành nghề kinh doanh mà thời gian triển khai dự án dài như: các dự án bất động sản thường có tiến độ triển khai khoảng 3 đến 5 năm, dự án cao su khoảng 5 năm, cọ dầu khoảng 3 năm. Công tác triển khai bao gồm thực hiện thủ tục pháp lý về đất đai, môi trường, giải phóng mặt bằng, đền bù giải toả, khai hoang, trồng trọt, xây dựng, chăm bón cây... Các vướng mắc này sinh trong bất cứ khâu nào đều có thể ảnh hưởng lớn đến tiến độ triển khai toàn dự án làm chậm tốc độ quay vòng vốn và tác động tiêu cực đến kế hoạch kinh doanh.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Với nhiều kinh nghiệm trong quản lý dự án và mối quan hệ tốt với cơ quan chức năng có liên quan, Tập đoàn luôn chủ động trong kế hoạch triển khai các dự án của mình. Bên cạnh đó, nhờ có nhiều dự án được tiến hành gối đầu nhau, kế hoạch kinh doanh và tốc độ quay vòng vốn của Tập đoàn không bị phụ thuộc vào từng dự án riêng lẻ.

RỦI RO PHÁP LÝ

Bản chất

Là một doanh nghiệp đã niêm yết cổ phần, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán... Các văn bản luật và hướng dẫn dưới luật hiện đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về pháp luật và các chính sách có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Tập đoàn.

Ngoài ra, thị trường bất động sản cũng bị chi phối bởi Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh bất động sản... Sự thay đổi của các văn bản pháp luật này có thể ảnh hưởng đến tính thanh khoản của thị trường bất động sản cũng như thời gian làm thủ tục và phương thức huy động vốn đầu tư các dự án của Tập đoàn.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Tập đoàn xây dựng bộ phận pháp lý gồm các luật sư có bằng cấp và giàu kinh nghiệm. Bộ phận này thường xuyên cập nhật các thay đổi về luật pháp và các ảnh hưởng pháp lý nếu có đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn để kịp thời tư vấn cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, bộ phận pháp lý còn có trách nhiệm rà soát các văn bản hợp đồng trong những giao dịch hàng ngày của Tập đoàn để hạn chế các rủi ro pháp lý có liên quan.

Khi cần thiết, Tập đoàn có thể nhờ các đơn vị tư vấn luật pháp chuyên nghiệp trong và ngoài nước hỗ trợ thực hiện các giao dịch pháp lý phức tạp.

CÁC RỦI RO PHI HỆ THỐNG KHÁC

Bản chất

Mỗi ngành nghề kinh doanh có thể gắn với một hay nhiều rủi ro phi hệ thống khác, chẳng hạn như ngành trồng trọt gắn với rủi ro thiên tai, hạn hán, bão lụt, hoả hoạn; ngành chăn nuôi gắn với rủi ro dịch bệnh; ngành bất động sản có thể gắn với rủi ro cháy nổ, tai nạn trong quá trình xây dựng... Dù muốn hay không thì các rủi ro này vẫn luôn tồn tại và có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Tập đoàn tiến hành đánh giá xác suất xảy ra rủi ro cho từng ngành và mức thiệt hại phát sinh khi xảy ra rủi ro. Đồng thời xác định loại hình dịch vụ bảo hiểm đang có cho loại rủi ro đó và chi phí bảo hiểm. Trên cơ sở đó quyết định tự bảo hiểm hay mua bảo hiểm phù hợp cho từng loại rủi ro. Tập đoàn đã mua đầy đủ các loại bảo hiểm xây dựng, bảo hiểm hoả hoạn cho các dự án bất động sản, nhà xưởng; bảo hiểm rủi ro trong chăn nuôi cho các nông trường bò; bảo hiểm cây trồng cho các nông trường cao su, cọ dầu; bảo hiểm tai nạn lao động cho cán bộ công nhân viên; bảo hiểm trách nhiệm với bên thứ ba...

QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY 20/01/2016		NGÀY 23/08/2016		THAY ĐỔI	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Ông Đoàn Nguyên Đức - Chủ tịch	347.765.533	44,02%	347.765.533	44,02%	-	0,00%
2	Ông Võ Trường Sơn - Thành viên	803.654	0,10%	803.654	0,10%	-	0,00%
3	Bà Võ Thị Huyền Lan - Thành viên	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
4	Ông Đoàn Nguyên Thu - Thành viên	6.457.456	0,82%	6.457.456	0,82%	-	0,00%
5	Ông Nguyễn Văn Minh - Thành viên	3.370.057	0,43%	3.370.057	0,43%	-	0,00%
6	Ông Phan Thanh Thủ - Thành viên	29.426	0,00%	29.426	0,00%	-	0,00%
7	Ông Nguyễn Xuân Thắng - Thành viên	30.598	0,00%	30.598	0,00%	-	0,00%

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY 20/01/2016		NGÀY 23/08/2016		THAY ĐỔI	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Bà Hồ Thị Kim Chi - Phó Tổng Giám đốc	145.159	0,018%	145.159	0,018%	-	0,00%

TỶ LỆ SỞ HỮU CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY 20/01/2016		NGÀY 23/08/2016		THAY ĐỔI	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Ông Lâm Hoàng Hải - Trưởng ban	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
2	Ông Nguyễn Tấn Anh - Thành viên	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
3	Bà Nguyễn Thị Huyền - Thành viên	63.140	0,01%	63.140	0,01%	-	0,00%

CỔ ĐÔNG LỚN THỜI ĐIỂM 23/08/2016

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	SỐ CMND/HỘ CHIẾU/ĐKKD	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Đoàn Nguyên Đức	230046495	147 Trần Phú, Pleiku, Gia Lai	347.765.533	44,02%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO DANH SÁCH

DANH MỤC	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ
Tổng vốn cổ phần	789.967.947	100%
Cổ đông sáng lập	357.593.050	45,27%
Cổ phiếu quỹ	68.664	0,01%
Cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết)	-	0,00%
Cổ đông nắm giữ từ 1%-5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	72.568.637	9,19%
Cổ đông nắm giữ dưới 1% có quyền biểu quyết	359.737.596	45,54%
Trong đó:		
Cổ đông nước ngoài		
Tổ chức	77.698.464	9,84%
Cá nhân	5.191.680	0,66%

THAY ĐỔI VỐN CỔ PHẦN

Trong năm 2016 Công ty không có nghiệp vụ tăng vốn nào.

Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2016 (Ngàn đồng)

7.899.679.470

Vốn cổ phần vào cuối mỗi năm

Tỷ đồng

01/06/2006

289

31/12/2006

297

31/12/2007

1.200

31/12/2008

1.789

31/12/2009

2.705

31/12/2010

3.115

31/12/2011

4.673

31/12/2012

5.374

31/12/2013

7.182

31/12/2014

7.900

31/12/2015

7.900

31/12/2016

7.900

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU THEO TỪNG LOẠI

Cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu được phép phát hành

789.967.947

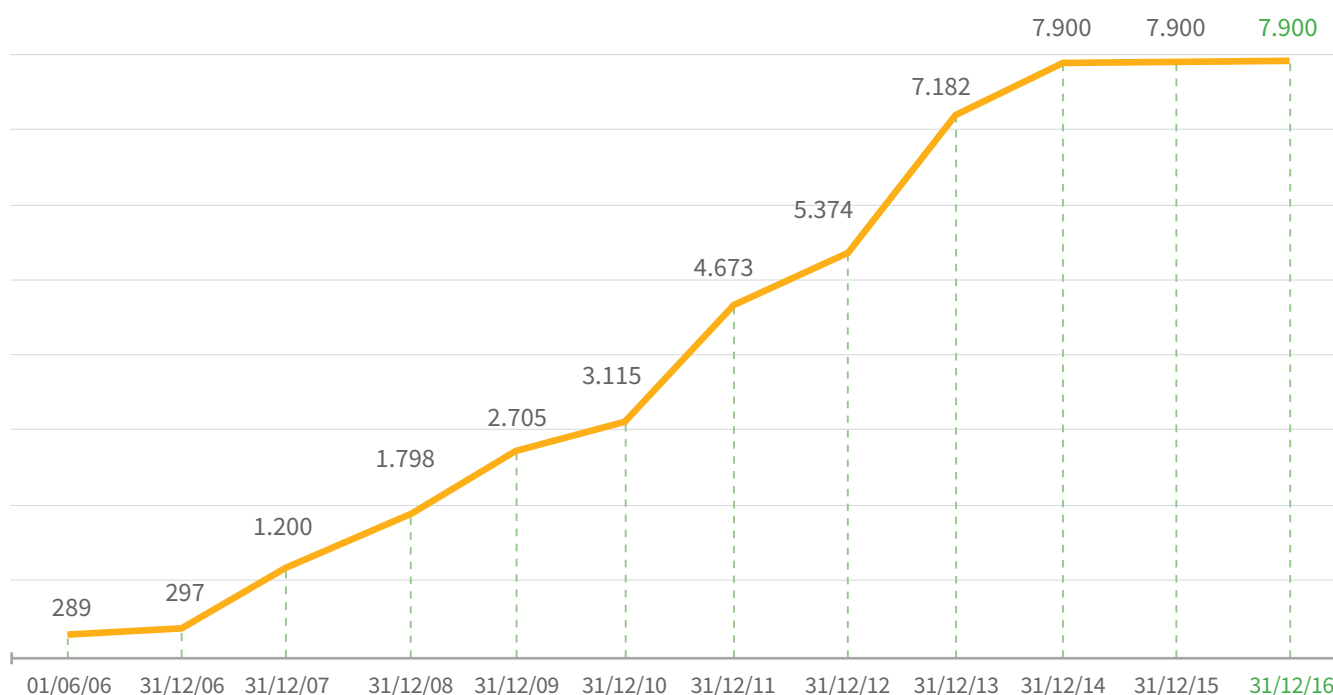
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ

789.967.947

Cổ phiếu quỹ

68.644

BIỂU ĐỒ VỐN CỔ PHẦN (TỶ ĐỒNG)



QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

ĐẦU TƯ NÔNG NGHIỆP, TÁI TẠO TÀI NGUYÊN

Nhận thức sâu sắc tài nguyên thiên nhiên là hữu hạn, trong quá trình sản xuất kinh doanh hướng tới các giá trị vững bền, HAGL tập trung đầu tư và khai thác tối ưu các nguồn tài nguyên tái tạo. Thực tế trong những năm qua, HAGL đã huy động tổng lực cho việc trồng cây cao su, cọ dầu... biến những khu rừng khộp thành những nông trại, góp phần cải thiện đáng kể môi trường và đời sống của người dân bản địa. HAGL ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp như vận hành hệ thống tưới nước nhỏ giọt của Israel, lập nhà máy sản xuất phân vi sinh, phân tích thành phần dinh dưỡng đất, áp dụng các tiêu chuẩn thực phẩm an toàn... Những nỗ lực cải tiến này đã góp phần quan trọng vào việc tiết kiệm nguồn tài nguyên nước, hạn chế xói mòn, bạc màu đất, giảm thiểu ô nhiễm, tiết kiệm chi phí sản xuất và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Trong năm 2016, Tập đoàn đã đầu tư trồng các loại cây ăn quả như chanh dây, chuối, thanh long và hơn 10 loại khác... theo bộ tiêu chuẩn Global Gap nhằm cung ứng cho thị trường trong nước và Quốc tế sản phẩm an toàn, chất lượng.

HỢP TÁC CÔNG TƯ

HAGL là doanh nghiệp tiên phong trong việc áp dụng mô hình hợp tác công tư (Public - Private Partnership - PPP) trong lĩnh vực nông nghiệp khi mở rộng địa bàn kinh doanh sang các nước láng giềng.

Thiết chế PPP đã được áp dụng rất thành công tại Lào và được Chính phủ Lào đánh giá cao. HAGL đã tài trợ vốn không lãi suất cho Chính phủ Lào xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ SEA Games, sân bay quốc tế Attapeu, bệnh viện, trường học, nhà ở, khu hành chính của các cộng đồng địa phương.

Mô hình này cũng được HAGL áp dụng ở Campuchia thông qua việc giúp Liên đoàn Bóng đá Campuchia xây dựng Học viện Bóng đá Quốc gia Bati tại Tỉnh Takeo, xây dựng đường, trường học, trạm xá, giếng nước cho người nghèo... ở một số tỉnh thành tại Vương quốc này.

TẠO LỢI THẾ CẠNH TRANH BẰNG VIỆC ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU VÀ CHUỖI GIÁ TRỊ

Chúng tôi hiểu rằng, để tạo ra lợi thế cạnh tranh trên thị trường, bên cạnh quy mô đầu tư lớn, cần mạnh



Chúng tôi đã đưa hệ thống tưới nước của Israel vào canh tác, cùng đội ngũ hơn 1.000 kỹ sư nông nghiệp Việt Nam tham gia nghiên cứu và triển khai đồng bộ các ứng dụng kỹ thuật cao trong nuôi trồng.



dạn tập trung nghiên cứu và tiếp thu các giải pháp công nghệ mới tiên tiến để ứng dụng vào quy trình sản xuất thực tế, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp.

HAGL là doanh nghiệp đi đầu trong việc trồng cao su, cọ dầu, các loại cây ăn quả trên những cánh rừng khộp của Lào và Campuchia, trong đó đa số là những vùng đất cằn cỗi, khô hạn quanh năm. Tuy nhiên, với tinh thần quyết liệt và ý chí mạnh mẽ, Tập đoàn HAGL đã chủ động đầu tư trên diện rộng từ con người đến máy móc, từ công nghệ đến quy trình và cây giống nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất trồng, tăng năng suất sản phẩm. Chúng tôi đã đưa hệ thống tưới nước của Israel vào canh tác, cùng đội ngũ hơn 1.000 kỹ sư nông nghiệp Việt Nam tham gia nghiên cứu và triển khai đồng bộ các ứng dụng kỹ thuật cao trong nuôi trồng, chăm sóc phát triển đàn gia súc, phát triển cây công nghiệp nhằm gia tăng hiệu quả, năng suất và tiết kiệm chi phí tối đa.



GẮN BÓ, HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN

Những thành quả mà HAGL đạt được đến từ sự tin tưởng, chia sẻ, hỗ trợ và hợp tác đầy thiện chí của khách hàng, đối tác, cổ đông, nhà đầu tư, cộng đồng xã hội và các cơ quan quản lý cũng như từ sự cống hiến và nỗ lực hết mình của đội ngũ nhân viên Tập đoàn.

Nhận thức được tầm quan trọng này, HAGL đã theo đuổi và vận dụng thành công triết lý kinh doanh “gắn bó, hợp tác cùng phát triển”, xem đây là kim chỉ nam trong định hướng kinh doanh của Tập đoàn. Nhờ vậy, dù đang trong giai đoạn hết sức khó khăn, HAGL đã nhận được sự chia sẻ, hỗ trợ, đồng hành từ những định chế tài chính có uy tín trong và ngoài nước, các ngân hàng cũng như các cộng đồng địa phương, chính quyền sở tại.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Năm 2016, kết quả kinh doanh của HAGL chưa đạt được theo kế hoạch đề ra nhưng nhìn ở góc độ tổng thể,

Tập đoàn đã đạt được nhiều kết quả tích cực, trong đó việc tái cơ cấu các khoản nợ vay và trái phiếu với các bên cho vay về cơ bản đã hoàn thành. Tập đoàn đã tận dụng tối đa nguồn tài nguyên đất rộng lớn của mình trồng nhiều loại cây ăn quả để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa, bước đầu có những tín hiệu đáng mừng. Hoạt động kinh doanh của dự án HAGL Myanmar đang tiến triển tốt.

Với định hướng phát triển dựa trên hai trụ cột chính là Nông nghiệp và Bất động sản, trong đó các loại cây công nghiệp giá trị cao như cao su, cọ dầu đang đi vào giai đoạn khai thác sản phẩm; tận dụng quỹ đất lớn trồng những loại cây ngắn ngày như chanh dây, chuối, thanh long, xoài, mít... và chăn nuôi bò. Về hoạt động trong ngành bất động sản, dự án trọng điểm của HAGL vẫn là Khu phức hợp HAGL Myanmar nằm ở vị trí đặc địa của thành phố Yangon. Hiện tại, Tập đoàn đang triển khai giai đoạn 2 của dự án bao gồm các hạng mục: 5 block 28 tầng tương đương 1.134 căn hộ và khu văn phòng cho thuê với tổng diện tích 126.000 m².

QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

1. CHIẾN LƯỢC NGÀNH NGHỀ VÀ SẢN PHẨM

1.1 NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Việt Nam gia nhập Hiệp định Thương mại tự do (AFTA) sẽ mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp làm nông nghiệp. HAGL tin tưởng mảng nông nghiệp sẽ có tỷ suất lợi nhuận cao khi giá cả trên thị trường thế giới ổn định, sản lượng đạt mức kỳ vọng.

Cây công nghiệp

Trong năm qua, giá cao su thế giới và trong nước có dấu hiệu phục hồi tốt từ mức 1.100 USD/tấn trong năm 2015 lên đến 2.200 USD/tấn, vì vậy trong niên vụ 2017 công ty đẩy mạnh khai thác bằng việc mở rộng diện tích cạo mủ. Bên cạnh đó, HAGL đã trồng các loại cây ăn quả như chanh dây, xoài, thanh long và hơn 10 loại khác... nhằm đa dạng hóa sản phẩm, thực hiện mục tiêu “lấy ngắn nuôi dài”.





Chăn nuôi

Với ưu thế về quỹ đất lớn để trồng cỏ, tận dụng nguồn thực phẩm sẵn có dồi dào từ cây bắp, cọ dầu, phụ phẩm mía đường cũng như việc áp dụng công nghệ cao vào ngành nông nghiệp như hệ thống tưới nước nhỏ giọt Israel, cắt cỏ, chế biến, pha trộn thức ăn bằng máy móc... sản phẩm của HAGL có giá rất cạnh tranh trên thị trường.

Trong năm qua, sản phẩm bò thịt HAGL chỉ cung cấp vào các thị trường lớn như Hà Nội, Tp.HCM, Đà Nẵng. Sắp tới, HAGL sẽ tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ ra các tỉnh trong cả nước.



QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



1.2 NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN

Trong năm 2016, Tập đoàn đã đưa vào hoạt động 2 cao ốc văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và khách sạn 5 sao Melia Yangon, đồng thời khẳng định vị thế dẫn đầu tại thị trường bất động sản Myanmar. Trong thời gian tới, Tập đoàn kiên định theo đuổi chiến lược: tập trung khai thác hiệu suất hoạt động cao tại trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và khách sạn Melia Yangon; xây dựng tiếp giai đoạn 2 của dự án bao gồm 2 cao ốc văn phòng cho thuê và 5 cao ốc căn hộ bán hoặc cho thuê; tăng cường phát triển năng lực đội ngũ dịch vụ, bán hàng, cho thuê, quản lý dự án và quản lý BĐS nhằm đẩy mạnh việc khai thác kinh doanh và bán căn hộ.

Chiến lược về vốn

Chủ động xây dựng kế hoạch dòng tiền trong dài hạn, ổn định là một mục tiêu quan trọng trong chiến lược kinh doanh của Tập đoàn, chú trọng các biện pháp tạo ra lượng tiền mặt để thanh toán bớt dư nợ và hướng đến trạng thái cân bằng về khả năng thanh toán. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng nghiên cứu và đầu tư đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp đưa ra thị trường nhằm tăng doanh thu và mở rộng cơ hội kinh doanh; vận hành khai thác bất động sản - dịch vụ để có nguồn thu thường xuyên, ổn định, đồng thời chủ trương bán các dự án bất động sản khi có hiệu quả kinh tế để quay vòng vốn.

Nghiên cứu giảm thiểu chi phí thông qua các công cụ nợ, hình thức huy động vốn một cách hiệu quả, đồng thời rà soát lại cơ cấu danh mục đầu tư, thanh lý những tài sản không thuộc lĩnh vực kinh doanh cốt lõi hoặc hiệu quả thấp và hạn chế tối đa việc đầu tư dàn trải.

Xây dựng quy chế tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế lương và khen thưởng cũng như có chính sách sử dụng tiền mặt phù hợp với hoàn cảnh cụ thể nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho doanh nghiệp.

“

Tăng cường công tác quản lý tài chính, quản lý rủi ro và giám sát chi tiêu bằng cách kiểm soát hiệu quả công tác thu hồi công nợ, áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí.

”



2. HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

Xác định hệ thống quản trị phù hợp là nền tảng để doanh nghiệp phát triển bền vững, vì vậy HAGL luôn ưu tiên ứng dụng những kiến thức và mô hình thực hành tốt về quản trị để đưa vào hoạt động.

Tăng cường công tác quản lý tài chính, quản lý rủi ro và giám sát chi tiêu bằng cách kiểm soát hiệu quả công tác thu hồi công nợ, áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí.

Mở rộng thị trường trong nước và phát triển thị trường ra các nước trong khu vực, đồng thời chuẩn hóa mô hình hoạt động, phát huy vai trò của các Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong và ngoài nước.

Đẩy mạnh việc phát triển thương hiệu, giữ mối quan hệ với các khách hàng hiện có và tiếp cận các đối tượng khách hàng tiềm năng bằng nhiều kênh và đầu mối thông tin, linh hoạt nắm bắt cơ hội để mở rộng thị trường.

Song song với việc đánh giá hiệu quả hoạt động, HAGL còn chú trọng cải tiến hệ thống quản lý, cơ cấu bộ máy tổ chức nhân sự để phù hợp với mục tiêu phát triển của Tập đoàn. Song song đó, công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên và việc quy hoạch, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý luôn được xem như nhiệm vụ trọng tâm của doanh nghiệp.





A photograph of a dragon fruit orchard. In the foreground, several dragon fruit plants with green, segmented stems and some red fruit are visible. The plants are supported by a metal trellis system. The background shows a clear blue sky with a few wispy clouds. The overall scene is bright and sunny.

CHUNG TAY PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Trong năm qua, mặc dù tình hình hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn, HAGL vẫn nỗ lực đưa ra những quyết sách, chiến lược kinh doanh linh hoạt, nhanh nhạy, kịp thời, phù hợp với diễn biến tình hình thị trường. Tập đoàn đã đẩy mạnh tái cấu trúc, ưu tiên tập trung khai thác thế mạnh cốt lõi là nông nghiệp với việc trồng các loại cây ăn quả ngắn ngày như chanh dây, thanh long, chuối... chủ động tạo ra dòng tiền ổn định. Trong chiến lược kinh doanh của mình, HAGL luôn đặt ra mục tiêu lợi nhuận gắn liền với việc thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội và môi trường.

Các dự án Tập đoàn đầu tư tại Tây Nguyên, Lào, Campuchia và Myanmar đã tạo điều kiện và tiếp tục là lực đẩy phát triển kinh tế vùng dự án đầu tư thông qua việc tạo công ăn việc làm cho hàng chục ngàn người dân, chủ động thực hiện các chương trình an sinh xã hội tại địa phương: xây dựng cơ sở hạ tầng như cầu, đường, sân bay, bệnh viện, trường học, giếng nước, khu tái định cư... Những đóng góp của HAGL đã góp phần thắt chặt mối quan hệ hữu nghị, thúc đẩy trao đổi thương mại với các nước bạn, từ đó góp phần đẩy mạnh sự phát triển kinh tế trong khu vực.





Xác định Nông nghiệp là mũi nhọn chiến lược, HAGL đã tiến hành đầu tư bài bản và áp dụng nhiều phương thức hiện đại để hướng tới sự bền vững cho Tập đoàn trong tương lai. ”



Với phương châm “Cân bằng lợi ích để gia tăng hiệu quả”, HAGL không chỉ hoạt động vì chính lợi ích phát triển bền vững của Tập đoàn mà còn vì lợi ích lâu dài của các cổ đông và nhà đầu tư.



Việc sử dụng lao động địa phương có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của HAGL. Tại các nông trường cao su, cọ dầu, cây ăn trái, hàng chục ngàn lao động địa phương được tuyển dụng, đào tạo bởi các chuyên gia trong nước và quốc tế, đồng thời được trang bị kỹ thuật, chuyên môn giúp người lao động có thu nhập cao, ổn định. Người lao động được ký hợp đồng và bố trí chỗ ở tại khu tái định cư do Công ty xây dựng tại vùng dự án.

Xác định Nông nghiệp là mũi nhọn chiến lược, HAGL đã tiến hành đầu tư bài bản và áp dụng nhiều phương thức hiện đại để hướng tới sự bền vững cho Tập đoàn trong tương lai.

- Xây dựng Quy trình nuôi trồng khép kín: HAGL tận dụng tối đa các sản phẩm, phụ phẩm từ các lĩnh vực Tập đoàn đang khai thác, tối ưu hóa năng suất hoạt động, giảm thiểu lãng phí, giảm chi phí sản xuất, tạo thế cạnh tranh cho sản phẩm đầu ra, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường.
- Xây dựng mô hình nông nghiệp công nghệ cao: HAGL xem đây là yếu tố quyết định cho hành trình hướng tới mục tiêu kinh doanh bền vững. Ứng dụng thành công công nghệ hiện đại vào nông nghiệp như: Hệ thống tưới nhỏ giọt Israel, cơ giới hóa tất cả các khâu trong nuôi trồng, sản xuất nhằm đạt hiệu quả tối đa trong việc tăng năng suất, giải phóng sức lao động và giảm giá thành sản phẩm.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Tại HAGL, trách nhiệm đối với cộng đồng không chỉ được hiểu là các hoạt động an sinh, hỗ trợ nâng cao đời sống xã hội mà còn là việc đảm bảo cho sự phát triển của chính Cán bộ và nhân viên của Tập đoàn.

KẾT NỐI CỘNG ĐỒNG, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

HAGL hiểu rằng doanh nghiệp phát triển bền vững khi cộng đồng xung quanh sung túc, thịnh vượng. Vì vậy song song với mục tiêu kinh doanh, HAGL luôn đề cao việc thực hiện trách nhiệm và sẻ chia lợi ích với cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội.



“ 90.000 USD

Tài trợ các địa phương tại Lào
trong năm 2016 ”

Là hoạt động truyền thống được thực hiện tại tất cả những địa phương HAGL đang đầu tư, các chương trình ý nghĩa này không chỉ xuất phát từ định hướng chung của Tập đoàn mà còn nhận được sự chung tay chia sẻ của toàn thể cán bộ công nhân viên; chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực: đầu tư cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục, văn hóa - thể thao...

HAGL đã tài trợ và xây dựng nhiều công trình cộng đồng tại Việt Nam, Lào, Campuchia nhằm phục vụ nhu cầu của người dân địa phương. Những cây cầu, bệnh viện, trường học, sân bay, đường cấp phối, mạng lưới điện, nhà sinh hoạt cộng đồng, trung tâm y tế hay nhà ở công nhân đã đi vào hoạt động và thực sự mang lại những lợi ích thiết thực cho người dân vùng dự án và các khu vực khó khăn lân cận.

Riêng tại Lào, trong năm 2016, HAGL đã ủng hộ kinh phí tổng cộng trên 700.000.000 Kip (tương đương 90.000 USD) cho các địa phương để xây dựng đường, hỗ trợ học bổng cho sinh viên Lào du học tại Việt Nam, hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động văn hóa - xã hội tại địa phương...

“ 14.879 LƯỢT/NĂM

Bệnh nhân khám chữa tại bệnh viện
ĐH Y Dược - HAGL năm 2016 ”

Về y tế, hiện nay, Bệnh viện Đại học Y Dược - HAGL tại Gia Lai và Bệnh viện Đa khoa Attapeu đã và đang làm rất tốt nhiệm vụ cải thiện chất lượng y tế cho nhân dân quanh vùng. Tập đoàn cũng thường xuyên kết hợp với đội ngũ y bác sĩ bệnh viện tổ chức khám chữa bệnh nhân đạo và phát thuốc miễn phí cho đồng bào vùng sâu vùng xa tại Gia Lai và hai nước láng giềng Lào, Campuchia.

Với sứ mệnh tạo ra nhiều giá trị cho toàn xã hội, bên cạnh các hoạt động đầu tư cơ sở vật chất, giáo dục và y tế; hàng năm, HAGL đều dành riêng khoản ngân sách cho chương trình Chung tay vì xã hội tốt đẹp hơn: ủng hộ các Quỹ người nghèo, Hội người mù, Quỹ bảo trợ trẻ em, Quỹ chất độc màu da cam, tổ chức tặng quà tết cho các gia đình khó khăn...

Bên cạnh đó, HAGL coi trọng việc hòa nhập vào cộng đồng địa phương tại các quốc gia đang đầu tư. Hầu hết các giám đốc, giám sát viên, kỹ thuật viên của Công ty tự nguyện học ngôn ngữ và giao tiếp tốt với người dân địa phương.

AN SINH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại HAGL, nhân lực là tài sản quý giá, là yếu tố đảm bảo nguồn sáng tạo cũng như trực tiếp vận hành bộ máy hoạt động của tổ chức; do đó HAGL đặc biệt coi trọng công tác xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc nhằm tạo điều kiện cho người lao động phát huy năng lực của mình. Tập đoàn thực hiện trách nhiệm đối với người lao động chủ yếu dựa trên 3 yếu tố:

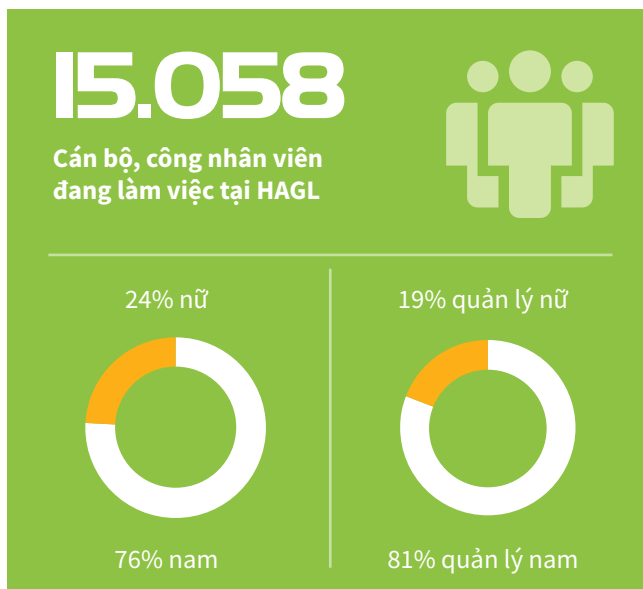
An toàn, sức khỏe

Ngoài việc tuân thủ chế độ bảo hiểm đối với người lao động theo đúng quy định pháp luật, quy định về an toàn lao động, HAGL còn chăm lo sức khỏe nhân viên bằng việc hỗ trợ chi phí điều trị tại bệnh viện Đại học Y Dược - HAGL, xét miễn giảm chi phí đối với nhân viên đang công tác tại nước ngoài, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội giải quyết kịp thời và đầy đủ cho người lao động như chế độ bệnh tật, chế độ thai sản... Bên cạnh đó, Tập đoàn tổ chức các khóa huấn luyện phòng cháy chữa cháy, sơ cứu - cấp cứu, vệ sinh - an toàn thực phẩm, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật...

Đảm bảo công bằng

Văn hóa công bằng được áp dụng đối với người lao động từ khâu tuyển dụng, đào tạo, phát triển và cơ hội thăng tiến. HAGL ưu tiên sử dụng lao động địa phương và đặc biệt tôn trọng quyền bình đẳng giới, dành cơ hội phát triển công bằng cho cả nhân viên nam và nữ.

Hiện nay, tổng số lao động của HAGL (tính đến 31/12/2016) có 15.058 người, trong đó, số lượng nhân viên nữ chiếm 24%, số quản lý nữ chiếm 19%.



Thời gian đào tạo bình quân cho mỗi công nhân là **20 - 30 ngày/năm**

Cơ hội phát triển

- Tại HAGL, công việc được sắp xếp phân công sao cho phù hợp nhất với trình độ chuyên môn và năng lực của từng nhân viên, đồng thời tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong từng bộ phận công tác để mỗi nhân viên luôn có ý thức phải nỗ lực hết mình.
- Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tối đa để nhân viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn. Hàng năm, HAGL định kỳ tổ chức các khóa đào tạo về nghiệp vụ nhằm nâng cao tay nghề cho CBCNV ở tất cả các lĩnh vực; thường xuyên mở lớp huấn luyện sử dụng phần mềm thống kê, phần mềm kế toán, nhận thức tiêu chuẩn ISO 9001 và Global GAP, vệ sinh an toàn thực phẩm HACCP, đào tạo đánh giá viên nội bộ, hướng dẫn vận hành an toàn máy móc - thiết bị tại các nhà máy và nông trường.
- Thời gian đào tạo bình quân cho mỗi công nhân trong năm là 20 - 30 ngày/năm.
- Bên cạnh đó, HAGL xây dựng các công trình phục vụ người lao động trong phạm vi các dự án như: nhà ở công nhân, nhà ở gia đình, nhà vệ sinh công cộng, nhà vệ sinh trên lô, hỗ trợ xe đưa đón, sân bóng đá mini, sân bóng chuyền... nhằm giúp CBCNV có động lực, yên tâm công tác.



BẢO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nhận thức môi trường là nguồn tài nguyên quý giá của con người, từ nhiều năm qua, HAGL luôn đề cao và nỗ lực thực hiện các giải pháp sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và năng lượng, tuân thủ quy định về bảo vệ môi sinh, đồng thời giảm thiểu tác động xấu tới môi trường,...

KHAI THÁC HIỆU QUẢ NGUỒN TÀI NGUYÊN TÁI TẠO

HAGL tận dụng tối đa lợi thế sẵn có của mình để sử dụng một cách có hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo.

Tiêu thụ nước

HAGL sử dụng nguồn nước chủ yếu cho việc tưới tiêu cây trồng, dùng trong nhà máy sản xuất chế biến mủ cao su... Chúng tôi đặc biệt quan tâm bài toán làm sao để sử dụng nước một cách tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa tác động xấu tới nguồn nước:

Ứng dụng hệ thống tưới nước nhỏ giọt Israel luôn là lựa chọn hàng đầu và là niềm tự hào trong khâu tưới tiêu của các dự án nông nghiệp HAGL. Hệ thống này cho phép tiết kiệm 50 - 70% lượng nước tưới so với các hình thức tưới thông thường.

Nước thải từ các nhà máy chế biến được xử lý và tái sử dụng để tưới cho cây trồng. Nước thải từ các chuồng trại chăn nuôi một phần được xử lý để sản xuất khí điện và phần còn lại được xử lý để tưới cho cây trồng. Biện pháp này giúp Tập đoàn vừa giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ nguồn nước vừa tiết kiệm chi phí cho HAGL.

Tiêu thụ năng lượng điện

Sử dụng điện năng trong các hoạt động vận hành nhà máy chế biến, xưởng sửa chữa, bơm nước, tưới nước, kích thích quá trình ra hoa cho cây... và hoạt động văn phòng; Tập đoàn đã giảm đáng kể lượng điện năng tiêu thụ bằng việc áp dụng các biện pháp thiết thực:

- Thay thế dần các loại dụng cụ và thiết bị cũ như bóng đèn dây tóc, đèn huỳnh quang... bằng loại bóng đèn LED.
- Sử dụng nguồn nhiệt năng được sản xuất từ nguồn tận dụng phụ phẩm bã mía và nguồn khí điện từ chất thải chăn nuôi, đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện tại Lào và Campuchia, hiện nay đã đi vào vận hành và hòa vào lưới điện quốc gia.

“

90%

Tỷ lệ tái chế ống tưới hỏng

”



- Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi đưa nước về các hồ chứa để tưới cho vườn cây, sử dụng bình nước nóng dùng năng lượng mặt trời.
- Phổ biến tới toàn thể CBCNV các quy định về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả.

GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng quy trình sản xuất khép kín, dùng chất thải chăn nuôi sau khi được xử lý tưới tiêu cho cây trồng, nhờ đó hạn chế được chất thải độc hại ra môi trường, bảo vệ nguồn tài nguyên đất, nước quanh vùng dự án.
- Hệ thống tưới nhỏ giọt Israel giúp HAGL hạn chế tối đa dư lượng phân bón, thuốc trừ sâu ngấm vào trong đất,



góp phần giảm thiểu mức độ gây tác động xấu đến đất đai và mạch nước ngầm, cải tạo vi khí hậu khu tưới. Ngoài ra, hình thức tưới nhỏ giọt cũng không gây xói mòn, bạc màu...

- Công ty đã xây dựng nhà máy phân vi sinh công suất 50.000 tấn/năm.
- Sử dụng các nguyên vật liệu có thể tái sử dụng trong sản xuất và đóng gói sản phẩm:
 - Tái sử dụng bao đựng phân bón: để thu gom rác thực vật trong lô (như quả hồng, cành, lá...). Trong đó có 50% số bao được tái sử dụng.
 - Thùng giấy carton đựng trái cây: Lượng sử dụng năm 2016 là 200.000 thùng dùng để đựng trái chanh dây xuất ra thị trường.
 - Ống nước tưới các loại (như ống PVC, ống HDPE, LDPE) được sử dụng để tưới nước nhỏ giọt cho các vườn cây. Các ống tưới đã qua sử dụng bị đứt, gãy được đưa về các nhà máy của Công ty để tái chế với tỷ lệ lên đến 90%.

TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG

- Việc đầu tư kinh doanh của Tập đoàn tuân thủ các quy định và luật về môi trường do Chính phủ Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar ban hành. Trước khi triển khai

dự án, HAGL đã thuê đơn vị độc lập thứ ba đánh giá tác động môi trường, đưa ra các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường và xã hội cho các dự án đầu tư và trình lên các bộ ngành có thẩm quyền, xin cấp phép triển khai.

- HAGL thành lập bộ phận Môi trường nhằm kiểm soát mọi hoạt động sản xuất luôn tuân thủ quy định của các cơ quan chức năng.
- Ban hành Quy chế sử dụng hóa chất với cam kết sử dụng chất hóa học theo đúng quy định của pháp luật, hạn chế tối đa sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc hóa học nhằm giảm thiểu tác động có hại lên nguồn đất, nước và sức khỏe con người.
- Ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và cung cấp thông tin cho các cá nhân, tổ chức về các vấn đề liên quan đến các dự án phát triển cao su của Công ty tại Lào, Campuchia.
- HAGL hợp tác với Bureau Veritas - Tổ chức quốc tế trong lĩnh vực kiểm tra, đánh giá và xác nhận nhằm thực hiện những cam kết hoạch định, phát triển và sản xuất kinh doanh bền vững hướng đến xây dựng, bảo vệ các giá trị cộng đồng và bảo tồn các giá trị thiên nhiên.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

Có thể nói rằng triết lý “Cùng nhau phát triển” là một trong những chìa khoá quan trọng tạo dựng nên sự thành công của HAGL trên hành trình hướng tới sự phát triển bền vững.

Sự gắn kết chặt chẽ với các bên liên quan cũng như những tương tác phản hồi trong suốt hành trình phát triển của Tập đoàn đã giúp HAGL xác định rõ những vấn đề mà các bên quan tâm và tính trọng yếu để tạo cơ sở cho định hướng phát triển bền vững của Tập đoàn.

- Chủ động công bố và minh bạch thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính thông qua báo cáo thường niên, báo cáo tài chính, thông cáo báo chí, thông tin trên website công ty tại địa chỉ: www.hagl.com.vn, website của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM và qua các phương tiện truyền thông...
- Lãnh đạo Tập đoàn trao đổi, lắng nghe ý kiến cổ đông, nhà đầu tư thông qua các buổi gặp trực tiếp, họp báo, đại hội cổ đông.
- Thường xuyên tổ chức các chuyến đi thực tế, tham quan dự án của Tập đoàn tại Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar giúp nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện hơn về hoạt động của Tập đoàn.

HAGL tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đầu tư nông nghiệp với chu trình sản xuất khép kín, tạo ra chất lượng sản phẩm cao, đáp ứng được yêu cầu nghiêm ngặt của đối tác thu mua và khách hàng.

Về lĩnh vực Bất động sản, HAGL ký hợp đồng với Tập đoàn quản lý khách sạn uy tín để điều hành, khai thác kinh doanh khách sạn 5 sao Melia Yangon; hợp tác với CBRE quản lý và khai thác trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê Myanmar Plaza... Với sự hợp tác này, HAGL cùng với các đối tác tạo ra được những sản phẩm, dịch vụ với chất lượng tốt nhất để cung ứng ra thị trường.

- Trao đổi, cập nhật thông tin cho nhân viên qua email, điện thoại, intranet, họp trực tuyến.
- Nâng cao tính đoàn kết của tập thể nhân viên bằng những buổi giao lưu thân mật, sinh nhật nhân viên, tiệc tất niên, tổ chức team-building...
- Mở các khóa đào tạo, huấn luyện nâng cao tay nghề, chuyên môn cho CBCNV.



CỔ ĐÔNG & NHÀ ĐẦU TƯ



KHÁCH HÀNG & ĐỐI TÁC



NHÂN VIÊN





- Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương nhằm tạo công ăn việc làm cho người dân bản địa.
- Tài trợ xây dựng cơ sở vật chất cơ bản như xây nhà, làm đường, đào giếng, xây dựng bệnh viện, trường học... nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.
- Thực hiện các chương trình từ thiện, khám chữa bệnh miễn phí, hỗ trợ lương thực... cho người nghèo.

HAGL được Chính phủ các nước sở tại đánh giá cao vì những đóng góp lớn đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước thông qua việc đầu tư phát triển kinh tế địa phương, nâng cao đời sống xã hội của cộng đồng, làm tốt đẹp hơn mối quan hệ thông thương, giao hảo giữa các quốc gia nơi HAGL hoạt động đầu tư.

Nhà cung ứng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần xây dựng chuỗi giá trị vững mạnh của HAGL. Năm giữ đầu vào của quy trình sản xuất, các đối tác HAGL lựa chọn cung cấp kỹ thuật, công nghệ, in ấn, giống cây trồng vật nuôi... đều là những nhà thầu uy tín đáp ứng yêu cầu về chất lượng và đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc môi trường, cộng đồng.

- Trao đổi và chia sẻ thông tin với cơ quan báo chí qua thông cáo báo chí, họp báo, các chương trình HAGL tổ chức và hội nghị chuyên ngành trong lĩnh vực HAGL đang hoạt động.
- Mời nhà báo đồng hành cùng các hoạt động cộng đồng HAGL thực hiện.



CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI



NHÀ NƯỚC, CHÍNH PHỦ



NHÀ CUNG ỨNG



CƠ QUAN TRUYỀN THÔNG





CAM KẾT GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 01 tháng 06 năm 2006, và hai mươi tám (28) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi tám (28) vào ngày 17 tháng 06 năm 2016 phê duyệt việc bổ sung ngành kinh doanh trồng cây ăn quả, dịch vụ trồng trọt, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, rau quả.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có tám (08) công ty con trực tiếp, ba mươi hai (32) công ty con gián tiếp và ba (03) công ty liên kết.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tập đoàn là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lâm Hoàng Hải	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, vào bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60752790/18591868-HN

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”), được lập ngày 27 tháng 04 năm 2017 và được trình bày từ trang 75 đến trang 164, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 4.7 của báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, Tập đoàn đã bàn giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu (“Nhóm công ty Mía đường”) cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc Nhóm công ty Mía đường cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 08 năm 2016. Hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Nhóm công ty Mía đường này. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các thủ tục pháp lý cần thiết vẫn chưa được hoàn thành. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty xác định đã chấm dứt toàn bộ quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường sau ngày 31 tháng 08 năm 2016. Theo đó, Ban Giám đốc đã sử dụng số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 08 năm 2016 và của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 08 tháng kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty Mía đường để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn. Do các thủ tục pháp lý cần thiết chưa được hoàn tất, chúng tôi đã không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định thời điểm Tập đoàn mất quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường. Đồng thời, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết để kiểm tra các số dư trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 08 năm 2016 của Nhóm công ty Mía đường này, cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các công ty này cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 08 năm 2016 như được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 liên quan đến số liệu tài chính của Nhóm công ty Mía đường hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số 1588-2013-004-1

Phạm Thị Cẩm Tú
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số 2266-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 03 tháng 05 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 40)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.394.220.363	13.215.916.673
110	I. Tiền	5	791.208.293	967.966.695
111	1. Tiền		791.208.293	967.966.695
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.768.206.227	8.469.868.136
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.772.653.862	1.607.110.089
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.316.838.516	1.661.082.955
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	2.034.357.256	3.699.988.122
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.672.681.113	1.511.776.819
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(28.324.520)	(10.089.849)
140	III. Hàng tồn kho	10	1.789.466.577	3.646.452.010
141	1. Hàng tồn kho		1.822.154.682	3.651.634.817
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(32.688.105)	(5.182.807)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		45.339.266	131.629.832
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		7.961.305	13.427.321
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		26.318.790	33.767.746
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22	11.059.171	2.238.777
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	82.195.988
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		43.369.249.238	35.600.011.677
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.350.659.266	6.141.903.570
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	5.717.370.743	6.062.008.291
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	633.288.523	79.895.279
220	II. Tài sản cố định		10.017.094.697	7.546.496.433
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	8.664.993.197	6.176.778.419
222	Nguyên giá		10.076.814.951	7.116.522.216
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.411.821.754)	(939.743.797)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.352.101.500	1.369.718.014
228	Nguyên giá		1.429.539.847	1.405.334.952
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(77.438.347)	(35.616.938)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	3.510.539.222	81.725.494
231	1. Nguyên giá		3.567.861.308	84.074.852
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(57.322.086)	(2.349.358)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		17.983.864.412	19.188.680.860
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	17.983.864.412	19.188.680.860
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		877.887.933	328.257.789
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết	16	865.766.030	252.299.640
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	17	12.101.903	75.938.149
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000	20.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.629.203.708	2.312.947.531
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18	1.497.175.881	1.156.515.098
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.3	91.119.227	82.941.387
269	3. Lợi thế thương mại	19	3.040.908.600	1.073.491.046
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		52.763.469.601	48.815.928.350

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 40)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		36.113.695.179	32.760.380.160
310	I. Nợ ngắn hạn		12.726.074.032	13.212.975.900
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	1.319.409.776	1.123.648.086
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	3.546.000.509	1.438.433.801
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	195.748.396	275.400.876
314	4. Phải trả người lao động		74.235.298	46.519.890
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	846.456.575	809.388.331
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		6.760.210	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	24	1.535.617.649	1.217.547.588
320	8. Vay ngắn hạn	25	5.197.619.996	8.297.755.147
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.225.623	4.282.181
330	II. Nợ dài hạn		23.387.621.147	19.547.404.260
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		4.222.541	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	24	1.374.575.760	546.724.865
338	3. Vay dài hạn	25	21.444.223.544	18.801.459.914
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35.3	287.204.877	192.839.513
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	26	277.394.425	6.379.968
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		16.649.774.422	16.055.548.190
410	I. Vốn chủ sở hữu		16.649.774.422	16.055.548.190
411	1. Vốn cổ phần	27.1	7.899.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.899.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	27.1	3.539.078.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ	27.1	(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.1	650.139.359	555.077.253
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	27.1	279.895.303	279.895.303
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.1	1.391.155.127	2.023.903.249
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.527.805.613	1.570.546.874
421b	- (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(1.136.650.486)	453.356.375
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	28	2.890.513.019	1.758.600.771
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		52.763.469.601	48.815.928.350

Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 27 tháng 04 năm 2017

Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.1	6.441.028.981	6.252.482.061
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	30.1	(1.249.713)	(35.528)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.1	6.439.779.268	6.252.446.533
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	31	(5.430.638.742)	(4.398.020.571)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.009.140.526	1.854.425.962
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	30.2	947.916.097	1.053.656.518
22	7. Chi phí tài chính	32	(1.674.519.826)	(1.203.667.607)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.579.381.993)	(1.078.711.240)
24	8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết		11.710.281	(1.898.163)
25	9. Chi phí bán hàng	33	(169.154.415)	(111.239.060)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33	(501.564.190)	(350.371.742)
30	11. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(376.471.527)	1.240.905.908
31	12. Thu nhập khác	34	176.199.117	180.631.718
32	13. Chi phí khác	34	(1.206.015.281)	(615.325.413)
40	14. Lỗ khác	34	(1.029.816.164)	(434.693.695)
50	15. (Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.406.287.691)	806.212.213
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.1	(10.311.463)	(153.548.976)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35.3	(86.187.524)	(50.302.292)
60	18. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(1.502.786.678)	602.360.945
61	19. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(1.136.650.486)	502.343.207
62	20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(366.136.192)	100.017.738
70	21. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	29	(1.439)	613
71	22. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	29	(1.439)	613



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 27 tháng 04 năm 2017



Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngàn VND

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03-DN/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	(Lỗ) lợi nhuận trước thuế		(1.406.287.691)	806.212.213
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn TSCĐ vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		774.966.464	372.592.068
03	Các khoản dự phòng		45.528.933	9.745.286
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		33.309.004	(115.305.562)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(767.018.139)	(628.376.312)
06	Chi phí lãi vay	32	1.579.381.993	1.078.711.240
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		259.880.564	1.523.578.933
09	Giảm các khoản phải thu		1.119.197.170	1.169.669.226
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.293.921.678	(1.916.001.996)
11	Tăng các khoản phải trả		1.067.210.872	1.699.906.910
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(120.577.118)	121.084.629
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.417.691.509)	(932.571.773)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	35.1	(25.424.754)	(109.599.492)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(56.558)	(26.760.841)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.176.460.345	1.529.305.596
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(3.895.058.904)	(7.946.189.324)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		1.711.964.916	791.534.557
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(3.351.481.274)	(6.581.690.554)
24	Tiền thu hồi cho vay		4.404.445.889	4.476.003.816
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(4.604.707.935)	(2.350.933.815)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		2.018.359.523	866.639.814
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		354.720.632	411.747.874
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.361.757.153)	(10.332.887.632)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát		2.792.000.000	159.000.000
32	Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông không kiểm soát		(313.000.000)	(2.200.000)
33	Tiền thu từ đi vay		4.868.173.006	15.978.713.459
34	Tiền trả nợ gốc vay		(6.433.696.706)	(7.342.378.545)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		913.476.300	8.793.134.914
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(271.820.508)	(10.447.122)
60	Tiền đầu năm		967.966.695	978.413.817
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		95.062.106	-
70	Tiền cuối năm	5	791.208.293	967.966.695

Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 27 tháng 04 năm 2017

Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 01 tháng 06 năm 2006 và hai mươi tám (28) GCNĐKKD điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi tám (28) vào ngày 17 tháng 06 năm 2016 phê duyệt việc bổ sung ngành kinh doanh trồng cây ăn quả, dịch vụ trồng trọt, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, rau quả.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có tám (08) công ty con trực tiếp, ba mươi hai (32) công ty con gián tiếp và ba (03) công ty liên kết với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực bất động sản			
(1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh (“HAN”)	Tp. HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	68,90
(2) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar (“HA Myanmar”)	Tp. Yangon, Myanmar	Đang hoạt động	68,90
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok (i)	Tp. Bangkok, Thái Lan	Đang hoạt động	32,38
Lĩnh vực thủy điện			
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai (“DHA”)	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,40
(5) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu (“NK2”)	Viên Chăn, Lào	Chờ thanh lý	99,40
(6) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3 (“NK3”)	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	99,40
Lĩnh vực nông nghiệp			
(7) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”) (ii)	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	75,02
(8) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	75,02
(9) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Chờ thanh lý	75,01
(10) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Chờ thanh lý	75,01
(11) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	73,35
(12) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	73,35
(13) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	74,67
(14) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	74,61

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Tên công ty con		Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)				
(15)	Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu (“HAA”)	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	75,02
(16)	Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	73,35
(17)	Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	75,02
(18)	Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	75,02
(19)	Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	75,02
(20)	Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	75,02
(21)	Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	74,27
(22)	Công ty Cổ phần An Đông Mia	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	53,60
(23)	Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	53,60
(24)	Công ty Cổ phần Đông Pênh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	74,80
(25)	Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	74,80
(26)	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Tp. HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	75,02
(27)	Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Tp. HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	75,02
(28)	Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	75,02
(29)	Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	75,02
(30)	Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	75,02
(31)	Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	74,96
Lĩnh vực khai khoáng				
(32)	Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(33)	Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kon Tum	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(34)	Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Tỉnh Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	99,40

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(35) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,85
(36) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(37) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	80,00
(38) Công ty TNHH V&H Corporation	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(39) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(40) Công ty Cổ phần Quản lý Bất Động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	Đang hoạt động	94,50

- (i) Tập đoàn nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát công ty này.
- (ii) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là HNG và chính thức được giao dịch từ ngày 20 tháng 07 năm 2015.

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.529 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4.198).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát công ty con nhưng công ty con đang trong quá trình chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn vẫn hợp nhất báo cáo tài chính vào ngày mất quyền kiểm soát và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của công ty con này vào báo cáo tài chính hợp nhất năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.12*). Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp giá mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 25 năm
Phương tiện vận chuyển	02 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	02 - 10 năm
Vật nuôi	06 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	08 năm
Tài sản khác	03 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su là 07 năm và cây cọ dầu là 4,5 năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây cao su và cọ dầu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Khấu hao vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCĐN ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 04 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50
Năm thứ 2	2,80
Năm thứ 3	3,50
Năm thứ 4	4,40
Năm thứ 5	4,80
Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 20	Giá trị còn lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 30 năm
Trung tâm thương mại	50 năm
Văn phòng cho thuê	50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán bất động sản với giá trị còn lại của nó đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản vào ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, văn phòng cho thuê, vườn cây và công trình thủy điện của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu và vườn cây ăn quả như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án bò

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar

Bao gồm chi phí xây dựng và vận hành dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar tại số 192, Đường Kaba Aye Pagoda, Thị trấn Bahan, Thành phố Yangon, Myanmar, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Thành lập số 248DC/2012-2013 ngày 06 tháng 12 năm 2012 cấp bởi Bộ Phát triển Kinh tế và Kế hoạch Quốc gia Myanmar. Đây là dự án xây dựng và vận hành khu Khách sạn, Trung tâm thương mại, Tòa nhà văn phòng và Căn hộ cho thuê trị giá 440 triệu USD tại Myanmar (diện tích đất 73.358 m²). Việc đầu tư vào dự án này được cấp phép bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ra Nước ngoài số 586/BKHĐT-ĐTRNN ngày 21 tháng 02 năm 2013. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, một số hạng mục của dự án bao gồm Trung tâm Thương mại, Văn phòng và Khách sạn thuộc giai đoạn 01 đã đi vào hoạt động chính thức.

Công trình thủy điện

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí đền bù đất, khai hoang, xây dựng đập, đường truyền dẫn và chi phí liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn mía, vườn bắp, vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang và trồng cỏ, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- ▶ Chi phí phát triển vườn mía, bắp, cây ăn quả, chi phí khai hoang và trồng cỏ bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí phát triển cầu thủ bao gồm các chi phí liên quan đến việc đào tạo và phát triển các cầu thủ thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai - Arsenal JMG ("HAGL-JMG"). Chi phí phát triển cầu thủ được phân bổ trong vòng từ 07 đến 10 năm căn cứ theo thời hạn hợp đồng đã ký kết giữa HAGL-JMG với các cầu thủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý vào ngày mua.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả năm tài chính, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Lãi (lỗ) trên cổ phiếu*

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán bình quân của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.20 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.23 Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.24 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung kiểm soát với Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3.25 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Tái cơ cấu nợ vay

Trong năm, như được trình bày ở Thuyết minh (“Thuyết minh”) số 25, Tập đoàn đã hoàn thành việc tái cơ cấu các khoản nợ vay và trái phiếu với các bên cho vay bao gồm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng; Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín; Ngân Hàng TMCP Tiên Phong; Ngân hàng TMCP Bản Việt; Ngân hàng Liên doanh Lào Việt; Công ty Cổ phần Việt Golden Farm. Việc tái cơ cấu bao gồm việc gia hạn thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu từ 04 - 10 năm; gia hạn thời gian trả nợ lãi thêm từ 01 đến 03 năm, và giảm lãi suất, lãi phạt.

4.2 Mua Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương và các công ty con

Vào ngày 22 tháng 02 năm 2016, HNG đã mua 100% vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương (“CSDD”) từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh theo các Hợp đồng chuyển nhượng có liên quan với giá trị chuyển nhượng lần lượt là 880.000.000 ngàn VND và 770.000.000 ngàn VND. Theo đó, CSDD đã trở thành công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày này.

CSDD là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0311181334 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 09 năm 2011. Công ty có trụ sở chính tại số 11D Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày mua, CSDD có các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập	Tỷ lệ sở hữu
(1) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Tp. HCM, Việt Nam	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	27 tháng 06 năm 2014	100%
(2) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	08 tháng 08 năm 2011	100%
(3) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	14 tháng 10 năm 2011	100%
(4) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	17 tháng 01 năm 2013	100%

Hoạt động kinh doanh chính của CSDD và các công ty con (“Nhóm CSDD”) trong kỳ hiện tại là trồng và chăm sóc vườn cao su tại các Tỉnh thuộc Vương Quốc Campuchia.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Nhóm CSDD tại ngày mua. Theo đó, Tập đoàn áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.2 Mua Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương và các công ty con (tiếp theo)

Giá trị hợp lý tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Nhóm CSDD tại ngày mua được trình bày như sau:

Ngàn VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời ghi nhận tại ngày mua
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	684.785.662
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	276.612.284
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	32.460.055
Tài sản cố định hữu hình	2.839.163
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Vườn cây cao su)	1.680.586.665
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả	(203.027.005)
Vay ngắn hạn	(488.455.486)
Vay dài hạn	(504.688.437)
Tổng tài sản thuần	1.481.112.901
Cổ đông không kiểm soát	34.888.585
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	133.998.514
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	1.650.000.000

4.3 Nghiệp vụ phát hành cổ phiếu và thanh lý một phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Vào ngày 22 tháng 02 năm 2016, HNG đã hoàn thành việc phát hành 59.000.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông không kiểm soát với giá phát hành là 28.000 VND/cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 0610/15/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 06 tháng 10 năm 2015 và các Nghị Quyết Hội đồng Quản trị có liên quan. Việc phát hành thêm cổ phần này đã làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG từ 85,95% xuống còn 79,34% tại ngày này.

Trong tháng 03 năm 2016, Tập đoàn đã bán 22.648.360 cổ phiếu của HNG theo đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG từ 79,34% xuống còn 75,61% tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4.4 Phát hành thêm cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh

Vào ngày 03 tháng 05 năm 2016, Đại Hội đồng Cổ đông của HAN đã thông qua phương án chào bán cổ phần riêng lẻ với tổng số lượng cổ phần chào bán là 56.000.000 cổ phần cho nhà đầu tư theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 27/NQĐHĐCĐ.16. Nghiệp vụ này đã hoàn tất vào ngày 11 tháng 05 năm 2016 với 56.000.000 cổ phần được phát hành cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải.

Việc phát hành thêm cổ phần này đã làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HAN từ 85,75% xuống còn 68,90% tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.5 Mua lại một phần cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai rồi huỷ

Vào ngày 28 tháng 09 năm 2016, Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai (“DHA”), công ty con trong Tập đoàn, đã mua lại 10.000.000 cổ phần, tương đương với 3,85% tỷ lệ sở hữu từ cổ đông cá nhân - Ông Nguyễn Văn Hùng trong DHA với tổng giá mua là 313.000.000 ngàn VND làm cổ phiếu quỹ, và tiến hành huỷ sau đó. Theo đó, vốn chủ sở hữu của DHA giảm tương ứng 313.000.000 ngàn VND.

Nghiệp vụ này đã làm tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong DHA từ 95,58% lên thành 99,40% tại ngày này.

4.6 Mua Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên

Vào ngày 09 tháng 12 năm 2016, HNG đã hoàn tất nghiệp vụ mua 81.937.178 cổ phiếu, tương đương với 99,9% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (“CSTN”), từ bên liên quan là chủ sở hữu CSTN với tổng giá phí là 3.277.737.120 ngàn VND (TM số 36). Theo đó, CSTN đã trở thành công ty con của Tập đoàn.

CSTN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900189156, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 18 tháng 02 năm 2008. Hoạt động kinh doanh chính của CSTN trong năm hiện tại là trồng trọt, kinh doanh cây cao su, vườn cây ăn quả và chăn nuôi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của CSTN. Theo đó, Tập đoàn áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất công ty này. Giá trị hợp lý tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của CSTN tại ngày mua được trình bày như sau:

Ngàn VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời ghi nhận tại ngày mua
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	150.156.944
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.836.627.939
Hàng tồn kho	251.734.900
Chi phí trả trước ngắn hạn	8.053.791
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Vườn cây cao su và cây ăn quả)	988.522.788
Tài sản cố định hữu hình	127.142.696
Nợ phải trả	
Vay	(654.841.526)
Phải trả ngắn hạn khác	(2.096.952.050)
Tổng tài sản thuần	610.445.482
Cổ đông không kiểm soát	665.784.954
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	2.001.506.684
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	3.277.737.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.7 Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu

Tập đoàn đã bàn giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu (“Nhóm công ty Mía đường”) cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc Nhóm công ty Mía đường cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 08 năm 2016. Hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Nhóm công ty mía đường này. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các thủ tục pháp lý cần thiết vẫn chưa được hoàn thành. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty xác định đã chấm dứt toàn bộ quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường sau ngày 31 tháng 08 năm 2016. Theo đó, Ban Giám đốc đã sử dụng số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 08 năm 2016 và của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 08 tháng kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty Mía đường để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm công ty Mía đường vào ngày 31 tháng 08 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 08 năm 2016 được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, được trình bày như sau:

Ngàn VND

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		Giá trị tại ngày 31 tháng 08 năm 2016
Tài sản		
Tiền và các khoản tương đương tiền		8.420.846
Tài sản ngắn hạn		101.755
Hàng tồn kho		371.383.029
Các khoản phải thu ngắn hạn		5.567.522
Chi phí trả trước		279.113.465
Tài sản cố định hữu hình		1.920.521.443
Nợ phải trả		
Vay		(794.079.850)
Phải trả ngắn hạn khác		(764.853.195)
Tổng tài sản thuần		1.026.175.015
Vốn chủ sở hữu		815.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		67.461.794
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		143.713.221
Tổng tài sản thuần		1.026.175.015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.7 Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu (tiếp theo)

Ngàn VND

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT		Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 08 năm 2016
Doanh thu bán hàng		700.511.814
Giá vốn hàng bán		(529.149.304)
Lợi nhuận gộp về bán hàng		171.362.510
Chi phí hoạt động tài chính		(145.174.439)
Chi phí quản lý và chi phí khác		(21.359.825)
Lợi nhuận thuần kế toán trước thuế		4.828.246
Lợi nhuận thuần sau thuế		4.828.246

5. TIỀN

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	23.866.437	54.242.848
Tiền gửi ngân hàng (*)	767.341.856	801.473.847
Tiền đang chuyển	-	112.250.000
TỔNG CỘNG	791.208.293	967.966.695

(*) Tập đoàn đã thế chấp 77.802.463 ngàn VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn (Thuyết minh “TM” số 25.4) (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: 29.850.088 ngàn VND).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	816.345.701	341.776.177
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	821.662.397	850.175.129
Trong đó:		
Phải thu Chính phủ Lào cho việc xây dựng sân bay	727.713.177	730.579.743
Phải thu từ các khách hàng khác	93.949.220	119.595.386
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư	-	309.841.300
Phải thu về thanh lý tài sản, bất động sản đầu tư và chuyển nhượng dự án	116.853.085	76.548.668
Phải thu tiền bán căn hộ	17.792.679	28.768.815
TỔNG CỘNG	1.772.653.862	1.607.110.089
Trong đó:		
Phải thu các bên khác	1.306.664.665	1.324.091.905
Phải thu các bên liên quan (TM số 36)	465.989.197	283.018.184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

Ngàn VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.089.849	3.369.230
Dự phòng lập trong năm	25.671.473	6.720.619
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(7.436.802)	-
Số cuối năm	28.324.520	10.089.849

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1.084.871.410	755.208.152
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ và mua máy móc, thiết bị	226.917.728	585.491.717
Trong đó:		
HongKong Tongqing International Trading Limited Company	-	244.247.966
Công ty TNHH Dairy Việt Nam	26.295.632	-
Trả trước cho các nhà thầu khác	200.622.096	341.243.751
Trả trước cho thầu phụ các dự án sân bay	3.214.912	320.383.086
Trả trước cho việc mua đất và các dự án bất động sản	1.834.466	-
TỔNG CỘNG	1.316.838.516	1.661.082.955
Trong đó:		
Trả trước các bên liên quan (TM số 36)	731.281.859	489.232.072
Trả trước các bên khác	585.556.657	1.171.850.883

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 36) (i)	1.976.619.350	3.581.551.780
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	57.737.906	118.436.342
	2.034.357.256	3.699.988.122
Dài hạn		
Cho vay dài hạn bên liên quan (TM số 36) (i)	4.975.852.142	5.050.459.374
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	571.518.003	843.568.572
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	170.000.598	167.980.345
	5.717.370.743	6.062.008.291
TỔNG CỘNG	7.751.727.999	9.761.996.413

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan có thời hạn hoàn trả từ năm 2017 đến năm 2020 và lãi suất trung bình từ 6% đến 15%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

- (ii) Cho vay dài hạn và ngắn hạn các bên khác thể hiện khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 09 năm 2021 với lãi suất trung bình từ 10% đến 15,1%/năm, chi tiết như sau:

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	212.033.194	145.403.194
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki	135.441.322	57.628.773
Công ty TNHH Điện Quang Trung	110.000.000	62.945.000
Khác	171.781.393	696.027.947
TỔNG CỘNG	629.255.909	962.004.914

- (iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 05 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được căn trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm (USD)	7.482.421	21.900.188
Tăng trong năm	-	2.000.000
Giảm trong năm	-	(16.417.767)
Số cuối năm (USD)	7.482.421	7.482.421
Số cuối năm (Ngàn VND)	170.000.598	167.980.345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

9. PHẢI THU KHÁC

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.672.681.113	1.511.776.819
Lãi cho vay các công ty	1.243.347.511	896.888.290
Tạm ứng cho nhân viên	51.578.038	216.180.954
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	44.289.460	1.144.114
Lãi cho vay nhân viên	19.076.113	24.799.150
Phải thu ngắn hạn khác	314.389.991	372.764.311
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 36)	1.381.308.662	991.000.699
Phải thu các bên khác	291.372.451	520.776.120
Dài hạn	633.288.523	79.895.279
Cho mượn các công ty	397.983.108	-
Phải thu Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	132.347.166	-
Lãi cho vay các công ty	81.356.191	23.349.092
Các khoản ký quỹ dài hạn	20.931.632	18.174.130
Phải thu dài hạn khác	670.426	38.372.057
Trong đó:		
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 36)	588.990.280	-
Phải thu các bên khác	44.298.243	79.895.279
TỔNG CỘNG	2.305.969.636	1.591.672.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(*) Thể hiện khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án bò với Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai và dự án vườn cây ăn quả với Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện.

10. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.403.667.094	2.428.332.779
Trong đó:		
Hoạt động xây dựng	601.329.775	516.598.857
Chi phí nuôi bò thịt (i)	419.894.535	1.389.087.259
Hoạt động sản xuất	381.653.599	521.785.649
Cung cấp dịch vụ	789.185	861.014
Chi phí các căn hộ xây để bán (ii)	134.333.625	644.705.652
Nguyên vật liệu	160.086.800	470.738.184
Công cụ, dụng cụ	70.023.675	17.666.745
Thành phẩm	29.303.407	38.557.275
Vật liệu xây dựng	15.206.574	41.367.158
Hàng hóa	9.533.507	10.267.024
TỔNG CỘNG	1.822.154.682	3.651.634.817
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.688.105)	(5.182.807)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.789.466.577	3.646.452.010

- (i) Chi phí nuôi bò thịt trị giá 363.165.199 ngàn VND đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 25).
- (ii) Trong giá trị các căn hộ để bán của dự án Bàu Thạc Gián, một số căn hộ với tổng trị giá 35.976.301 ngàn VND và chung cư HAGL-BIDV thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk trị giá 85.207.487 ngàn VND đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 25).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	2.027.845.679	1.721.098.732	1.253.985.172	8.472.187	2.045.893.942	59.226.504	7.116.522.216
Tăng trong năm	1.385.831.507	399.016.524	838.802.168	427.498	1.141.113.289	5.670.836	3.770.861.822
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.246.653.866	346.028.989	691.260.000	-	775.786.194	864.581	3.060.593.630
Mua trong năm	117.672.423	42.042.608	120.655.921	316.450	321.859.777	4.862.728	607.409.907
Tăng từ mua công ty con	25.988.803	2.021.522	56.974.590	107.770	71.217.751	-	156.310.436
Chênh lệch tỷ giá	(4.483.585)	8.923.405	(30.088.343)	3.278	(27.750.433)	(56.473)	(53.452.151)
Giảm trong năm	(64.488.033)	(58.997.360)	(94.439.890)	(668.631)	(576.661.868)	(15.313.305)	(810.569.087)
Thanh lý	(64.076.595)	(16.504.865)	(85.995.350)	(668.631)	(576.661.868)	(15.313.305)	(759.220.614)
Thanh lý công ty con	(411.438)	(42.492.495)	(8.444.540)	-	-	-	(51.348.473)
Số cuối năm	3.349.189.153	2.061.117.896	1.998.347.450	8.231.054	2.610.345.363	49.584.035	10.076.814.951
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(252.300.871)	(346.413.427)	(217.479.551)	(5.016.403)	(102.967.326)	(15.566.219)	(939.743.797)
Tăng trong năm	(134.861.312)	(130.502.471)	(139.575.551)	(992.084)	(162.266.923)	(5.671.949)	(573.870.290)
Khấu hao trong năm	(132.291.081)	(130.631.131)	(130.862.985)	(914.036)	(168.651.116)	(5.715.250)	(569.065.599)
Tăng từ mua công ty con	(9.018.726)	(964.918)	(11.715.083)	(74.570)	(4.515.051)	-	(26.288.348)
Chênh lệch tỷ giá	6.448.495	1.093.578	3.002.517	(3.478)	10.899.244	43.301	21.483.657
Giảm trong năm	24.017.812	38.837.047	19.250.207	623.012	18.137.468	926.787	101.792.333
Thanh lý	23.674.949	6.760.085	14.512.656	623.012	18.137.468	926.787	64.634.957
Thanh lý công ty con	342.863	32.076.962	4.737.551	-	-	-	37.157.376
Số cuối năm	(363.144.371)	(438.078.851)	(337.804.895)	(5.385.475)	(247.096.781)	(20.311.381)	(1.411.821.754)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	1.775.544.808	1.374.685.305	1.036.505.621	3.455.784	1.942.926.616	43.660.285	6.176.778.419
Số cuối năm	2.986.044.782	1.623.039.045	1.660.542.555	2.845.579	2.363.248.582	29.272.654	8.664.993.197
Trong đó:							
Tài sản sử dụng để cầm cố /thế chấp các khoản vay (TM số 25)	2.986.044.782	1.623.039.045	1.660.542.555	-	2.363.248.582	-	8.632.874.964
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết	7.281.034	11.635.053	20.643.098	1.736.435	-	1.500.217	42.795.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VND

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm (Trình bày trước đây)	12.295.495	134.285.181	146.580.676
Số đầu năm (Trình bày lại - TM số 40)	1.271.049.771	134.285.181	1.405.334.952
Chênh lệch tỷ giá	24.204.895	-	24.204.895
Số cuối năm	1.295.254.666	134.285.181	1.429.539.847
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(417.086)	(35.199.852)	(35.616.938)
Hao mòn trong năm	(25.048.580)	(16.772.829)	(41.821.409)
Số cuối năm	(25.465.666)	(51.972.681)	(77.438.347)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm (Trình bày trước đây)	11.878.409	99.085.329	110.963.738
Số đầu năm (Trình bày lại)	1.270.632.685	99.085.329	1.369.718.014
Số cuối năm	1.269.789.000	82.312.500	1.352.101.500
<i>Trong đó:</i>			
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp các khoản vay (TM số 25)	1.269.789.000	82.312.500	1.352.101.500
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết	-	294.964	294.964

(*) Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất trả trước của dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar trị giá 1.211.604.074 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Ngàn VND

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Văn phòng cho thuê	Trung tâm thương mại	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	64.477.600	19.597.252	-	-	84.074.852
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành (*)	-	-	2.409.421.034	1.138.843.022	3.548.264.056
Thanh lý trong năm	(64.477.600)	-	-	-	(64.477.600)
Số cuối năm	-	19.597.252	2.409.421.034	1.138.843.022	3.567.861.308
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	-	(2.349.358)	-	-	(2.349.358)
Khấu hao trong năm	-	(684.083)	(31.772.520)	(22.516.125)	(54.972.728)
Số cuối năm	-	(3.033.441)	(31.772.520)	(22.516.125)	(57.322.086)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	64.477.600	17.247.894	-	-	81.725.494
Số cuối năm	-	16.563.811	2.377.648.514	1.116.326.897	3.510.539.222
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp các khoản vay (TM số 25)					
	-	16.563.811	2.377.648.514	1.116.326.897	3.510.539.222

(*) Giá trị Văn phòng cho thuê và Trung tâm Thương mại thuộc dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar - Giai đoạn 1 đã hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

Ngàn VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	460.341.756	13.787.888
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	151.874.795	8.716.248

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Giám đốc Tập đoàn tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - TM số 40)
Chi phí phát triển vườn cây cao su	9.412.151.145	6.617.428.619
Nhà máy thủy điện (*)	3.435.534.450	3.305.411.052
Chi phí phát triển vườn cây cọ dầu	3.243.680.311	3.161.851.164
Nhà xưởng và nhà máy nông trường	694.803.144	589.682.433
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	638.772.312	-
Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	307.993.752	4.283.670.334
Chi phí phát triển vườn tiêu	119.602.634	83.114.339
Văn phòng cho thuê	-	793.334.270
Chi phí xây dựng chuồng bò	4.726.452	239.012.337
Học viện bóng đá HAGL - Arsenal JMG	39.910.578	47.140.970
Khác	86.689.634	68.035.342
TỔNG CỘNG	17.983.864.412	19.188.680.860

Vườn cây cao su, cây cọ dầu, Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar, nhà máy thủy điện, vườn tiêu, chi phí dự án bò và các công trình khác đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (TM số 25).

(*) Bao gồm trong số dư này là khoản giá trị dự án Thủy điện Nậm Kông 2 tại Lào trị giá 2.601.728.961 ngàn VND, hiện đang trong quá trình chuyển giao cho đối tác và Tập đoàn đã nhận được một khoản tiền ứng trước từ đối tác này (TM số 21).

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay trị giá 929.048.293 ngàn VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.143.044.636 ngàn VND). Các khoản chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển các tài sản cố định, công trình thủy điện, cao su, cọ dầu và các dự án khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
		(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (“CNGL”) (i)	Chăn nuôi và cây ăn quả	23,46	599.017.484	-	-
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	259.139.025	47,80	244.809.722
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	7.609.521	25,00	7.489.918
TỔNG CỘNG			865.766.030		252.299.640

- (i) Vào ngày 10 tháng 08 năm 2016, công ty con trong Tập đoàn, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên đã mua thêm 14.850.000 cổ phiếu tương đương với 18,56% tỷ lệ sở hữu trong CNGL từ Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú (bên liên quan) với tổng giá mua là 550.000.000 ngàn VND, qua đó tăng tỷ lệ sở hữu trong CNGL lên 23,46% và trở thành công ty liên kết trong Tập đoàn.
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, một công ty ở Việt Nam, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900988952, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 03 tháng 06 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính của CNGL là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt, bò sữa và cây ăn quả.

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Ngàn VND

	Tổng cộng
Giá trị đầu tư	
Số đầu năm	254.797.803
Tăng giá trị đầu tư	601.756.108
Số cuối năm	856.553.911
Phần (lỗ) lợi nhuận lũy kế sau khi đầu tư	
Số đầu năm	(2.498.163)
Lợi nhuận chưa thực hiện được trừ	(5.070.461)
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm	16.780.743
Số cuối năm	9.212.119
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	252.299.640
Số cuối năm	865.766.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
	(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	-	-	4,90	39.200.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai (i)	-	-	19,26	24.636.246
Các khoản đầu tư khác	-	5.901.903	-	5.901.903
TỔNG CỘNG		12.101.903		75.938.149

(i) Vào ngày 02 tháng 05 năm 2016, Công ty đã thanh lý toàn bộ cổ phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai cho Bà Nguyễn Thị Nga (bên liên quan) với tổng trị giá 24.636.250 ngàn VND. Trong năm, Công ty đã thu được toàn bộ số tiền bán cổ phần này.

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát triển vườn mía	618.978.018	658.413.797
Công cụ, dụng cụ	380.772.736	134.418.866
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	186.650.601	-
Chi phí khai hoang và trồng cỏ	109.762.962	121.112.688
Tiền thuê đất	73.795.185	91.834.191
Chi phí đào tạo học viện bóng đá HAGL - JMG	57.955.720	63.699.738
Chi phí thuê văn phòng	25.358.651	26.054.715
Chi phí phát triển vườn bắp	-	49.185.469
Chi phí trả trước dài hạn khác	43.902.008	11.795.634
TỔNG CỘNG	1.497.175.881	1.156.515.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Ngàn VND

	Giá trị
Nguyên giá	
Số đầu năm (Trình bày trước đây)	479.247.555
Số đầu năm (Trình bày lại)	1.078.228.406
Tăng từ mua công ty con (i)	2.135.505.198
Giảm trong năm	(17.592.789)
Số cuối năm	3.196.140.815
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số đầu năm	(4.737.360)
Phân bổ trong năm	(150.494.855)
Số cuối năm	(155.232.215)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm (Trình bày trước đây)	474.510.195
Số đầu năm (Trình bày lại - TM số 40)	1.073.491.046
Số cuối năm	3.040.908.600

(i) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương, cùng các công ty con và Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (TM số 4).

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền sử dụng đất dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	451.447.328	490.407.288
Phải trả nhà thầu xây dựng	446.817.869	300.130.687
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	408.139.015	152.218.598
Phải trả tiền mua máy móc thiết bị và phát triển vườn cây	5.256.463	114.681.513
Phải trả người bán khác	7.749.101	66.210.000
TỔNG CỘNG	1.319.409.776	1.123.648.086
Trong đó:		
Phải trả người bán khác	1.254.386.264	1.021.126.780
Phải trả các bên liên quan (TM số 36)	65.023.512	102.521.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà đầu tư (Chaleun Sekong Group) ứng tiền trước mua cổ phần công ty con (TM số 14)	1.937.491.633	-
Khách hàng thương mại trả tiền trước	883.696.039	796.834.695
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Bò Đông Dương	-	574.711.583
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Bình Hà	103.163.300	105.643.300
Các khách hàng khác	780.532.739	116.479.812
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước (i)	531.096.293	374.145.290
Khách hàng dịch vụ xây dựng trả tiền trước	193.716.544	267.453.816
TỔNG CỘNG	3.546.000.509	1.438.433.801
Trong đó:		
Các khách hàng khác	3.327.865.405	1.186.629.294
Các bên liên quan (TM số 36)	218.135.104	251.804.507

(i) Khoản nhận tiền ứng trước từ khách hàng mua căn hộ tại dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Ngàn VND

	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 35.1)	1.519.411	-	-	1.519.411
Thuế khác	719.366	12.102.687	(3.282.293)	9.539.760
TỔNG CỘNG	2.238.777	12.102.687	(3.282.293)	11.059.171
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	162.239.198	107.414.388	(168.013.814)	101.639.772
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 35.1)	67.994.260	21.990.156	(25.424.754)	64.559.662
Thuế thu nhập cá nhân	6.582.518	11.285.867	(4.739.358)	13.129.027
Thuế khác	38.584.900	20.300.922	(42.465.887)	16.419.935
TỔNG CỘNG	275.400.876	160.991.333	(240.643.813)	195.748.396

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	720.378.010	789.498.692
Chi phí hoạt động	71.098.565	19.889.639
Chi phí phát hành trái phiếu	54.980.000	-
TỔNG CỘNG	846.456.575	809.388.331

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. PHẢI TRẢ KHÁC

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.535.617.649	1.217.547.588
Phải trả tiền mượn các công ty	900.490.146	1.117.587.465
Phải trả lãi vay	240.759.476	635.570
Phải các cá nhân khác	137.404.447	10.422.712
Phải trả tiền thuê đất	29.593.804	14.649.561
Phí bảo trì căn hộ	13.573.215	14.386.625
Các khoản khác	213.796.561	59.865.655
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn các bên khác</i>	<i>1.095.847.319</i>	<i>1.085.376.643</i>
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 36)</i>	<i>439.770.330</i>	<i>132.170.945</i>
Dài hạn	1.374.575.760	546.724.865
Phải trả Hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	550.000.000	-
Nhận ký quỹ dài hạn (ii)	225.056.393	155.032.207
Tiền thuê đất phải trả	202.945.354	185.951.658
Các khoản khác	396.574.013	205.741.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả dài hạn các bên khác</i>	<i>824.575.760</i>	<i>546.724.865</i>
<i>Phải trả dài hạn các bên liên quan (TM số 36)</i>	<i>550.000.000</i>	<i>-</i>
TỔNG CỘNG	2.910.193.409	1.764.272.453

- (i) Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên - công ty con trong Tập đoàn, và Công ty TNHH An Tiến ("An Tiến"), bên liên quan, để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản với tổng giá trị dự án là 963.968.249 ngàn VND và thời hạn 05 năm theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐHT ngày 20 tháng 05 năm 2016. Theo đó, An Tiến sẽ góp 700 tỷ VND vốn đầu tư vào dự án. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, An Tiến đã góp số tiền là 550 tỷ VND. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên.
- (ii) Khoản nhận ký quỹ dài hạn chủ yếu là tiền ký quỹ thuê căn hộ, trung tâm thương mại và văn phòng dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. VAY

Ngàn VND				
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn				
Trái phiếu chuyển đổi (TM số 25.1)	1.100.000.000	-	-	1.100.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 25.2)	3.199.546.106	4.157.837.407	(6.248.013.003)	1.109.370.510
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 25.4)	1.194.348.748	299.804.691	(646.130.588)	848.022.851
Vay ngắn hạn khác (TM số 25.5)	-	193.145.986	(1.119.000)	192.026.986
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	2.803.860.293	300.000.000	(1.155.660.644)	1.948.199.649
Trong đó:				
Trái phiếu kèm chứng quyền (TM số 25.7)	300.000.000	-	(300.000.000)	-
Trái phiếu hoán đổi (TM số 25.6)	1.130.000.000	-	-	1.130.000.000
Trái phiếu thường trong nước (TM số 25.3)	1.373.860.293	300.000.000	(855.660.644)	818.199.649
	8.297.755.147	4.950.788.084	(8.050.923.235)	5.197.619.996
Vay dài hạn				
Trái phiếu thường trong nước (TM số 25.3)	10.191.116.964	4.238.150.516	(2.918.851.306)	11.510.416.174
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 25.4)	8.551.446.715	3.283.965.793	(2.214.692.090)	9.620.720.418
Vay dài hạn khác (TM số 25.5)	58.896.235	301.298.977	(47.108.260)	313.086.952
	18.801.459.914	7.823.415.286	(5.180.651.656)	21.444.223.544
TỔNG CỘNG	27.099.215.061	12.774.203.370	(13.231.574.891)	26.641.843.540

Trong năm, Tập đoàn đã hoàn thành việc tái cơ cấu các khoản nợ vay và trái phiếu với các bên cho vay, bao gồm việc gia hạn thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu từ 04 - 10 năm; gia hạn thời gian trả nợ lãi thêm từ 01 đến 03 năm, giảm lãi suất, lãi phạt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Trái phiếu chuyển đổi

Vào ngày 19 tháng 08 năm 2010, HĐQT thông qua phương án và kế hoạch chi tiết thực hiện việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VND cho Northbrooks Investment (Maritius) Pte Ltd (“NIMP”), một công ty thành viên của Tập đoàn Temasek Holdings Pte Ltd của Singapore phù hợp với các nội dung của phương án phát hành đã được các cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ngày 18 tháng 08 năm 2010. Vào ngày 31 tháng 08 năm 2010, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VND với mệnh giá là 01 triệu VND/trái phiếu. Hợp đồng mua bán trái phiếu được ký ngày 31 tháng 08 năm 2010, điều chỉnh lần đầu vào ngày 26 tháng 03 năm 2013 và điều chỉnh lần 2 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 3107/15/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 31 tháng 07 năm 2015 và nhận được sự chấp thuận của NIMP với các điều khoản và điều kiện chính như sau:

- ▶ Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.
- ▶ Ngày đến hạn: Ngày đến hạn gia hạn là ngày 31 tháng 08 năm 2017.
- ▶ Giá chuyển đổi phụ thuộc vào Điều khoản chống pha loãng.
- ▶ Chuyển đổi và Điều khoản chống pha loãng: Trái Phiếu có thể được chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần được phát hành của Công ty từ ngày 01 tháng 08 năm 2013 cho đến Ngày Đến hạn. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh xuống mức thấp hơn khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây: (i) phát hành cổ phiếu thưởng, (ii) chia tách cổ phần, (iii) hợp nhất các cổ phần, hoặc (iv) phân loại lại cổ phần; (v) chia cổ tức, (vi) phát hành cổ phần mới thấp hơn giá thị trường của mỗi cổ phần tại thời điểm đó và (vii) bất kỳ sự kiện gây pha loãng nào khác.
- ▶ Quyền yêu cầu Công ty mua lại Trái phiếu: Tại bất kỳ thời điểm nào từ ngày 31 tháng 08 năm 2013 đến Ngày Đến hạn, Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái phiếu với giá thỏa thuận. Theo đó, các trái phiếu trên đã được trình bày trong phần nợ ngắn hạn của báo cáo tài chính hợp nhất.
- ▶ Lãi suất: ba phần trăm (3%) một năm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ tổng nợ thuần trên vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đã vượt quá tỷ lệ cho phép được quy định trong hợp đồng.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang trong quá trình bàn bạc với đối tác về các phương án chuyển đổi trái phiếu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”)	541.434.117	1.896.279.457
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (“Ngân hàng Lào - Việt”) - Chi nhánh Attapeu	350.471.619	853.351.981
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TPHCM (“HDBank”) - Chi nhánh Đồng Nai	193.307.774	449.914.668
Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Campuchia	24.157.000	-
TỔNG CỘNG	1.109.370.510	3.199.546.106

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Các khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà xưởng và văn phòng, máy móc thiết bị, vườn cây cao su, vườn cây cọ dầu và đàn bò của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

- 25. VAY** (tiếp theo)
- 25.2 Vay ngắn hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngàn VND	Ngàn VND	USD		
BIDV, Chi nhánh Gia Lai					
Khoản vay 1	504.124.600	504.124.600	-	6,5 - 9%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay thuộc dự án chăn nuôi bò thịt tại Huyện Chuprong, Tỉnh Gia Lai của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (“BSTN”)
Khoản vay 2	37.309.517	37.309.517	-	8,64 - 10,2%/năm	Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL bao gồm quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất trị giá 257 tỷ VND; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tổng trị giá 50,7 tỷ VND
TỔNG CỘNG	541.434.117				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. **VAY** (tiếp theo)
- 25.2 **Vay ngắn hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu	Ngàn VND	Ngàn VND	USD			
	216.919.925	-	9.686.243	Từ ngày 08 tháng 12 năm 2016 đến ngày 24 tháng 06 năm 2017	8%/năm	Máy cắt mía trị giá 5,136 tỷ LAK của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu - công ty con; Quyền sử dụng đất 18.313 m ² tại Huyện Samakhixay, Tỉnh Attapeu và tài sản liên quan trị giá 46,122 tỷ LAK của công ty TNHH PTNN Hoàng Anh Attapeu (“HAA”)
	133.551.694	-	5.982.684	Từ ngày 28 tháng 03 năm 2017 đến ngày 07 tháng 09 năm 2017	8%/năm	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Laman, Sekong, Lào; toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò; toàn bộ đàn bò nhập về của Công ty TNHH Công nghiệp - Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh Quang Minh (“HAQM”)
TỔNG CỘNG		350.471.619				
HDBank, Chi nhánh Gia Lai	192.510.774	192.510.774	-	Từ ngày 18 tháng 01 năm 2017 đến ngày 15 tháng 05 năm 2017	10,5%/năm	Đàn bò thịt hình thành từ vốn vay thuộc sở hữu của công ty CSTN
	797.000	797.000	-	Từ ngày 28 tháng 02 năm 2017 đến ngày 26 tháng 04 năm 2017	10,5%/năm	Đàn bò sinh sản và bê con sinh ra thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk
TỔNG CỘNG	193.307.774					
Ngân hàng Sacombank, Chi nhánh Campuchia	24.157.000	-	1.000.000	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	9%/năm	Quyền sử dụng đất thuê lâu dài tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Ratanakiri và Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Rattanakiri của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Oyada

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Trái phiếu thường trong nước

Trong năm, một số trái phiếu đã được tái cơ cấu với chi tiết như sau:

Ngàn VND

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Số cuối năm		Số đầu năm
		Giá trị	Ngày đến hạn	Giá trị
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	Ngày 25 tháng 04 năm 2012	820.108.381	Từ ngày 27 tháng 04 năm 2017 đến ngày 18 tháng 06 năm 2023	1.760.450.342
	Ngày 30 tháng 12 năm 2016	240.000.000	Từ ngày 30 tháng 06 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020	-
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	Ngày 30 tháng 12 năm 2016	6.546.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	-
	Từ ngày 09 tháng 07 năm 2013 đến ngày 17 tháng 08 năm 2015	-		5.950.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC")	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	930.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	-
	Ngày 01 tháng 04 năm 2014	-		650.000.000
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS")	Ngày 28 tháng 11 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 28 tháng 12 năm 2021	1.000.000.000
	Ngày 29 tháng 12 năm 2016	183.000.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2020	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	Ngày 27 tháng 08 năm 2015	600.000.000	Từ ngày 27 tháng 12 năm 2021	600.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital ("ECS")	Ngày 17 tháng 11 năm 2015	1.700.000.000	Từ ngày 17 tháng 12 năm 2018 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	1.700.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IBSC") và VPB	Ngày 27 tháng 12 năm 2016	431.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2020	-
Chi phí phát hành trái phiếu		(121.492.558)		(95.473.085)
TỔNG CỘNG		12.328.615.823		11.564.977.257
Trong đó:				
Trái phiếu dài hạn		11.510.416.174		10.191.116.964
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		818.199.649		1.373.860.293

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. VAV (tiếp theo)
- 25.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
ACBS	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	240.000.000	Năm thứ nhất 10%, năm thứ hai trở đi lãi suất sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp kỳ hạn mười ba tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm (2016: 10%/năm)	Từ ngày 30 tháng 12 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su (Tỉnh Rattanakiri, Campuchia); dự án nhà máy mía đường, nhiệt điện, ethanol và phân vi sinh (Tỉnh Attapeu, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào (“Lào”); dự án thủy điện Nậm Kông 2 (Tỉnh Attapeu, Lào) và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	12.960.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 13.405.675 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ; 45.230.000 cổ phiếu của CNGI sở hữu bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á (*)	520.000.000	Bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười ba (13) tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 6,5%/năm (2016: 10 - 13,8%/năm)	Ngày 27 tháng 04 năm 2017		76.521.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 10.800.000 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ
	Hoàng Phú Sơn	108.381				
Công ty Cổ phần Việt Golden Farm		300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng của NHTMCP Tiên Phong + 4,5% (2016: 10%/năm)	Ngày 18 tháng 06 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu phức hợp Hoàng Anh Myanmar của Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar (“HAGL Myanmar”)
		1.060.108.381				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		518.199.647				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị tài sản đảm bảo của trái phiếu này không bằng tối thiểu 130% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngắn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
BIDV và BSC	BIDV	6.546.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (04) NHTM tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3%/năm (2016: 9,75%/năm)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: - 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HAQM; - 51 ha tại Tỉnh Attapeu, và 2.723,9 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong thuộc sở hữu Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu; - 9.996,9 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu ; 5.588 ha (trồng cao su) và 2.093,6 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; - 9.380,9 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu Công ty TNHH Một Thành viên Hoàng Anh Andong Meas; - 1.960,91 ha tại Tỉnh Rattanakiri thuộc sở hữu Công ty TNHH MTV Heng Brothers; - 3.283,66 ha tại Tỉnh Rattanakiri, thuộc sở hữu Công ty TNHH MTV C.R.D Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên; Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; 44.926.000 cổ phiếu HAG Công ty do ông Chủ tịch HĐQT nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. **VAY** (tiếp theo)
- 25.3 **Trái phiếu thường trong nước** (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
PHUGIASC	Ngân hàng HD - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	930.000.000	Lãi suất điều chỉnh 03 tháng một lần và bằng chi phí vốn (COF) VND 12 tháng do ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM cộng với biên độ 3,5%/năm (lãi suất năm 2016 là 10%/năm)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	74.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 10.800.000 Cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty
VPBS	VPB	1.000.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi đối với tổ chức kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng với biên độ áp dụng cho ba (03) kỳ tính lãi thuộc năm đầu tiên là 3,5%/năm và các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,25%/năm (2016: 9,45 - 10,05%/năm)	Ngày 28 tháng 12 năm 2021	Hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai với CNGI (600 tỷ VND), và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (400 tỷ VND)	203.484.450 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 4.700.000 cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 19.940.000 cổ phiếu HNG tại Công ty Cổ phần Đồng Pênh và dự án Daun Pênh với quy mô 73.760.785 m ² tại Tỉnh Rattarakiri thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Daun Pênh Agrico

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

- 25. **VAY** (tiếp theo)
- 25.3 **Trái phiếu thường trong nước** (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
IBSC	VPB	183.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của NH VN Thịnh Vượng được xác định tại ngày xác định LS + biên độ 4%/năm	Ngày 29 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	234.484.450 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; dự án 7.376,08 ha cò dầu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico tại Xã Chey Ou Dom, Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT
IBSC	VPB	431.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của NH VN Thịnh Vượng được xác định tại ngày xác định LS + biên độ 4%/năm	Ngày 27 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	234.484.450 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; dự án 7.376,08 ha cò dầu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico tại Xã Chey Ou Dom, Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

- 25. **VAY** (tiếp theo)
- 25.3 **Trái phiếu thường trong nước** (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngân VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
FPTS và VPB	VPB	600.000.000	Bảng lãi suất tiền gửi bằng VND đối với tổ chức kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của VPB - Sở Giao Dịch được xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất ("Lãi Suất Tham Chiếu") cộng với biên độ là 4,5%/năm (2016: 10,7% - 11,4%/năm)	Ngày 27 tháng 12 năm 2021	Dự án chăn nuôi bò thịt tại Xã Ia Băng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai cho Công ty Bò sữa Tây Nguyên, là công ty con, dưới hình thức hợp tác đầu tư	196.368.900 cổ phần HAN và các khoản tiền, tài sản còn lại thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty sau khi được TPBank - Sacombank xóa thế chấp hoàn trả thanh toán lại theo hợp đồng bảo lãnh 178 và hợp đồng vay ngày 18 tháng 04 năm 2013; tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu Phức hợp Hoàng Anh Myanmar của HAGL Myanmar (Thành phố Yangon, Myanmar); vốn góp 51 triệu USD của HAN vào HAGL Myanmar; 225.970.000 cổ phần của Thủy điện HAGL, 234.484.450 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 19.940.000 cổ phần của HNG tại Công ty Cổ phần Đồng Pênh và dự án Daun Penh với quy mô 73.760.785 m ² tại Tỉnh Rattarakiri thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico
ECS (**)	VPB	1.400.000.000	Bảng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sở Giao Dịch cộng với biên độ 4,5%/năm (2016: 10,5 - 11,3%/năm)	Ngày 17 tháng 12 năm 2021	Cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành vào tháng 12 năm 2012; bổ sung vốn cho các dự án trồng và chăm sóc cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào, bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Tập đoàn	181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty (trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để thế chấp cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND - Trái phiếu HAGL 600 của Công ty)
	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	300.000.000		Ngày 17 tháng 12 năm 2018		

(**) Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, giá trị tài sản đảm bảo của các trái phiếu này không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố đã ký kết. Tuy nhiên, đối với trái phiếu nắm giữ bởi VPB, ngày đến hạn sau phê duyệt gia hạn mới là ngày 17 tháng 12 năm 2021, theo đó, Tập đoàn vẫn trình bày khoản trái phiếu này là nợ dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. VAY (tiếp theo)
25.4 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngàn VND

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong (“TPbank”) (*)	2.962.524.517	3.155.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”)	3.778.546.313	2.868.532.269
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (“Ngân hàng Lào - Việt”) - Chi nhánh Attapeu	1.391.677.219	1.397.191.001
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”)	1.341.912.616	937.322.850
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”)	994.082.604	1.208.568.105
Ngân hàng TMCP Á Châu (“ACB”) - Chi nhánh Gia Lai	-	178.581.238
TỔNG CỘNG	10.468.743.269	9.745.795.463
Trong đó:		
Vay dài hạn	9.620.720.418	8.551.446.715
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	848.022.851	1.194.348.748

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án xây dựng và phát triển thủy điện, trồng cây cao su và mía, phát triển dự án bò thịt, xây dựng trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng, khách sạn và mua sắm máy móc thiết bị của Tập đoàn.

(*) Theo Thoả thuận sửa đổi ngày 30 tháng 09 năm 2016, Ngân Hàng TMCP Tiên Phong thay thế vai trò của Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam trong hợp đồng tín dụng cho vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

- 25. VAY** (tiếp theo)
25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
TPBank, Hội sở	Ngân VND	USD			Tổng giá trị tài sản hình thành trong tương lai từ dự án “Trung tâm Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar” thuộc sở hữu của HAGL Myanmar; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty - tài sản này hiện đang đồng thời thế chấp cho trái phiếu 930 tỷ sở hữu bởi HDBank, trái phiếu 600 tỷ sở hữu bởi VPBank, trái phiếu 300 tỷ sở hữu bởi Công ty Cổ Phần Việt Golden Farm (TM số 25.3) và khoản vay HDBank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai (TM số 25.2)
	2.962.524.517	129.992.300	Từ ngày 10 tháng 01 năm 2017 đến ngày 17 tháng 06 năm 2023	Lãi suất LIBOR 03 tháng bằng USD vào thời điểm giải ngân + 7,8%/năm và điều chỉnh 03 tháng một lần	
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	455.800.000				
BIDV, Chi nhánh Gia Lai					
Khoản vay 1	731.055.979	32.077.928	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (2016: 7%/năm)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu bởi HAA
Khoản vay 2	80.054.199	3.542.200	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2016 đến ngày 26 tháng 09 năm 2024	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5%/năm (2016: 7%/năm)	Văn phòng làm việc Hội sở chính HAGL tại số 15 Trường Chinh, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai và Khách sạn HAGL tại Số 1 Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
Ngàn VND				
BIDV, Chi nhánh Gia Lai (tiếp theo)				
Khoản vay 3	225.859.830	Từ tháng 04 năm 2017 đến tháng 04 năm 2022	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,2%/năm (2016: 9,5 - 11,5%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên ("BSTN")
Khoản vay 4	79.544.318	Từ ngày 04 tháng 05 năm 2017 đến ngày 04 tháng 05 năm 2022	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,2%/năm (2016: 10,65 - 11,65%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò tại Gia Lai của BSTN
Khoản vay 5	65.968.272	Từ ngày 05 tháng 12 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2022	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3%/năm nhưng không thấp hơn tại thời điểm cho vay, điều chỉnh 03 tháng 01 lần (2016: 9,65%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò tại Xã Ia Băng, Tỉnh Gia Lai của BSTN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

- 25. **VAY** (tiếp theo)
- 25.4 **Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
BIDV, Chi nhánh Gia Lai (tiếp theo)	Ngàn VND	Ngàn VND	USD		
Khoản vay 6	761.457.207	473.876.601	12.618.719	Từ ngày 13 tháng 03 năm 2019 đến ngày 15 tháng 06 năm 2020	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai vườn cao su 1.194,74 ha tại Tỉnh Gia Lai của CSTN; số dư tiền gửi ngân hàng 10.700.000 ngàn VND tại BIDV (TM số 5); và căn hộ và một phần khu Thương mại Bàu Thạc Gián, Đà Nẵng
Khoản vay 7	600.569.351	474.725.354	5.522.001	Từ năm 2017 đến ngày 20 tháng 10 năm 2020	Công trình khu liên hợp học viện bóng đá HAGL của Thể thao HAGL; công trình đại học Y Dược HAGL của Bệnh viện HAGL; tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (vườn cao su 1.194,74 ha và các lợi ích hợp pháp khác từ vườn cây trên tại Xã Po Tó, Tỉnh Gia Lai) của CSTN ; số dư tiền gửi ngân hàng 14.703.000 ngàn VND tại BIDV (TM số 5)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

- 25. VAY** (tiếp theo)
- 25.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>BIDV, Chi nhánh Bình Định</i>	<i>Ngàn VND</i>	<i>USD</i>			
Khoản vay 1 (của Nhóm công ty Mía đường vào ngày 31 tháng 08 năm 2016)	577.159.925	25.772.235	Từ ngày 30 tháng 12 năm 2016 đến ngày 21 tháng 04 năm 2023	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau +3,5%/năm (2016: 7%/năm)	Quyền thuê và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha đất tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu, Lào của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu
Khoản vay 2	656.877.232	29.436.736	Từ ngày 25 tháng 03 năm 2015 đến ngày 25 tháng 12 năm 2022	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5%/năm (2016: 7,5%/năm)	Cao ốc Hoàng Văn Thu, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai; quyền sử dụng đất tại Hồ sinh thái Đồng Đa, Thành phố Quy Nhơn; nhà máy đá Grannite HAGL tại Tỉnh Gia Lai; số dư tiền gửi ngân hàng 52.399.463 ngàn VND tại BIDV (TM số 5); quyền sử dụng 6.993,2 m ² đất tại Phù Đồng, Pleiku, Gia Lai - thuộc sở hữu của Công ty; 117 căn hộ thuộc khu căn hộ cao cấp HAGL-BIDV gắn liền quyền sử dụng đất tại Tỉnh Đắk Lắk của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk; và một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào của HAA
TỔNG CỘNG BIDV	3.778.546.313				
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	338.652.495				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

- 25. **VAY** (tiếp theo)
- 25.4 **Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngàn VND	USD			
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn (*)	262.454.604	-	Từ năm 2021 đến tháng 12 năm 2026	1,125%/tháng trong 03 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 04 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng cộng 0,3333%/tháng (2016: 11,55%/năm)	23.200.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT và 14,5 triệu Cổ phần Công ty Cổ phần Hoàng Anh Quang Minh thuộc sở hữu của HING
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn	300.000.000	-	Ngày 28 tháng 12 năm 2021	12 tháng đầu: 10%/năm; từ tháng thứ 7: lãi suất tiền gửi 13 tháng cộng 2,5%/năm, điều chỉnh mỗi 03 tháng (2016:10%/năm)	Nguồn thu, hoa lợi từ dự án cây cao su đã và đang hình thành trên đất tại xã Ea H'leo, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk. 18.570.00 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT, 14.500.000 cổ phiếu HING thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thủy Điện HAGL, 4.999.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh Quang Minh thuộc sở hữu của HING

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị tài sản đảm bảo của khoản vay này không bằng tối thiểu 100% tổng dư nợ theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng cầm cố tài sản. Tuy nhiên khoản vay này đã được phê duyệt gia hạn mới đến tháng 12 năm 2026, theo đó, Tập đoàn vẫn trình bày là nợ dài hạn vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

- 25. VAY** (tiếp theo)
25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức		Ngàn VND	USD		
Khoản vay 1	250.000.000	-	Từ ngày 29 tháng 05 năm 2017 đến ngày 29 tháng 05 năm 2019	Lãi suất thả nổi (2016: 10%/năm)	Vườn cao su 1.328,1 ha của CSTN, bên liên quan; 01 bìa đồ 479,2 ha tại xã EaH'leo, Huyện EaH'leo giá trị 95,840 tỷ đồng thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk và 01 bìa đồ 683,33 ha tại xã EaH'leo, Huyện EaH'leo giá trị 97,760 tỷ đồng thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê
Khoản vay 2	85.000.000	-	Ngày 11 tháng 10 năm 2021	9,5%/năm	Toàn bộ vườn cao su, công trình gắn liền với đất, quyền khai thác và các tài sản khác với tổng diện tích là 13.281.000 m ² thuộc sở hữu của CSTN
Sacombank, Chi nhánh Campuchia	96.628.000	4.000.000	Từ ngày 23 tháng 06 năm 2018 đến 23 tháng 06 năm 2021	9%/năm	Quyền sử dụng đất thuê lâu dài tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Rattanakiri và Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Rattanakiri của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Oyada
Tổng cộng Sacombank	994.082.604				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	25.000.000				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

- 25 **VAY** (tiếp theo)
- 25.4 **Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
Ngân hàng Lào - Việt ("LVB"), Chi nhánh Attapeu					
Khoản vay 1	Ngàn VND	USD	Ngàn LAK		
	369.671.109	-	135.908.495	Bảng lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng tại LVB + biên độ lãi suất, điều chỉnh 06 tháng/lần (2016: 12 - 12,75%/năm)	Tài sản dự án Thủy điện Nậm Kông 3 thuộc sở hữu của Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3
Khoản vay 2	423.798.509	18.991.745	-	Bảng lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng tại LVB + biên độ lãi suất, điều chỉnh 06 tháng/lần (2016: 8 - 9,5%/năm)	Toàn bộ đàn bò nhập về của HA Attapeu
Khoản vay 3	277.751.463	7.649.850	39.355.143	Vay bằng USD: mức vay trung hạn tại LVB, điều chỉnh 06 tháng/lần. Vay bằng LAK: lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 3%/năm, điều chỉnh 06 tháng/lần (2016: 9,5 - 11%/năm cho USD; 12,75 - 13,75%/năm cho LAK)	Quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu bởi HAA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

- 25. VAY** (tiếp theo)
25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngàn VND	Ngàn VND	USD		
Ngân hàng Lào - Việt ("LVB"), Chi nhánh Attapeu (tiếp theo)					
Khoản vay 4	223.844.283	-	10.027.500	Từ ngày 25 tháng 01 năm 2019 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022	9,5%/năm Quyền sử dụng 03 lô đất 1.001,78 ha tại Laman, Xekong, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp - Nông nghiệp Cao su HAQM. Toàn bộ tài sản trên đất là công trình xây dựng, máy móc thiết bị để thực hiện dự án nuôi bò trị giá 11.372.722 USD; Toàn bộ số đàn bò nhập về trị giá 26.460.000 USD
Khoản vay 5 (*)	96.611.855	-	4.329.481	Từ ngày 25 tháng 02 năm 2017 đến ngày 30 tháng 11 năm 2020	9,5 - 10,5%/năm Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cò dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư thuộc sở hữu bởi HAA
Tổng cộng Ngân hàng Lào - Việt	1.391.677.219				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	24.177.754				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thực hiện thanh toán khoản vay đến hạn trị giá 12.095.535 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

- 25. VAY** (tiếp theo)
- 25.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)	
HD Bank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	Ngàn VND	Ngàn VND	USD			
	879.445.535	450.000.000	18.827.073	Từ ngày 25 tháng 06 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Khoản vay USD: bằng chi phí vốn (COF) USD + 7%/năm. Khoản vay VND : bằng chi phí vốn (COF) VND + 3,5%/năm (2016: 10,5 - 12%/năm cho VND và 7 - 7,5%/năm cho USD)	42.880.000 cổ phiếu HAG của Công ty do Chủ tịch HĐQT và bà Hoàng Thị Ngọc Bích nắm giữ và toàn bộ quyền phát sinh; quyền thuê đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trên đất và quyền khai thác dự án Hoàng Anh Lumphat thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Lumphat; 6 triệu cổ phần của Công ty Cổ Phần An Đông Mía (“ADM”) sở hữu bởi BSTN; 100 ngàn cổ phần của ADM sở hữu bởi Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai
	299.706.456	299.706.456	-	Từ năm 2017 đến ngày 30 tháng 08 năm 2020	10 - 11%/năm	Toàn bộ cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh (“HAN”)
HD Bank - Chi nhánh Gia Lai	99.800.000	99.800.000	-	Từ ngày 30 tháng 09 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2021	Lãi suất năm đầu tiên là 12,5%/năm. Lãi suất sẽ được điều chỉnh một năm một lần	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn trái bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án. Cổ phiếu HAG và quyền phát sinh. Cổ phiếu HNG và quyền phát sinh
	62.960.625	62.960.625	-	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2017 đến ngày 02 tháng 12 năm 2020	10,5 - 11,25%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay, đàn bò và bê con thuộc dự án chăn nuôi bò thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk
Tổng cộng HD bank	1.341.912.616					
Trong đó:						
Vay dài hạn đến hạn trả	4.392.602					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. VAY (tiếp theo)
25.5 Vay ngắn hạn khác và vay dài hạn khác

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tên đối tượng	Số cuối năm	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
	Ngàn VND	Ngàn LAK	Ngàn VND			
Vay ngắn hạn khác						
Ông Đỗ Mai Anh Tuấn	75.524.199	27.766.249	-	Hoàn trả trong vòng 09 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015	Không lãi suất	Tín chấp
Công ty Cổ Phần Địa Ốc Nhật Hoa	47.322.487	-	47.322.487	Hoàn trả trong vòng 06 tháng kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2016	5,5% - 13%/năm	Tín chấp
Bà Trần Thị Hữu Duyên	24.581.000	-	24.581.000	Ngày 27 tháng 08 năm 2016	7%/năm	Tín chấp
Công ty Cổ phần Cảnh Hưng Đại Thành	18.000.000	-	18.000.000	Ngày 26 tháng 10 năm 2016	9%/năm	Tín chấp
Các cá nhân khác và công ty (*)	26.599.300	-	26.599.300	Từ ngày 03 tháng 03 năm 2016 đến ngày 08 tháng 06 năm 2017	5 - 11%/năm	Tín chấp
Tổng cộng vay ngắn hạn khác	192.026.986					
Trong đó:						
Vay bên liên quan (TM số 36)	7.823.000					
Vay dài hạn khác						
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	298.000.000	-	298.000.000	Ngày 28 tháng 09 năm 2018	6%/năm	Tín chấp
Cá nhân khác	15.086.952	-	15.086.952	Hoàn trả khi có yêu cầu	Không lãi suất	Tín chấp
Tổng cộng vay dài hạn khác	313.086.952					
Trong đó:						
Vay bên liên quan (TM số 36)	298.000.000					

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thực hiện thanh toán khoản vay cá nhân đến hạn trị giá 52.409.300 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. VAY (tiếp theo)

25.6 Trái phiếu hoán đổi

Chi tiết trái phiếu hoán đổi như sau:

Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Northbrooks Investment (Maritius) Pte. Ltd	697.000.000	Lãi suất = 5%/năm x (1+ Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái)	Ngày 14 tháng 07 năm 2017	Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của HNG	Tín chấp
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sài Gòn	433.000.000	“Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái” có nghĩa là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa USD và VND do HSBC niêm yết kể từ ngày phát hành Trái Phiếu đến trước 02 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi			
	1.130.000.000				

Hoán đổi: Chủ sở hữu Trái Phiếu có quyền hoán đổi Trái Phiếu toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai do Công ty nắm giữ tại bất kỳ thời điểm nào kể từ (i) ngày niêm yết các cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai hoặc (ii) ngày tròn ba năm kể từ Ngày Hoàn Tất tùy thuộc ngày nào muộn hơn, và kết thúc vào (i) ngày đến hạn hoặc (ii) trong trường hợp Trái Phiếu được gia hạn, ngày trước ngày tròn sáu năm kể từ Ngày Hoàn Tất.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ nợ ngắn hạn trên lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao tài sản cố định (“EBITDA”) của Công ty và tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu của HNG đã vượt mức cho phép theo quy định của hợp đồng mua bán trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang trong quá trình bàn bạc với các đối tác về các phương án thanh toán hoặc hoán đổi trái phiếu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. VAY (tiếp theo)

25.7 Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 05 tháng 12 năm 2012, HNG đã phát hành 20.000 trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (03) năm và được ân hạn thêm một (01) năm. HNG đã mua lại 17.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 và 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND vào ngày 18 tháng 05 năm 2016.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của HNG tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của HNG tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của HNG tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 06 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS - công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và HNG, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (02) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (04) năm lên sáu (06) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền, tức là ngày 05 tháng 12 năm 2018.

26. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn chủ yếu thể hiện khoản thuế nhà thầu trích trước liên quan đến các khoản vay của các công ty con trong Tập đoàn hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

Ngàn VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	670.143	249.756.283	2.517.123.517	14.205.621.557
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	502.343.207	502.343.207
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	554.407.110	-	-	554.407.110
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	-	(737.400)	(737.400)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ phúc lợi	-	-	-	-	30.139.020	(48.249.432)	(18.110.412)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	-	-	-	-	-	(946.576.643)	(946.576.643)
Số cuối năm	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	555.077.253	279.895.303	2.023.903.249	14.296.947.419
Năm nay							
Số đầu năm	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	555.077.253	279.895.303	2.023.903.249	14.296.947.419
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	(1.136.650.486)	(1.136.650.486)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	95.062.106	-	-	95.062.106
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	-	-	-	-	-	503.902.364	503.902.364
Số cuối năm	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	650.139.359	279.895.303	1.391.155.127	13.759.261.403

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	789.899.283	789.899.283
Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	68.664	68.664

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

28. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Ngàn VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm (Trình bày trước đây)	1.968.772.863	1.149.582.771
Số đầu năm (Trình bày lại - TM số 40)	1.758.600.771	1.149.582.771
Mua công ty con	(700.673.539)	254.895.298
(Lỗ) lợi nhuận trong năm	(366.136.192)	100.017.738
Thanh lý công ty con	(5.021.563)	(8.652.537)
Cổ tức phải trả	(825.000)	(602.955)
Công ty con phát hành cổ phần mới, bán cổ phần hiện hữu của công ty con	2.204.568.542	263.360.456
Số cuối năm	2.890.513.019	1.758.600.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

29. (LỖ) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ) lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VND)	(1.136.650.486)	502.343.207
Trích lập quỹ phúc lợi (Ngàn VND)	-	(18.110.412)
Tiền lãi sau thuế của trái phiếu chuyển đổi hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Ngàn VND)	19.428.440	47.883.010
(Lỗ) lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng (Ngàn VND)	(1.117.222.046)	532.115.805
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	789.899.283	789.899.283
Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi (*)	55.993.892	55.993.892
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm	845.893.175	845.893.175
(Lỗ) lãi trên cổ phiếu (VND)		
- (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.439)	613
- (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.439)	613

(*) Như trình bày tại TM số 25.1 của báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, vào ngày 31 tháng 08 năm 2010, Công ty đã phát hành 1.100 tỷ VND trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá 1 triệu VND/trái phiếu. Các trái phiếu này có thể có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai. Tuy nhiên, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2016, chúng có tác động suy giảm ngược.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

30. DOANH THU

30.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngàn VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	6.441.028.981	6.252.482.061
Trong đó:		
Doanh thu bán bò	3.466.253.714	2.541.497.017
Doanh thu bán hàng hóa	689.004.439	614.231.760
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	468.841.325	871.366.579
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	460.341.756	13.787.888
Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản	419.000.000	-
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác	328.474.397	238.787.287
Doanh thu bán căn hộ	206.880.422	198.041.907
Doanh thu bán bắp	135.764.750	323.258.716
Doanh thu bán mù cào su	114.025.799	196.279.407
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	87.964.779	1.040.289.682
Doanh thu thanh lý bất động sản đầu tư	64.477.600	214.941.818
Khoản giảm trừ	(1.249.713)	(35.528)
Hàng bán trả lại	(1.249.713)	(35.528)
Doanh thu thuần	6.439.779.268	6.252.446.533
Trong đó:		
Doanh thu bán bò	3.465.004.001	2.541.497.017
Doanh thu bán hàng hóa	689.004.439	614.196.232
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	468.841.325	871.366.579
Doanh thu từ dịch vụ thuê	460.341.756	13.787.888
Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản	419.000.000	-
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác	328.474.397	238.787.287
Doanh thu bán căn hộ	206.880.422	198.041.907
Doanh thu bán bắp	135.764.750	323.258.716
Doanh thu bán mù cào su	114.025.799	196.279.407
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	87.964.779	1.040.289.682
Doanh thu thanh lý bất động sản đầu tư	64.477.600	214.941.818
Trong đó:		
Doanh thu thuần với các bên khác	5.665.031.413	5.126.980.699
Doanh thu thuần với các bên liên quan	774.747.855	1.125.465.834

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

30. DOANH THU (tiếp theo)

30.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Ngàn VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay	883.197.510	774.082.821
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	47.349.975	230.702.842
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.660.435	18.714.532
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	2.595.452	29.925.898
Cổ tức	112.725	230.425
TỔNG CỘNG	947.916.097	1.053.656.518
Trong đó:		
Lãi tiền cho vay các bên liên quan	822.222.870	682.194.159

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Ngàn VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán bò	3.025.303.851	1.798.098.921
Giá vốn hàng hóa	644.204.460	518.873.603
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng bất động sản	328.544.677	-
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	326.964.951	501.695.563
Giá vốn dịch vụ cho thuê	151.360.667	8.716.248
Giá vốn dịch vụ khác	310.246.492	191.055.334
Giá vốn căn hộ	184.114.451	161.652.655
Giá vốn bán bắp	66.657.192	127.610.998
Giá vốn mủ cao su	142.773.735	191.251.156
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	185.600.840	799.970.554
Giá vốn bất động sản đầu tư	64.867.426	99.095.539
TỔNG CỘNG	5.430.638.742	4.398.020.571

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Ngàn VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay ngân hàng và trái phiếu	1.579.381.993	1.078.711.240
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	49.982.904	97.354.796
Lỗ từ chuyển nhượng cổ phần và thanh lý đầu tư	-	20.857.250
Các khoản khác	45.154.929	6.744.321
TỔNG CỘNG	1.674.519.826	1.203.667.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngàn VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.056.997	67.390.726
Chi phí lương nhân viên	20.749.208	2.725.126
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.573.818	1.119.391
Chi phí khác	18.774.392	40.003.817
TỔNG CỘNG	169.154.415	111.239.060
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	163.448.955	101.193.708
Phân bổ lợi thế thương mại	150.494.855	29.056.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.467.085	114.216.174
Chi phí khấu hao	36.803.117	27.836.710
Chi phí khác	83.350.178	78.068.626
TỔNG CỘNG	501.564.190	350.371.742

34. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Ngàn VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	176.199.117	180.631.718
Lãi từ thanh lý tài sản	162.033.597	161.694.345
Các khoản bồi thường nhận được	-	2.672.268
Các khoản khác	14.165.520	16.265.105
Chi phí khác	(1.206.015.281)	(615.325.413)
Lỗ từ đánh giá lại các tài sản không hiệu quả	(523.453.281)	(544.622.373)
Lỗ từ thanh lý tài sản dài hạn khác	(402.427.821)	-
Chi phí thay đổi mục đích sử dụng tài sản	(207.046.655)	-
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(25.629.519)	(1.581.124)
Các khoản phạt	(11.525.716)	(11.281.615)
Các khoản khác	(35.932.289)	(57.840.301)
LỖ KHÁC	(1.029.816.164)	(434.693.695)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2015: 22%).

Các công ty con của Tập đoàn tại Lào, Campuchia, Myanmar và Thái Lan có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất tương ứng dựa trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn, giảm thuế TNDN theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế địa phương. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

35.1 Chi phí thuế TNDN

Ngàn VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.311.463	153.548.976
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	86.187.524	50.302.292
TỔNG CỘNG	96.498.987	203.851.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

35.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Ngàn VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.406.287.691)	806.212.213
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)		
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Lỗ từ các công ty con	1.724.866.566	393.289.083
Lợi thế thương mại phân bổ	150.494.855	29.056.524
Lợi nhuận chưa thực hiện trên hợp nhất	44.218.911	241.817.159
Thay đổi chi phí phải trả	22.000.000	96.333.509
Tiền phạt	20.886.781	8.878.441
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	12.810.335	55.649.676
(Lỗ) lãi từ việc thanh lý công ty con	2.724.776	(29.925.898)
Các khoản khác	19.321.536	5.216.413
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Chi phí lãi vay (đã được khấu trừ) được vốn hóa vào dự án trên báo cáo tài chính hợp nhất	(89.797.577)	(182.693.504)
Dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con	(193.300.955)	-
Lợi nhuận miễn thuế	(148.789.308)	(728.821.481)
Chênh lệch tỷ giá	30.902.557	(16.665.539)
Lãi (lỗ) từ các công ty liên kết	(11.710.281)	1.898.163
Chi phí trích trước năm trước được khấu trừ trong năm nay	(1.010.629)	(2.499.412)
Thu nhập cổ tức	(112.725)	(230.425)
Các khoản khác	(8.711.778)	(3.349.750)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành chưa căn trừ lỗ năm trước	168.505.373	674.165.172
Lỗ các năm trước chuyển sang	(17.821.889)	(14.063.566)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành sau khi căn trừ lỗ năm trước	150.683.484	660.101.606
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành	10.928.559	145.222.353
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu năm trước	(617.096)	8.326.623
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	10.311.463	153.548.976
Thuế TNDN phải trả đầu năm	66.474.849	14.193.628
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	11.678.693	8.331.737
Thuế TNDN đã trả trong năm	(25.424.754)	(109.599.492)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	63.040.251	66.474.849
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 22)	64.559.662	67.994.260
Thuế TNDN nộp thừa (TM số 22)	(1.519.411)	(1.519.411)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

35.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

35.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

Ngàn VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - TM số 40)	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	91.119.227	82.941.387	8.177.840	44.905.635
Các khoản lỗ tính thuế được chuyển sang các năm sau của các công ty con	-	-	-	(110.825.458)
	91.119.227	82.941.387	8.177.840	(65.919.823)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chi phí lãi vay vốn hoá khi hợp nhất	248.544.686	189.506.405	59.038.281	(18.950.639)
Dự phòng khoản đầu tư	38.660.191	-	38.660.191	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	3.333.108	(3.333.108)	3.333.108
	287.204.877	192.839.513	94.365.364	(15.617.531)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			86.187.524	50.302.292

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Ngàn VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Bà Nguyễn Thị Ngọc Trang	Bên liên quan	Mua cổ phần CSTN	3.277.487.120	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Cho vay	-	1.719.085.398
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	598.278.514	1.111.024.040
		Mua hàng hóa và dịch vụ	177.804.404	1.148.449.076
		Thu hồi tiền cho vay	-	512.697.837
		Mua tài sản	88.105.382	305.043.871
		Lãi cho vay	216.854.465	154.943.197
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	347.028.384	374.596.730
		Mua cổ phần CNGI	550.000.000	-
		Thu hồi tiền cho vay	-	739.740.000
		Cho vay	-	965.478.783
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Lãi cho vay	81.762.040	14.548.178
		Cho vay	-	697.320.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cho vay	-	54.140.386
		Lãi cho vay	7.913.439	2.492.768
		Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	771.957	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	-	42.869.945
		Lãi cho vay	16.222.042	-
		Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	903.707	-
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	30.469.444	28.743.750
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	2.106.001	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:
(tiếp theo)

Ngàn VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Bán cổ phần	24.636.250	-
		Lãi cho vay	839.583	-
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	15.119.538	1.585.248
		Cho vay	-	72.533.690
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	59.194.401	-
		Chuyển nhượng tài sản	173.143.070	-
		Mua hàng hóa	38.785.483	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	339.172.635	275.845.734
		Bán tài sản	383.279	383.279
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	2.041.135	1.813.211
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	49.843	1.452.577
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	97.427	1.302.577
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.967.402	915.102
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	849.306	250.570
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	118.125
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.093.959	873.319
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	63.690
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Bán tài sản	90.147.433	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	27.712.129	-
Các bên liên quan khác		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.474.649	-
TỔNG CỘNG			465.989.197	283.018.184
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	702.918.509	467.936.006
		Ứng trước mua tài sản	-	4.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Ứng trước phí tư vấn thiết kế	15.056.000	17.023.166
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	13.034.450	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Ứng trước dịch vụ xây dựng	272.900	272.900
TỔNG CỘNG			731.281.859	489.232.072

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú (i)	Công ty liên quan	(i)	726.516.211	2.860.085.936
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan (trước đây)	11 - 13%	-	473.358.579
Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Bên liên quan		-	92.867.100
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	10,8 - 11%	660.000.000	67.860.980
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	11%	-	30.434.400
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Độ	Công ty liên quan	7 - 13%	-	26.190.000
Ông Đỗ Thái Cơ	Bên liên quan	11%	-	16.157.837
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	7 - 11%	-	13.433.052
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	11%	-	663.896
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Bất động sản Hoàng Anh	Công ty liên quan		500.000	500.000
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	10,5%	189.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vạn Phúc Hưng	Công ty liên quan		14.130.278	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	11,53 - 16,45%	54.140.387	-
Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty liên quan		14.500.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trúc Thịnh	Công ty liên quan		126.017.532	-
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thờ	Công ty liên quan		115.917.134	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	6,5 - 12%	14.500.000	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	12,5%	61.397.808	-
TỔNG CỘNG (*)			1.976.619.350	3.581.551.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	925.412.956	596.353.404
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	Tạm ứng hoạt động kinh doanh	1.600.000	138.499.307
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	143.698.819	113.229.375
		Chi phí trả hộ	2.440.389	2.440.389
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Lãi cho vay	35.315.529	56.547.492
		Cho mượn	3.759.760	-
		Khác	20.976.758	85.229
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan (trước đây)	Lãi cho vay	-	40.411.220
		Chi phí trả hộ	-	914.514
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Lãi cho vay	3.894.640	14.548.178
		Chi phí trả hộ	-	7.779.191
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	12.624.059	12.624.059
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay	10.406.208	2.492.768
		Chi phí trả hộ	7.402.364	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	2.728.820	622.820
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	14.452.574	380.531
		Chi phí trả hộ	2.530.531	-
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Lãi cho vay	1.501.070	-
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Lãi cho vay	2.329.167	-
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	Lãi cho vay	2.329.167	-
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	23.465.186	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	18.058.649	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn	119.795.357	-
		Khác	12.770.387	-
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	13.122.719	-
Các bên liên quan khác	Công ty liên quan	Lãi cho vay và cho mượn	693.553	4.072.222
TỔNG CỘNG			1.381.308.662	991.000.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	6 - 9,75%	1.229.890.624	1.991.975.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	(i)	1.490.961.271	1.471.708.240
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	(ii)	300.000.000	697.320.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	6,5%	125.340.957	-
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	6,5%	150.000.000	-
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	6,5%	96.670.000	-
Ông Huỳnh Hữu Vũ	Bên liên quan	11%	-	294.936.000
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	0 - 8%	45.615.335	221.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trúc Thịnh	Công ty liên quan	10%	-	126.017.533
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	12%	141.231.796	116.568.196
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan		105.110.065	-
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan		771.628.333	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan		381.703.227	-
Công ty TNHH MTV Vạn Phúc Hưng	Công ty liên quan		30.048.554	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan (trước đây)	11 - 13%	-	62.142.038
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	8 - 13%	-	54.140.387
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	6,5 - 12%	93.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	13,21 - 15,73%	14.651.980	14.651.980
TỔNG CỘNG (*)			4.975.852.142	5.050.459.374

(*) Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông ngày 15 tháng 09 năm 2016, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 07 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

(i) Thể hiện khoản cho vay tín chấp cho An Phú để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Chi tiết như sau:

Khoản cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	Ngàn VND		%/năm
Khoản cho vay 1	446.516.211	17 tháng 07 năm 2017	8%
Khoản cho vay 2	280.000.000	08 tháng 08 năm 2017	12%
Khoản cho vay 3	620.961.271	08 tháng 09 năm 2018	Không
Khoản cho vay 4	287.000.000	30 tháng 12 năm 2021	10%
Khoản cho vay 5	283.000.000	30 tháng 08 năm 2020	6%
Khoản cho vay 6	300.000.000	27 tháng 05 năm 2018	11,5%
TỔNG CỘNG	2.217.477.482		

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, khoản phải thu của Tập đoàn đối với An Phú và các công ty liên quan với An Phú đã được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Ông Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty liên quan khác.

(ii) Đây là khoản Tập đoàn cho Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức, vay theo hợp đồng số 01/10/15HĐV-HAGL ngày 01 tháng 10 năm 2015 hoàn trả trong vòng ba năm và có lãi suất là 12%/năm (2015: 10%/năm).

Ngàn VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Lãi cho vay	60.368.691	-
		Phải thu BCC	109.650.981	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	20.987.500	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn	102.439.202	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn	295.543.906	-
TỔNG CỘNG			588.990.280	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 20)				
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan (trước đây)	Phải trả phát triển vườn cây	-	(60.549.000)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mua máy móc thiết bị	-	(23.204.432)
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(57.589.718)	(9.136.427)
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	Phải trả nhà thầu xây dựng	-	(8.140.692)
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(4.172.853)	(1.462.695)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(3.195.941)	-
Các bên liên quan khác	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(65.000)	(28.060)
TỔNG CỘNG			(65.023.512)	(102.521.306)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 21)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Ứng trước dịch vụ xây dựng và mua hàng hóa	(193.716.544)	(251.804.507)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	(24.395.000)	-
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Ứng trước dịch vụ xây dựng và mua hàng hóa	(23.560)	-
TỔNG CỘNG			(218.135.104)	(251.804.507)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 24)				
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan (trước đây)	Cho mượn tạm	-	(123.120.360)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	-	(6.092.453)
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	(6.450.000)	(2.104.578)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Cho mượn tạm	(404.622.014)	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	(4.688.276)	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Bên liên quan	Cho mượn tạm	(23.204.111)	-
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	(805.929)	(853.554)
TỔNG CỘNG			(439.770.330)	(132.170.945)
Phải trả dài hạn khác (TM số 24)				
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh	(550.000.000)	-
Vay ngắn hạn (TM số 25)				
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Vay	(7.823.000)	-
Vay dài hạn (TM số 25)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Vay	(298.000.000)	-

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký như sau:

Ngàn VND

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Lương	9.950.242	10.079.430
Ban kiểm soát		
Lương	2.292.856	2.181.905
Ban thư ký		
Lương	545.858	523.347
TỔNG CỘNG	12.788.956	12.784.682

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

37. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn là bên thuê

Tập đoàn thuê nhiều lô đất khác nhau tại Việt Nam, Lào, Campuchia để xây dựng nhà xưởng, các tiện nghi của Câu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng và trồng cây cao su và các loại cây khác. Tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày như sau:

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 01 năm	106.719.092	102.937.206
Từ 01 đến 05 năm	465.335.080	456.835.315
Trên 05 năm	9.237.157.505	9.225.640.605
TỔNG CỘNG	9.809.211.677	9.785.413.126

Tập đoàn là bên cho thuê

Tập đoàn hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Trong năm 2016, Tập đoàn đã ký các thỏa thuận cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại tại Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 01 năm	819.615.350	693.345.361
Từ 01 đến 05 năm	4.149.731.927	940.655.522
Trên 05 năm	980.831.074	72.731.616
TỔNG CỘNG	5.950.178.351	1.706.732.499

Các cam kết liên quan đến chi phí xây dựng công trình

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có các cam kết hợp đồng cho việc xây dựng các dự án bất động sản và dự án thủy điện như sau:

Ngàn VND

	Giá trị theo hợp đồng	Giá trị đã ghi nhận	Giá trị cam kết còn lại
<i>Dự án thủy điện</i>			
Dự án Nậm Kông 3	1.667.250.000	679.840.474	987.409.526
<i>Dự án bất động sản</i>			
Dự án Myanmar	9.810.680.000	4.918.172.179	4.892.507.821
TỔNG CỘNG	11.477.930.000	5.598.012.653	5.879.917.347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

38. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Các loại ngoại tệ:		
- KIP Lào (LAK)	10.435.442.239	1.062.267.512
- Đồng Kyat Myanmar (MMK)	1.901.281.258	1.477.735.052
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	111.306.843	100.364.068
- Đồng Bạc Thái Lan (THB)	7.078.908	10.979.106
- Đô la Mỹ (USD)	7.610.333	9.680.509
- Đồng Euro (EUR)	1.864	1.150

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

39.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Bất động sản: phát triển dự án căn hộ để bán và cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại;
- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng căn hộ, xây dựng sân bay và xây dựng chuồng trại;
- Năng lượng: phát triển và khai thác thủy điện;
- Khoáng sản: khai thác, chế biến và bán quặng tinh chế (đã dừng hoạt động); và
- Nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, mía đường, thu hoạch, chế biến và bán mủ cao su, gỗ cao su, đường, cọ dầu, các loại cây trồng khác và chăn nuôi bò thịt.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)
39.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Ngàn VND									
	Bất động sản	Sản xuất	Thương mại và dịch vụ	Xây dựng	Nông nghiệp	Năng lượng	Khoáng sản	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015									
Doanh thu									
Từ khách hàng bên ngoài	412.983.725	614.196.232	252.575.175	1.040.289.682	3.930.607.511	1.794.208	-	-	6.252.446.533
Giữa các bộ phận	-	1.051.267.689	77.910.535	319.663.862	1.012.816.978	-	-	(2.461.659.064)	-
Tổng cộng	412.983.725	1.665.463.921	330.485.710	1.359.953.544	4.943.424.489	1.794.208	-	(2.461.659.064)	6.252.446.533
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Kết quả của bộ phận	152.235.531	95.322.629	52.803.593	240.319.128	1.313.745.081	-	-	-	1.854.425.962 (896.304.497)
Chi phí không phân bổ									958.121.465
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									1.053.656.518
Thu nhập tài chính									(1.203.667.607)
Chi phí tài chính									(1.898.163)
Lỗ từ công ty liên kết									806.212.213
Lợi nhuận trước thuế									(153.548.976)
Thuế TNDN hiện hành									(50.302.292)
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại									602.360.945
Lợi nhuận sau thuế trong năm									
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015									
Tài sản và nợ phải trả									
Tài sản của bộ phận	8.259.008.883	6.871.718.470	414.281.212	185.383.734	30.242.394.567	4.228.529.998	471.749.500	-	50.673.066.364
Tiền của Tập đoàn									967.966.695
Đầu tư vào công ty liên kết									252.299.640
Tài sản không phân bổ									(3.077.404.349)
Tổng tài sản									48.815.928.350
Nợ phải trả của bộ phận	(5.749.925.677)	(6.971.300.300)	(342.851.722)	(487.006.160)	(23.589.760.026)	(2.449.760.889)	(136.660.009)	-	(39.727.264.783)
Nợ phải trả không phân bổ									6.966.884.623
Tổng nợ phải trả									(32.760.380.160)

[illegible]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

39.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

Ngàn VND

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Myanmar	Khác	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015						
<i>Doanh thu</i>						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	3.537.795.775	2.313.976.917	385.591.191	-	15.082.650	6.252.446.533
<i>Chi phí hình thành TSCĐ</i>						
Tài sản cố định hữu hình	880.724.729	3.862.481.415	589.213.313	2.359.964.154	-	7.692.383.611
Tài sản cố định vô hình	3.989.985	-	-	-	-	3.989.985
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	19.189.917.338	18.373.812.591	7.040.409.698	5.691.387.168	107.598.986	50.403.125.781
Tiền						967.966.695
Đầu tư vào công ty liên kết						252.299.640
Tài sản không phân bổ						(2.807.463.766)
Tổng tài sản						48.815.928.350
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016						
<i>Doanh thu</i>						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	3.232.724.397	2.506.968.190	64.613.336	527.589.610	107.883.735	6.439.779.268
<i>Chi phí hình thành TSCĐ</i>						
Tài sản cố định hữu hình	1.614.370.980	941.132.740	363.692.108	457.265.687	-	3.376.461.515
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	20.217.523.536	16.938.340.189	9.449.068.450	6.533.872.729	49.986.162	53.188.791.066
Tiền						791.208.293
Đầu tư vào công ty liên kết						865.766.030
Tài sản không phân bổ						(2.082.295.788)
Tổng tài sản						52.763.469.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

40. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11, Ban Giám đốc đã tiến hành đánh giá lại giá trị hợp lý tài sản thuần của các công ty con đã mua và hợp nhất trong năm trước. Theo đó, Ban Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố việc ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản mua thêm tương ứng nghiệp vụ mua 99,7% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Đông Pênh và công ty con - Công ty TNHH Daun Penh Agrico, với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 798.397.600 ngàn VND, thực hiện vào ngày 14 tháng 10 năm 2015.

Thêm vào đó, Ban Giám đốc cũng đã điều chỉnh hồi tố việc ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản mua thêm tương ứng nghiệp vụ mua 69,7% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần An Đông Mía và công ty con - Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat, với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 700.695.000 ngàn VND, thực hiện vào ngày 15 tháng 10 năm 2015.

Ngoài ra, giá trị của các quyền sử dụng đất của dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar cũng đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm nay.

Theo đó, một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại như sau:

Ngàn VND

	Số liệu đã trình bày trước đây	Điều chỉnh lại	Phân loại lại	Số liệu sau trình bày lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Lợi thế thương mại	474.510.195	598.980.851	-	1.073.491.046
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21.458.876.315	(1.011.441.179)	(1.258.754.276)	19.188.680.860
Tài sản cố định vô hình	146.580.676	-	1.258.754.276	1.405.334.952
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	395.127.749	(202.288.236)	-	192.839.513
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.968.772.863	(210.172.092)	-	1.758.600.771

41. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 27 tháng 04 năm 2017

Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

